Paulo Coelho



NHÀ GIẢ KIM

CUỐN SÁCH BÁN CHẠY CHỈ SAU KINH THÁNH



vh
nhã nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

PAULO COELHO

Nhà Giả Kim

Lời giới thiệu

Chàng trai chăn cừu (Nhà giả kim – The Alchemist) PAULO COELHO

Paulo Coelho viết truyện bằng tiếng Brazil - một biến thể của tiếng Bồ Đào Nha. Tựa gốc là O Alquimista, do NXB Editora Rocco Ltda. ở Rio de Janeiro phát hành năm 1988. Bản dịch tiếng Việt này của dịch giả Lê Chu Cầu, dựa theo bản tiếng Đức (Der Alchimist của C.S.Herzog, NXB Diogenes, Zurich, 1996, có tham khảo bản tiếng Anh. Truyện do NXB Lao Động phát hành năm 2002, bản quyền của Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.

Chương 1 - 8

Vào truyện

***

Nhà luyện kim đan cầm lấy quyển sách mà một người trong đoàn lữ hành mang theo.

Quyển sách đã cũ và long gáy nhưng ông vẫn đọc được tên tác giả : Oscar Wilde. Mở ra đọc, ông thấy có một câu chuyện về hoa thủy tiên. Dĩ nhiên, ông không lạ gì truyền thuyết về chàng Narziss xinh trai, ngày ngày soi mặt trên hồ nước để tự chiêm ngưỡng sắc đẹp của mình. Chàng say mê chính mình đến nỗi một ngày kia nghiêng quá đà, ngã xuống hồ và chết đuối. Thế là từ nơi đó mọc lên một bông hoa đẹp, mang tên chàng Narziss nọ. Nhưng Oscar Wilde không kết thúc câu chuyện như thế mà kể rằng sau khi chàng chết, những nàng tiên trong rừng hiện ra, thấy hồ nước ngọt kia giờ đã biến thành một đầm lầy mặn vì nước mắt.

“Vì sao em khóc ?” – các nàng tiên hỏi.

“Vì em thương tiếc chàng Narziss”, hồ nước đáp.

“Phải rồi. Các chị chẳng ngạc nhiên tí nào. Và tuy tất cả chúng ta đều theo đuổi chàng nhưng chỉ mình em được chiêm ngưỡng sắc đẹp tuyệt vời ấy”.

“Chàng xinh trai đến thế ư ?”, hồ nước ngơ ngác hỏi.

“Còn ai biết điều này rõ hơn là em chứ ?” – các nàng tiên ngạc nhiên – “ngày nào mà chàng chẳng cúi người soi mình trên mặt hồ”.

Nghe thế, hồ nước im lăng hồi lâu rồi mới đáp : “Đúng là em khóc chàng Narziss, nhưng em chưa bao giờ để ý rằng chàng đẹp trai đến thế. Em khóc chàng vì mỗi lần chàng soi người trên mặt hồ thì em mới thấy được sắc đẹp của chính em hiện lên rõ trong đôi mắt chàng”.

“Quả là một câu chuyện tuyệt vời”, nhà luyện kim đan nói.

***

Khi cậu chăn cừu Santiago xua được đàn cừu về đến ngôi nhà thờ cổ và hoang phế thì trời đã sẩm tối. Ngôi nhà thờ này đã bị sập mái từ khá lâu rồi và nơi xưa kia là phòng thay áo lễ nay sừng sững một cây dâu tằm to tướng. Cậu quyết định ngủ qua đêm tại đấy. Thế là cậu lùa lũ cừu qua khung cửa đã hư hại rồi chắn lại bằng vài thanh gỗ để đêm đến lũ vật khỏi chui ra. Tuy vùng này không có chó sói nhưng đã có đêm một con cừu chui ra ngoài khiến hôm sau cậu mất cả ngày đi tìm. Rồi cậu trải áo khoác trên nền đất, ngả lưng à dùng quyển sách đang dọc dở làm gối. Trước khi ngủ, cậu tự nhủ sau này phải tìm những sách dày hơn để vừa có thể đọc được lâu, vừa có thể dùng làm gối tốt hơn. Khi cậu thức giấc thì trời còn tối mịt. Nhìn lên trời cao, cậu thấy sao lấp lánh giữa những xà ngang. “Mình còn muốn ngủ tiếp mà”, cậu thầm nghĩ. Cậu lại vừa mơ giấc mơ y hệt cách đây một tuần và lần này cũng thức giấc giữa cơn mơ. Cậu ngồi dậy, uống một hớp vang rồi dùng loại gậy của người chăn cừu đánh thức từng con một. Càng ngày cậu càng có cảm tưởng là lũ vật cùng thức dậy một lượt với mình như thể có một sự hòa điệu thần bí giữa đời cậu và những con vật từ hai năm nay đi theo cậu, nay đây mai đó, tìm thức ăn và nước uống. “Chúng đã quá quen với mình nên biết luôn cả giờ giấc của mình”, cậu nghĩ. Nhưng sau một lúc suy ngẫm cậu lại thấy có thể ngược lại lắm, rằng cậu đã quen với giờ giấc của bầy cừu. Một vài con chưa chịu dậy ngay. Cậu lấy gậy đánh thức, gọi tên từng con một. Cậu luôn luôn có cảm tưởng lũ cừu hiểu biết những gì mình nói. Cho nên đôi lúc cậu đọc cho chúng nghe vài đoạn trong những quyển sách mà cậu đặc biệt thích, hoặc cậu triết lí về cuộc sống đơn độc và niềm vui của người chăn cừu, hay là bình phẩm về những tin mới biết được nơi những thành phố câu thường đi qua. Nhưng từ hai ngày nay cậu hầu như chỉ nói về một đề tài : cô con gái của một nhà buôn ở cái thành phố nhỏ mà bốn ngày nữa cậu và lũ cừu sẽ đến. Năm ngoái là lần đầu tiên cậu đến nhà người lái buôn này, chủ một cửa hàng vải vóc. Ông ta đói phải xén lông cừu ngay trước cửa hàng để khỏi bị lọc lừa.

Lần đó một người quen đã giới thiệu với cậu cửa hàng này và giờ đây cậu lại dẫn bầy cừu đến đó.

“Tôi muốn bán lông cừu”, lần đó cậu đã nói với ông nhà buôn kia như thế. Cửa tiệm đang đầy khách hàng nên ông ta yêu cầu chàng chăn cừu đợi đến xế trưa. Thế là cậu ngồi ngay xuống lề đường trước cửa hiệu, lôi trong bị ra một quyển sách. “Mình không biết là chăn cừu mà cũng đọc được sách đấy”, một giọng con gái cất lên ngay cạnh cậu. Đúng là một cô gái đất Andalusia (Andalusia : vùng phía nam Tây Ban Nha, sát Đại Tây Dương và Địa Trung Hải), với mái tóc đen dài và đôi mắt phảng phất nét người Mauren (Người Mauren (tiếng Anh : Moor) : một sắc dân du mục ở Bắc Phi, đã đô hộ Tây Ban Nha từ thế kỉ VIII đến thế kỉ XV) xâm lược xưa kia. “Bởi vì giống cừu còn dạy tôi biết được nhiều điều hơn là sách vở”,

cậu đáp. Hai người trò chuyện tíu tít suốt hơn hai tiếng. Cô gái cho biết mình là con người chủ tiệm kia và kể về cuộc sống đơn điệu, ngày nào như ngày nấy ở đó. Về phần mình, cậu chăn cừu kể về phong cảnh vùng Andalusia và về những tin mới lạ ở những nơi cậu đã đi qua. Cậu lấy làm vui sướng vì có người lắng nghe chuyện mình. “Anh học đọc sách như thế nào ?”, cô muốn biết. “Trong trường học, như mọi người khác”, cậu đáp. “Nhưng nếu anh đọc sách được thì sao anh chỉ thành một người chăn cừu bình thường thôi ?”. Cậu bối rối vì tin chắc rằng cô sẽ không hiểu nổi cậu. Để tránh né trả lời, cậu tiếp tục kể về hành trình của mình và đôi mắt nhỏ phảng phất mắt người Mauren của cô gái khi tròn xoe, lúc nheo lại vì kinh ngạc. Thời gian trôi qua, còn cậu thầm ước ngày hôm ấy đừng bao giờ chấm dứt, hoặc là bố cô cứ tiếp tục để cậu chờ thêm ba ngày nữa. Cậu thấy một cảm giác khác lạ chưa từng biết đến : đó là mơ ước được sống ổn định một nơi. Có cô gái này bên cạnh thì chẳng còn ngày nào là nhàm chán nữa. Nhưng rồi ông nhà buôn đến, bảo xén cho lông bốn con cừu, trả tiền ngay rồi bảo cậu sang năm trở lại.

Bây giờ chỉ còn có bốn ngày đường nữa là đến thành phố kia. Cậu nao nức nhưng lòng lại bồn chồn : biết đâu cô gái đã quên cậu lâu rồi. Thiếu gì người chăn cừu đi qua đấy để bán lông cừu. “Chẳng cần”, cậu nói to với bầy cừu, “bề gì tao cũng quen khối con gái ở bao thành phố khác”. Nhưng trong thâm tâm cậu biết mình không thể chẳng cần, vì rằng bất cứ người chăn cừu, người thủy thủ hay người khách thương nay đây mai đó nào cũng có ở đâu đó một kẻ khiến cho họ quên mất thú vui được tự do giang hồ đi cùng trời cuối đất.

Trời hửng sáng. Cậu chăn cừu lùa lũ vật đi về hướng mặt trời mọc. ‘Loài vật chẳng bao giờ phải tự quyết định về bất cứ chuyện gì’, cậu nghĩ. ‘Có lẽ vì vậy mà chúng quấn quýt với mình’. Nhu cầu duy nhất của lũ cừu là ăn và uống. Bao lâu còn dẫn chúng đến được những đồng cỏ mượt mà của vùng Andalusia thì chúng vẫn mãi là những người bạn thân thiết, dù cho một ngày như mọi ngày với những giờ tẻ nhạt trôi qua từ lúc hừng đông đến khi mặt trời lặn, dù cho cúng không hề đọc một quyển sách trong cuộc sống ngắn ngủi và không bao giờ hiểu được tiếng người ta kháo nhau về những chuyện mới lạ ở nơi này nơi nọ. Được cho ăn và cho uống là chúng hài lòng.

Với chúng thì thế là đủ. Đổi lại, chúng là những người bạn đồng hành đem lại niềm vui, cống hiến nhiều len và thỉnh thoảng cả thịt nữa. ‘Nếu bất chợt mình biến thành một kẻ hung ác, giết hết con này đến con khác thì chắc khi cả lũ chết gần hết rồi chúng mới biết’, cậu thầm nghĩ. ‘Vì chúng mù quáng tin vào mình, chứ không còn tin ở bản năng của chúng nữa. Chỉ bởi vì mình là kẻ dẫn chúng đến những đồng cỏ xanh và nguồn nước mát.’ Cậu chợt ngạc nhiên trước những suy nghĩ này của chính mình. Có lẽ ngôi nhà thờ cổ này cùng với cây dâu tằm bị ma ám rồi chăng. Dù sao đi nữa thì cũng tại hai thứ này mà cậu mơ giấc mơ kia thêm lần thứ hai và vô cớ tức bực với những người bạn đồng hành trung thành của mình.Cậu uống một ngum vang còn lại của chiều hôm trước và kéo áo khoác sát mình hơn. Cậu biết chỉ ít giờ nữa, khi mặt trời đứng bóng thì sẽ quá nóng, không lùa cừu đi trên đồng cỏ được nữa. Lúc đó cả nước Tây Ban Nha sẽ ngủ giấc trưa hè. Nóng tới tận chiều, thế mà cậu vẫn phải tha theo người chiếc áo khoác. Nhưng mỗi khi sắp càu nhàu về cái áo nặng như cùm kia thì cậu lai thấy biết ơn nó vì nhờ nó mà sáng ra cậu không bị rét run người. ‘Mình luôn luôn phải phòng khi thời tiết giở chứng bất thường’, cậu nghĩ và thấy sung sướng có cái áo khoác nặng. Cái áo, cũng như cuộc đời cậu, có ý nghĩa của nó. Sau hai năm rong ruổi, cậu

biết tường tận mọi thành phố vùng Andalusia và cả mục đích của đời mình, đó là : đi du hành. Cậu định lần này sẽ giải thích cho cô gái biết vì sao mà cậu, một gã chăn cừu bình thường, lại biết đọc. Cho tới năm mười sáu tuổi cậu còn theo học trong một chủng viện. Cha mẹ cậu mong cậu sẽ trở thành linh mục; được như thế thì mọi gia đình nông dân bình thường như gia đình cậu sẽ rất tự hào. Vì chính những người nông dân này đến nay cũng chỉ sống nhờ ăn và uống, chẳng khác gì bầy cừu của cậu. Thế là cậu được học tiếng Latinh, tiếng Tây Ban Nha và thần học. Nhưng từ nhỏ cậu đã mơ ước đi cùng khắp thế giới bao la và điều này đối với cậu quan trọng hơn là biết về Chúa và tội lỗi của loài người. Rồi vào một buổi xế trưa, nhân dịp về nhà thăm cha mẹ, cậu thu hết can đảm nói với bố rằng mình không muốn trở thành linh mục, mà muốn được đi đây đó.

"Từ bốn phường trời thiên hạ đã đến nơi đây rồi, con ạ", lần ấy bố cậu nói. "Họ đến để tìm sự mới lạ, nhưng rồi thì họ vẫn mãi là chính họ. Họ leo lên đồi để xem thành quách rồi cho rằng quá khứ hay ho hơn hiện tại. Dù tóc họ vàng hay da họ ngăm, nói chung họ cũng giống như dân thành phố này cả thôi". "Nhưng con chưa biết các thành quách ở đất nước họ", cậu đáp. "Khi đã quen phong thổ và phụ nữ vùng này rồi thì những người đàn ông nọ nói rằng họ muốn vĩnh viễn ở lại đây", ông bố nói tiếp. "Con cũng rất muốn biết về phụ nữ và đất nước của họ", cậu thú nhận. "Vì thật ra họ có hề ở lại đây mãi đâu". "Họ thừa tiền, thừa bạc con ạ", ông bố đáp. "Còn vùng mình chỉ có người chăn cừu mới phải nay đây mai đó thôi". "Thế thì con sẽ làm kẻ chăn cừu". Ông bố không nói gì nữa cả. Hôm sau ông cho cậu một túi tiền đựng ba đồng tiền vàng cổ Tây Ban Nha. "Bố tình cờ tìm thấy trong ruộng nhà ta cách đây lâu rồi. Lẽ ra là tiền để cho con được nhận vào nhà thờ đấy. Con lấy mà mua một đàn cừu, rồi đi khắp nơi khắp chốn cho đến khi con hiểu ra rằng làng mạc, thành quách vùng mình tuyệt vời nhất, phụ nữ vùng mình xinh đẹp nhất." Rồi ông ban phúc chúc lành cho cậu. Cậu đọc thấy trong mắt bố cũng chính niềm mơ ước được phiêu du. Nó vẫn sống mãi trong ông sau hàng chục năm tìm cách lãng quên qua những lo toan sao cho có cái ăn, cái uống hằng ngày và một chốn nương thân.

Chân trời đỏ ối, mặt trời dần lên. Cậu chăn cừu nhớ đến lần chuyện trò với bố và cảm thấy sung sướng; từ đó đến nay cậu đã qua nhiều thành quách và quen biết nhiều phụ nữ nhưng không có ai giống như cô gái cậu sẽ gặp lại trong ít ngày tới. Cậu có cái áo khoác, một quyển sách mà cậu có thể đổi lấy một quyển khác và một đàn cừu. Nhưng cái chính là mỗi ngày cậu đều thực hiện được ước mơ của mình : đi khắp đó đây. Khi nào chán vùng Andalusia bao la, cậu có thể bán bầy cừu để trở thành thủy thủ. Rồi khi chán biển cả, cậu có thể thăm thú mọi thành phố, làm quen với bao phụ nữ và thử mọi phương cách để đạt hạnh phúc. "Mình thật không hiểu nổi làm sao người ta có thể tìm thấy Chúa trong lớp học cho chúng sinh được", cậu nghĩ trong lúc ngắm nhìn mặt trời lên. Vì cậu luôn tìm những con đường mới để đi nếu điều kiện cho phép, nên dù đã nhiều lần qua lại vùng này nhưng trước đây cậu chưa từng vào ngôi nhà thờ hoang tàn nọ. Thế giới bao la vô cùng tận; giả thử cứ để cho bầy cừu dẫn đi thì chắc hẳn cậu sẽ còn phát hiện được nhiều điều hay ho nữa. "Chúng không nhận ra rằng ngày ngày chúng đi đường mới. Chúng không biết đồng cỏ khác nhau và bốn mùa thay đổi, vì chúng chỉ lo có mỗi chuyện ăn và uống. Nhưng biết đâu con người cũng y như thế", cậu nghĩ. "Ngay chính mình cũng không nghĩ đến cô gái nào khác từ khi quen con gái chủ tiệm vải nọ." Cậu nhìn trời và áng chừng sẽ đến Tarifa trước giữa trưa. Ở đấy cậu có thể đổi quyển sách lấy quyển dầy hơn, mua đầy bình rượu vang, cạo râu, cắt tóc.

Cậu định chuẩn bị cho bảnh để đi gặp cô gái chứ không muốn thắc mắc rằng biết đâu một gã chăn cừu khác với một bầy cừu lớn hơn đã đến đó trước cậu và hỏi cưới nàng rồi. "Chỉ khi nào có khả năng thực hiện được giấc mơ thì cuộc sống mới đáng sống", cậu cân nhắc trong lúc nhìn trời lần nữa và rảo bước. Cậu chợt nhớ ra rằng ở Tarifa có một bà già giải đoán được mộng mị. Mà tối hôm qua cậu lại mơ y như lần trước.

Bà lão dẫn khách vào phòng trong của ngôi nhà, ngăn với phòng khách bởi tấm mành làm bằng các dải nylon sặc sỡ. Ở đấy có một cái bàn, hai cái ghế và một hình Chúa Jesu. Bà lão ngồi rồi bảo cậu ngồi theo. Xong, bà nắm lấy hai bàn tay cậu, khẽ lẩm bẩm đọc kinh. Nghe như kinh của người Zigeuner (Zigeuner : (tiếng Anh : gypspy) một sắc dân "du cư", gốc từ Ấn Độ, sang châu Âu từ thế kỉ XV). Trong cuộc hành trình cậu đã từng gặp không ít người Zigeuner rồi; họ cũng đi khắp nơi này nơi khác tuy không chăn cừu như cậu. Người ta bảo rằng dân Zigeuner chuyên lọc lừa. Người ta còn nói thêm rằng họ liên minh với ma quỷ, rằng họ cướp trẻ thơ, bắt chúng làm nô lệ trong các khu lều âm u của họ. Thuở nhỏ cậu rất sợ bị người Zigeuner bắt cóc, thành ra khi bà lão nắm tay thì nỗi sợ xưa lại ập đến. "Nhưng bà ta treo hìng Chúa Jesu trên tường mà", cậu tìm cách tự trấn an. Cậu không muốn tay mình run lên để bà lão không nhận ra được rằng mình đang sợ. Cậu thầm đọc kinh lậy Cha. "Lạ thật", bà lão nói, mắt vẫn nhìn chăm chắm đôi bàn tay cậu; rồi im bặt. Cậu càng thêm lo. Bà lão nhận thấy tay cậu bỗng dưng run lên. Cậu vội rụt tay về. "Tôi đến đây không phải để nhờ xem chỉ tay", cậu nói và ân hận đã đến chốn này. Trong một khoảnh khắc cậu nghĩ tốt hơn cả nên trả tiền rồi chuồn thẳng. Đúng là cậu đã quá quan trọng hóa giấc mơ của mình. "Cậu đến đây vì muốn tìm hiểu về giấc mơ", bà lão đáp. "Mà mơ là ngôn ngữ của Chúa. Nếu người nói bằng ngôn ngữ thế gian thì ta giải đoán được.

Nhưng nếu người nói bằng ngôn ngữ của tâm hồn thì chỉ mình cậu có thể hiểu được thôi. Tuy thế ta cũng thử xem sao". "Lại một kế mọn", cậu chăn cừu nghĩ. Tuy thế cậu muốn thử một lần xem sao. Chẳng gì người chăn cừu cũng liều đối phó với chó sói và khô hạn, vì thế mà nghề này mới hứng thú. "Tôi nằm mộng hai lần liên tiếp", cậu nói.

"Mơ thấy mình và bầy cừu đang trên đồng cỏ, chợt một đứa trẻ không biết từ đâu đến, chơi với bầy cừu. Đúng ra tôi không thích có ai quấy rầy lũ cừu của tôi vì chúng vốn sợ người lạ. Nhưng trẻ con luôn nô đùa với chúng được mà không làm chúng hoảng.

Tôi không hiểu tại sao. Do đâu mà cừu biết được tuổi tác của người nhỉ ?". "Vào chuyện chính đi thôi", bà lão ngắt lời. "Ta còn một cái nồi to đang đặt trên bếp cần phải trông chừng. Hơn nữa cậu chỉ có chút tiền còm thì không thể làm ta mất nhiều thời giờ được." "Đứa trẻ chơi với bầy cừu một lúc", cậu ngượng nghịu kể tiếp. "Rồi chợt nó nắm tay tôi dẫn đến Kim Tự Tháp bên Ai Cập." Cậu chờ một chút để chờ phản ứng của bà lão nhưng bà chẳng nói gì. "Rồi ở Kim Tự Tháp bên Ai Cập", cậu nhấn mạnh sáu chữ sau để bà lão rõ, "đứa bé nói với tôi : "nếu anh đến đây thì anh sẽ tìm thấy một kho tàng chôn giấu bí mật, không ai biết." Rồi khi nó định chỉ cho tôi chỗ chính xác của kho tàng thì tôi thức giấc. Cả hai lần đều y như vậy." Bà lão im lặng thêm một lúc rồi lại cầm lấy hai bàn tay cậu chăn cừu, chăm chú nhìn. "Bây giờ ta không đòi cậu chút thù lao nào hết", bà lão nói. "Nhưng ta muốn được hưởng một phần mười kho tàng khi cậu tìm thấy nó." Cậu chăn cừu cười vui thích. Nhờ một kho tàng trong mơ mà cậu tiết kiệm đươc chút tiền còm hiện có. Đúng là một bà lão

Zigeuner có khác, ngờ nghệch hết sức. “Được thôi, bà giải đoán đi”, cậu đáp. “Trước đó cậu phải thề sẽ trả ta một phần mười kho tàng là tiền côn cho điều ta sắp giải đoán.”

Cậu thề và bà lão yêu cầu cậu lặp lại lời thề trước hình Chúa. “Đây là một giấc mơ thuộc ngôn ngữ thế gian”, bà lão nói, “do đó ta có thể giải đoán được. Nhưng việc giải đoán này rất khó. Thành ra ta được hưởng một phần kho tàng của cậu cũng đáng thôi.

Ý nghĩa nó như thế này : cậu hãy đi đến Kim Tự Tháp Ai Cập. Tuy ta chưa từng nghe nói đến cái tháp đó bao giờ nhưng một khi đứa trẻ đã chỉ đường cho cậu thì nhất định phải có. Cậu sẽ tìm thấy ở đấy cái kho tàng khiến cậu giàu to.” Cậu chăn cừu sửng sốt rồi thất vọng. Nếu chỉ có thế thì cậu chẳng cần mất công tới đây làm gì. Song dẫu sao cậu cũng chưa phải trả gì hết. “Nếu chỉ để biết có bấy nhiêu thì lẽ ra tôi không cần mất thì giờ như thế này”, cậu nói. “Chính vì thế mà ta đã nói rồi, rằng đây là một giấc mơ khó đoán. Những việc tưởng chừng như đơn giản trong cuộc sống thì thật ra là những việc hết sức phi thường, chỉ những bậc trí giả mới thấu hiểu nổi. Ta không phải là bậc trí giả nên phải dùng cách khác, chẳng hạn phải xem chỉ tay”. “Thế tôi phải đến Ai Cập bằng cách nào đây ?” “Ta chỉ có thể giải đoán mộng thôi chứ không biết phải làm sao để biến chúng thành thật được. Chính vì thế mà ta phải sống nhờ vào thù lao khách trả.” “Còn nếu tôi không bao giờ tới đươc Ai Cập thì sao ?” “Thì ta không được trả thù lao. Không phải là lần đầu tiên đâu.” Rồi bà lão không nói gì thêm nữa mà chỉ bảo cậu về đi vì bà đã mất quá nhiều thì giờ cho cậu rồi.

Cậu chăn cừu thấ vọng ra về và nhất quyết không bao giờ tin vào mộng mị nữa. Rồi cậu chợt nhớ còn phải giải quyết một vài việc : mua thức ăn, đổi sách lấy một quyển dầy hơn. Sau đó cậu ra ngoài bãi chợ, ngồi trên ghế băng thưởng thức rượu vang mới mua. Hôm ấy trời rất nóng và chẳng hiểu sao vang lại làm cậu phấn chấn. Lũ cừu được gửi gắm chăm sóc cẩn thận nơi chuồng của một người bạn cậu mới quen ở lối vào thành phố. Cậu quen biết nhiều người ở vùng này. Cậu thích đi nhiều cũng vì thế.

Luôn luôn kết được bạn mới mà không cần mất trọn thì giờ để sống bên họ. Nếu lúc nào cũng chỉ quen một số người thôi, như ở trường đạo, thì họ sẽ trở thành một phần không thể tách rời khỏi cuộc đời mình. Khi đã như thế thì họ muốn thay đổi cuộc đời mình. Rồi khi ta không muốn thay đổi như họ muốn thì họ sẽ thất vọng. Vì hình như ai cũng tưởng mình biết rất rõ người khác phải sống như thế nào cho đúng, trong khi lại mù mờ về cuộc sống của chính bản thân mình. Giống như bà lão giải mộng kia không biến nổi giấc mơ thành hiện thực vậy. Cậu muốn chờ cho đến khi mặt trời xuống thấp nữa mới dẫn đàn cừu đi tiếp. Chỉ còn hơn ba ngày nữa là cậu sẽ gặp lại cô con gái của nhà buôn nọ. Cậu bắt đầu đọc quyển sách mới nhận được của linh mục thành Tarifa.

Sách dầy lắm và ngay trang đầu đã nói về một đám tang mà tên các nhân vật phức tạp quá. Nếu một ngày nào đó mình viết sách, cậu nghĩ, mình sẽ chỉ cho nhân vật này xuất hiện tiếp nhân vật khác để người đọc khỏi rối trí. Tập trung đọc một lúc cậu mới thấy hay vì truyện viết về một đám tang trên tuyết trắng đã đem đến cho cậu một cảm giác tươi mát dưới cái nắng trưa gay gắt này. Cậu đang mê mải đọc thì một ông già đến ngồi cạnh và bắt chuyện. “Họ làm gì đấy ?” ông già hỏi, tay chỉ những người đi lại hối hả trên bãi chợ. “Làm việc”, cậu đáp cụt ngủn chủ ý cho thấy mình đang say mê đọc.

Nhưng thật ra cậu đang nghĩ đến việc sẽ xén lông cừu trước mắt cô con gái chủ tiệm để cô thấy cậu giỏi giang, làm được nhiều việc không dễ tí nào. Cậu đã nhiều lần tưởng tượng cảnh ấy và lần nào cô gái cũng sửng sốt khi cậu giải thích cho cô biết rằng phải xén lông cừu từ sau tới trước. Cậu cũng ráng nhớ vài ba giai thoại để có thể vừa làm vừa kể cô nghe. Phần lớn những giai thoại này cậu đọc trong mấy quyển sách nào đó nhưng lại muốn kể như thể chính mình đã chứng kiến. Đàng nào thì cô cũng không biết thực hư được vì cô không biết đọc. Nhưng ông già không chịu buông. Ông kêu rằng mệt, khát và xin một hớp vang. Cậu đưa ông chai rượu, hi vọng rồi sẽ được để yên. Nhưng ông già cứ nhất định bắt chuyện. Ông hỏi cậu đang đọc gì đấy. Cậu muốn tỏ ra bất lịch sự và đổi sang ghế khác quá nhưng bố cậu đã dạy phải kính trọng người già cả. Thành ra cậu đưa quyển sách cho ông, vì hai lí do : một là cậu không đọc được đúng tên sách, hai là nếu ông già không biết đọc thì có lẽ ông sẽ xấu hổ và tự sang ngồi ghế khác. “Hừm…”, ông già ậm ừ rồi săm soi nhìn quyển sách như thể nó là một vật lạ. “Quyển này tuy là một tác phẩm lớn nhưng rất nhàm chán”. Cậu chăn cừu sửng sốt. Không những ông già biết chữ mà còn đã đọc quyển sách đó rồi nữa. Nếu đúng là nhàm chán như ông già nói thì còn kịp để đổi lấy quyển khác. “Nó cũng nói về cùng một vấn đề như mọi quyển sách khác thôi”, ông già nói tiếp. “Rằng con người không có khả năng lựa chọn lấy vận mệnh của mình. Và kết thúc rằng ai cũng tin vào cái điều bịp bợm nhất thế gian”.

Chương 9- 10

“Điều bịp bợm ấy là gì ?” cậu chăn cừu ngơ ngác hỏi. “Đó là : vào một lúc nhất định trong đời, chúng ta không làm chủ được vận mệnh của mình nữa và rồi đời mình sẽ do định mệnh đưa đẩy. Đó chính là điều dối trá nhất thế gian !” “Cháu thì không thế”, cậu đáp. “Người ta muốn cháu trở thành thầy tu nhưng cháu đã quyết định làm kẻ chăn cừu.” “Thế là phải lắm,” ông già nói. “Bởi cậu thích đi đây đi đó nhiều mà.” “Ông này đọc được ý nghĩ của mình”, cậu ngẫm ngĩ. Trong lúc ấy ông già lần giở sách, không có vẻ gì muốn trả lại cả. Cậu chăn cừu nhìn bộ quần áo khác thường ông già mặc trên người. Trông ông như một người Arập, điều không có gì lạ ở vùng này. Châu Phi chỉ cách Tarifa có vài giờ đường thôi; chỉ cần dùng thuyền nhỏ vượt eo biển (Châu Phi cách Tây Ban Nha bởi eo biển Gibraltar) hẹp là tới. Người Arập thường đến thành phố này mua sắm và ngày nào cũng nhiều lần lâm râm đọc những bài kinh lạ tai của họ.

“Ông từ đâu đến ?” cậu hỏi. “Từ nhiều nơi.” “Không ai có thể đến cùng lúc từ nhiều nơi khác nhau được”, cậu nói. “Cháu là kẻ chăn cừu và biết nhiều nơi nhưng đến thì chỉ từ một thành phố thôi; nó ở gần một nơi thành cổ. Cháu sinh ra ở đấy.” “Thế thì có thể nói sinh quán ta ở Salem.” Cậu chăn cừu không biết Salem ở đâu, nhưng không hỏi tiếp để khỏi bị xem là dốt nát. Cậu nhìn những người lăng xăng đi lại trên bãi chợ một lúc lâu, người nào cũng có vẻ rất bận rộn. “Salem giờ ra sao ?”, cậu hỏi, mong tìm được chút manh mối. “Vẫn thường”. Chẳng lần ra được chút gì. Cậu chỉ biết Salem không ở trong vùng Andalusia, bởi nếu có thì cậu đã nghe nói tới rồi. “Thế ông làm gì ở Salem ?” cậu hỏi tới. “Ta làm gì ư ?” Ông già bật cười ha hả. “Ta là vua xứ Salem !”

‘Người ta cứ hay nói những chuyện lạ lùng’, cậu nghĩ thầm. “Đôi khi chơi với lũ cừu còn thích hơn vì chúng câm, chỉ biết tìm thức ăn và nước uống. Sách cũng giúp ta đỡ buồn bằng

cách kể ta nghe những chuyện hay ho mỗi khi ta muốn nghe. Nhưng khi trò chuyện với người thì có thể họ sẽ nói những điều quái lạ khiến ta chịu không biết phải tiếp tục nói gì." "Tên ta là Melchisedek", ông già nói. "Cậu có bao nhiêu cừu ?" "Tạm đủ", cậu nghi ngại đáp. Ông này muốn biết quá nhiều về cậu. "Thế thì phiền lắm đấy vì ta sẽ không giúp cậu được gì nếu cậu cho rằng có đủ cừu". Đến đây thì cậu bực mình thực sự. Cậu có cầu được giúp đỡ gì đâu; ông già xin cậu rượu vang, bắt chuyện và mượn sách đấy chứ. "Ông cho cháu xin lại quyển sách. Chái phải trở lại chỗ bầy cừu rồi dẫn chúng đi tiếp." "Nếu cậu trả thù lao cho ta một phần mười số cừu của cậu thì ta sẽ chỉ cậu cách đến được cái kho tàng chôn giấu bí mật đó", ông già nói. Đến đây cậu chợt nhớ lại giấc mơ và bỗng thấy mọi sự như sáng tỏ. Mụ già giải mộng tuy không đòi gì hết nhưng bây giờ lão già này, có thể là chồng mụ lắm, sẽ lấy của cậu đổi lại một lời chỉ dẫn vô giá trị về một kho tàng không hề có. Chắc hẳn lão cũng là dân Zigeuner thôi. Cậu chưa kịp mở miệng thì ông già đã cúi nhặt một cây que rồi viết trên mặt cát. Khi cúi như thế, có gì đó lóe sáng trên ngực ông làm cậu lóa mắt. Nhưng ông già, bằng một động tác phải nói là quá nhanh nhẹn ở vào tuổi ông, vội kéo áo khoác che lên. Khi mắt không còn lóa nữa, cậu đọc những gì ông già vừa viết. Trên mặt cát bãi chợ là tên bố mẹ cậu. Cậu đọc về cuộc đời mình, những trò chơi thửa nhỏ. Những đêm lạnh lẽo trong chủng viện; cậu đọc tên con gái chủ tiệm vải mà chính cậu còn chưa biết. Cậu đọc những chuyện của mình mà cậu chưa từng thổ lộ cùng ai – như vụ cậu lấy trộm súng của bố để đi săn hươu, chuyện lần đầu tiên trong đời tự thân tìm biết dục tính là gì.

"Ta là vua xứ Salem", ông già dõng dạc nói. "Tại sao một vị vua lại đi trò chuyện với một kẻ chăn cừu tầm thường nhỉ ?" cậu thắc mắc hỏi, có hơi xấu hổ về xuất thân của mình. "Có nhiều lí do. Nhưng lí do chính là cậu đã thành công trong sự đeo đuổi vận mệnh của mình." Cậu chăn cừu chẳng hiểu thế nào là vận mệnh. "Vận mệnh chính là điều mà anh luôn luôn muốn đạt được. Khi còn trẻ ai ai cũng biết vận mệnh của mình là gì. Trong đoạn đời này mọi sự đều đơn giản và người ta dám mơ mộng đủ thứ về những điều họ muốn làm trong đời. Nhưng rồi, theo thời gian, một sức mạnh thần bí sẽ tìm cách thuyết phục ta rằng con đường đời như ta mơ ước sẽ không thể nào thực hiện được đâu." Cậu chăn cừu chẳng hiểu gì lắm những gì ông già nói. Tuy thế, cậu vẫn muốn biết sức mạnh thần bí kia nghĩa là gì. Rồi cô gái con chủ tiệm vải sẽ tròn xoe mắt nghe cậu giảng cho mà xem. "Đó là một lực thần bí xem ra có vẻ không tốt lành nhưng trong thực tế lại giúp chúng ta đi hết con đường đời của mình. Lực thần bí này chuẩn bị cho tinh thần và ý chí ta sẵn sàng, bởi sự thật vĩ đại trên hành tinh này chính là : bất kể anh là ai, anh làm gì, khi anh thật tâm mong muốn điều gì thì điều mong muốn đó sẽ được hình thành trong cõi Tâm linh vũ trụ (Weltenseele; Soul of the Universe). Đó sẽ là nhiệm vụ của anh trên trái đất." "Ngay cả khi chỉ là mong muốn được đi đây đi đó hay là được lấy con gái nhà buôn vải hay sao ?" "Hoặc mơ ước tìm kho tàng chẳng hạn. Tâm linh vũ trụ được nuôi dưỡng bởi hạnh phúc của con người, bởi cả sự bất hạnh, tị hiềm và ghen tuông nữa. Nhiệm vụ duy nhất của mỗi chúng ta là thực hiện con đường mình đã chọn. Tất cả chỉ là một. Rồi khi anh quyết chí muốn điều gì thì toàn vũ trụ sẽ chung sức để anh đạt được điều ấy." Cả hai ngồi lặng thinh hồi lâu, quan sát người qua kẻ lại trên bãi chợ. Rồi ông già lên tiếng trước. "Tại sao cậu chọn nghề chăn cừu ?" "Vì cháu thích đi đây đi đó." Ông già chỉ vào một người bán kem với chiếc xe kéo màu đỏ hai bánh đậu ở một góc bãi chợ. "Khi còn nhỏ người bán kem kia cũng muốn đi đây đi đó lắm. Nhưng mà anh ta thấy nên mua một xe kem để kiếm tiền và dành dụm đã. Khi nào đủ tiền anh ta sẽ sang châu Phi chơi một tháng.

Anh ta không hề hiểu rằng người ta lúc nào cũng có thể thực hiện được ước mơ của mình.” “Lẽ ra anh ta nên làm kẻ chăn cừu”, cậu buột miệng nói to. “Anh ta quả cũng có nghĩ thế đấy”, ông già nói. “Nhưng mà nghề bán kem được coi trọng hơn là chăn cừu. Họ có nhà cửa, còn người chăn cừu phải ngủ ngoài đồng trống. Thiên hạ thích gả con gái cho người bán kem hơn cho gã chăn cừu.” Chàng trai thấy tim mình đau nhói khi nghĩ đến con gái chủ tiệm vải. Chắc hẳn trong thành phố của cô cũng có một người bán kem. “Nói cho cùng con người coi việc kẻ khác đánh giá anh bán kem hay cậu chăn cừu quan trọng hơn là thực hiện điều thâm tâm mình muốn.” Nói đến đây ông già lật sách, đọc qua loa. Chàng chăn cừu đợi một lúc rồi mới lên tiếng cắt ngang, giống như lúc đầu cậu bị cắt ngang. “Tại sao ông nói với cháu về những điều này ?”

“Vì chính cậu đã cố gắng đi theo tiếng gọi của thâm tâm và giờ đây sắp bỏ cuộc.”

“Lúc nào ông cũng xuất hiện vào đúng giây phút quyết đinh sao ?” “Không phải lúc nào cũng dưới hình dáng này, nhưng ta luôn luôn xuất hiện, dưới một dạng nào đó.

Đôi khi dưới dạng một giải pháp tốt, một ý kiến xuất thần. Có lần, vào lúc quyết định, ta tạo hoàn cảnh thuận lợi hơn. Vân vân. Nhưng phần lớn người ta không nhận ra điều ấy.” Ông già kể rằng tuần trước ông, dưới dạng một viên đá, đã đến với một người tìm đá quý. Người đó đã bỏ tất cả để tìm ngọc lục bảo. Ông ta đã làm việc ròng rã năm năm ở một con sông và đã đập 999999 viên đá chỉ để tìm lấy một viên ngọc lục bảo.

Bấy giờ người tìm ngọc đã định bỏ cuộc rồi, trong khi chỉ cần một hòn đá nữa thôi, một hòn đá duy nhất nữa, là sẽ tìm được ngọc. Chính vì người này đã tin theo tiếng gọi của thâm tâm nên ông già quyết định ra tay giúp. Ông biến thành một viên đá lăn tới chân người nọ. Người này, với tất cả phẫn nộ và tuyệt vọng của năm năm mất trắng, liệng viên đá ra thật xa. Ông ta ném mạnh đến nỗi nó làm vỡ toang một hòn đá khác, làm lộ ra viên ngọc lục bảo đẹp nhất thế gian. “Con người nhận thức rất sớm họ sống trên đời để làm gì”, ông già nói, giọng nhuốm vẻ chua chát. “Có thể chính vì thế mà họ lại bỏ cuộc sớm. Đành thôi.” Lúc ấy cậu chăn cừu mới nhắc ông rằng hai người bắt đầu bằng câu chuyện kho tàng bị chôn giấu. “Kho tàng được dòng sông đưa lên mặt nước rồi lại vùi xuống đáy”, ông già nói. “Nếu cậu muốn biết gì về kho tàng của mình thì phải chịu trả ta một phần mười số cừu của cậu”. “Ông không thích nhận một phần mười kho tàng hơn à ?” Ông già tỏ vẻ không hài lòng. “Nếu cậu hứa trả bằng cái mình chưa sở hữu thì rồi sẽ có lúc cậu mất đi ý chí đạt được nó đấy.” Nghe thế cậu chăn cừu bèn thú thật đã hứa trả một phần mười kho tàng cho bà già Zigeuner rồi.

“Phải, người Zigeuner khôn lắm”, ông già nói. “Dù sao thì cũng tốt vì cậu đã học được rằng ở đời mọi thứ đều có giá của chúng cả. Đó chính là điều mà chúng ta, những sứ thần đem ánh sáng đến soi rọi (Lichtbote; Warrior of the Light), muốn truyền đạt.”

Ông già đưa trả cậu quyển sách. “Ngày mai giờ này cậu đem một phần mười số cừu đến cho ta. Ta sẽ chỉ cho cậu con đường tìm đến được kho tàng. Tạm biệt.” Rồi ông già bỏ đi, biến mất sau một góc tường.

Chương 11 -12

Chàng trai cố đọc tiếp nhưng không tập trung nổi nữa. Cậu thấp thỏm và căng thẳng vì biết những gì ông già nói là đúng sự thật. Cậu lại xe kem mua một cây kem rồi cân nhắc xem có nên kể cho người bán kem những gì ông già vừa nói không. “Đôi khi nên để yên cho mọi sự tiếp diễn là khôn ngoan hơn”, cậu nghĩ và bình tâm lại. Nếu cậu nói ra thì biết đâu người bán kem sẽ băn khoan suốt vài ba ngày liền, rằng có nên tung hê hết tất cả không, mà anh ta lại đã quá quen với cái xe kem rồi. Cậu thấy đừng nên làm người bán kem phải lo nghĩ nữa. Thế là cậu đi lang thang thơ thẩn trên đường phố, ra đến bến cảng. Ở đây có một ngôi nhà nhỏ với quầy bán vé đi châu Phi. Ai Cập ở bên châu Phi mà ! “Cậu cần gì ?” người đàn ông ngồi ở quầy hỏi. “Mai hẵng hay”, cậu đáp rồi vội vã đi ra. Chỉ cần bán đi một con cừu là đủ tiền qua eo biển thôi mà. Ý nghĩ này khiến cậu băn khoăn. “Lại một tay mơ mộng vẩn vơ”, gã ngồi quầy nói với đồng nghiệp trong lúc cậu đi ra. “Hắn cóc có tiền mua vé đâu.” Lúc đứng ở quầy vé, cậu chăn cừu nhớ tới lũ cừu của mình và chợt thấy cần phải về với chúng. Trong vòng hai năm cậu đã học được hết mọi việc của nghề chăn cừu; cậu xén lông được này, săn sóc các con có mang này, bảo vệ chúng trước chó sói này. Và cậu cũng biết rành mọi đồng cỏ vùng Andalusia. Cậu biết cả giá mua và bán của từng con một. Cậu chọn con đường vòng vo xa nhất để về chuồng của người bạn. Thành phố này cũng có ngôi thành cổ, thế là cậu quyết định leo hết bậc thang đá, lên chỗ cao nhất để ra ngồi nơi công sự. Có ai đó đã giải thích cho cậu rằng người Mauren đã qua eo biển này chiếm cứ gần hết Tây Ban Nha trong nhiều năm. Cậu căm ghét người Mauren, vì chính họ đã đưa người Zigeuner đến đây. Từ trên cao này cậu nhìn thấy gần hết thành phố, cả cái bãi chợ nơi cậu trò chuyện với ông già. “Cái giây phút đã xui khiến ta gặp gỡ lão già kia thật là đáng nguyền rủa”, cậu ngẫm nghĩ trong tuyệt vọng. Cậu chỉ muốn tìm mụ già giải mộng thôi. Thế mà cả mụ lẫn lão già đều chẳng cần biết cho rằng cậu là một gã chăn cừu. Hẳn họ là những người rất cô đơn, chẳng còn tin gì vào cuộc đời nữa nên không hiểu rằng người chăn cừu gắn bó với lũ vật của mình như thế nào. Cậu biết rõ đặc điểm của từng con một : con nào đi cà nhắc, con nào hai tháng nữa sẽ đẻ và con nào lười nhất hạng. Cậu cũng biết phải xén lông thế nào, phải mổ thịt chúng ra sao.

Nếu cậu bỏ chúng mà đi thì chúng sẽ khốn khổ thôi. Một làn gió nhẹ thổi. Cậu biết loại gió này; người ta gọi nó là gió Levante (Levante : vùng đất trải từ đông Địa Trung Hải tới sông Euphrat, sông Nil và bờ biển vùng Tiểu Á), vì đám Mauren xưa đã từ phương Đông theo gió này mà tới đây. Trước khi đến Tarifa cậu không hề biết rằng châu Phi gần đến thế. Nhưng cũng là mối nguy lớn đấy, vì bất cứ lúc nào người Mauren cũng có thể lại tấn công sang được. Gió thổi mạnh hơn. “Mình kẹt giữa một bên là lũ cừu và một bên là cái kho tàng”, cậu nghĩ. Cậu phải chọn giữa một bên là những gì quen thuộc, gần gũi và một bên là cái cậu muốn sở hữu. Còn cô gái nữa chứ, nhưng cô không cần được cậu lo cho bằng bầy cừu vì cô không lệ thuộc vào cậu. Có thể cô không còn cả nhớ cậu là ai nữa. Cậu dám chắc rằng nếu hai ngày nữa cậu không xuất hiện ở đó thì cô cũng chẳng biết. Với cô thì một ngày như mọi ngày; và khi ngày nào cũng như ngày nấy thì con người cũng chẳng nhận biết được những việc hay ho xảy đến trong đời. “Mình đã giã từ cha mẹ và ngôi thành cổ của quê hương ra đi. Cha mẹ và ngôi thành cổ đã quen với chuyện ấy rồi, giống như mình cũng đã quen vậy.

Thế thì lũ cừu cũng sẽ quen với sự vắng mặt của mình thôi”, cậu ngẫm nghĩ. Từ chỗ cao này cậu nhìn rất rõ bãi chợ. Người bán kem vẫn còn đó. Một đôi trai gái còn trẻ ngồi trao nhau

nụ hôn dài trên cái ghế cậu và ông già đã ngồi. “Chà, người bán kem”, cậu buột miệng rồi không nói tiếp vì gió Levante thổi thốc vào mặt. Gió này tuy mang theo người Mauren thật, nhưng đưa đến cả mùi thơm của sa mạc và hương thơm của các phụ nữ đeo khăn che mặt (phụ nữ nhiều nước theo đạo Hồi thường đeo khăn che kín mặt, chỉ để hở hai mắt). Nó đem theo cả mùi mồ hôi và giấc mơ của những người đàn ông một ngày nào đó đã lên đường vào chốn vô định để tìm vàng, tìm sự phiêu lưu, tìm cả Kim Tự Tháp nữa. Cậu chợt ganh tị với ngọn gió tự do kia và thấy rằng mình cũng có thể được tự do không kém. Chẳng có gì ngăn cản được cậu, trừ chính cậu ra. Bầy cừu, cô con gái chủ tiệm vải, những cánh đồng cỏ vùng Andalusia chỉ là những chặng trên con đường đời của cậu thôi.

Hôm sau, cậu chăn cừu dẫn theo sáu con cừu đến gặp ông già.

- Cháu ngạc nhiên lắm, - cậu nói , - vì bạn cháu chịu mua ngay số cừu kia. Anh ta bảo rằng đã từ lâu mơ ước được thành người chăn cừu và đây quả là dấu hiệu tốt cho anh ấy.

- Bao giờ cũng thế cả, - ông già đáp. – Cái đó gọi là nguyên lí thuận lợi (Guenstige Prinzip; Principle of favorability). Lần đầu tiên khi ta liều chơi đỏ đen thì thường là ta thắng. Thánh nhân đãi kẻ khù khờ mà. (Tạm dịch “Anfaengerglueck; beginner’’s luck” cho dễ hiểu).

- Nhưng tại sao mới được chứ ?

- Tại vì cuộc đời muốn rằng ta mãi đi theo con đường mình chọn.

Rồi ông xem xét lũ cừu, phát hiện một con bị què. Cậu cả quyết rằng thật chẳng đáng kể vì con cừu nọ thông minh nhất và cho nhiều lông nhất. “Thế kho tàng ở đâu hở ông ?” cậu hỏi. “Ở Kim Tự Tháp bên Ai Cập”. Cậu thót cả người. Bà già kia cũng nói y như thế mà chẳng đòi gì hết. “Để đến được đó thì cậu phải lần theo các dấu hiệu. Chúa vạch đường để người người͏it theo. Chỉ cần cậu biết nhận ra Người dùng dấu hiệu gì để vạch đường cho cậu”. Cậu chưa kịp nói gì thì có một con bướm bay lượn giữa cậu và ông già, làm cậu nhớ đến ông nội của cậu. Hồi cậu còn nhỏ ông nội cậu bảo rằng bướm mang lại điềm lành, tương tự như dế, cỏ ba lá bốn cánh và móng ngựa (Cỏ ba lá mà lại bốn cánh rất hiếm. Móng ngựa được dân nhiều nước châu Âu treo trong nhà hoặc gắn trên xe, coi đó là biểu tượng cho may mắn). “Đúng thế”, ông già nói vì đọc được cậu đang nghĩ gì. “Nó giống như ông nội cậu đã dạy cậu vậy. Chúng cũng là những dấu hiệu đấy.” Rồi ông mở áo khoác. Cậu nhìn mà thán phục và nhớ tới ánh rực rỡ đã thấy hôm qua : ông già đeo giáp che ngực bằng vàng ròng, gắn đầy đá quý đủ màu. Nhất định ông phải là vua thật rồi. Chắc ông khoác thêm áo ngoài là để tránh bị cướp thôi. “Cậu hãy cầm lấy”, ông già nói và rút từ giữa áo giáp bằng vàng kia một viên đá trắng và một viên đen. “Hai viên đá này tên là Urim và Thummim. Viên đen nghĩa là có, viên trắng nghĩa là không. Nếu cậu không tự mình nhận ra được dấu hiệu thì hai viên đá này hữu ích cho cậu đấy. Phải luôn luôn đặt câu hỏi khách quan. Song tốt nhất là cậu tự quyết định lấy. Kho tàng nằm ở Kim Tự Tháp, cậu đã biết rồi.

Nhưng nhờ có ta cậu mới quyết định, nên cậu phải trả sáu con cừu.” Cậu nhét hai viên đá vào bị. Trong tương lai cậu sẽ tự mình quyết định lấy mọi chuyện. “Đừng bao giờ quên rằng tất cả là một tổng thể. Cũng đừng quên ngôn ngữ của dấu hiệu. Nhất là đừng quên đi cho hết con đường mình tự chọn. Trước khi chia tay ta muốn kể cho cậu nghe một câu chuyện :

Một ngày nọ, một thương nhân gửi con trai của mình đến một nhà thông thái bậc nhất không ai bằng để nhờ ông dạy cho người con bí quyết đạt được hạnh phúc. Anh con trai đi ròng rã bốn mươi ngày xuyên qua sa mạc mới đến được tòa lâu đài nguy nga ngự trên núi cao. Nhà thông thái anh muốn tìm đang ở đó. Thay vì gặp một vị thánh thì anh lại vào một gian phòng đầy người sinh hoạt tất bật. Thương nhân hết đến rồi đi, người khác túm tụm ở các góc phòng bàn tán, một dàn nhạc chơi các ca khúc lảnh lót, lại có cả một bàn tiệc đầy sơn hào hải vị cùng đó. Nhà thông thái chuyện vãn với từng người một và anh ta phải chờ suốt hai tiếng mới đến lượt mình được tiếp. Nhà thông thái lắng nghe anh ta trình bày rồi đáp rằng hiện ông không rảnh để chỉ dạy anh bí quyết của hạnh phúc. Ông bảo anh hãy đi xem khắp lâu đài rồi hai tiếng sau trở lại.

"Nhưng ta yêu cầu anh làm hộ một điều", nhà thông thái nói rồi đưa cho anh một muỗng con có hai giọt dầu. "Trong lúc đi xem thì anh cầm theo muỗng này và nhớ giữ đừng làm sánh dầu nhé." Anh ta lên lầu, xuống lầu mắt không rời cái muỗng. Sau hai giờ anh quay lại gặp nhà thông thái. "Sao", ông hỏi, "anh đã thấy các tấm thảm Ba Tư quý giá trong phòng ăn của ta chưa ? Cả cái vườn tráng lệ mà người làm vườn đã phải khổ công mười năm xây dựng ? và những cuộn giấy da tuyệt hảo trong thư viện của ta nữa ?" Anh ta ngượng ngùng thú nhận rằng chẳng hề để mắt đến gì khác vì cứ phải chăm chăm ngó nhìn muỗng dầu đã được giao phó. "Thế thì anh hãy đi thêm lần nữa và ngắm cho kĩ những thứ tuyệt mĩ trong thế giới của ta", nhà thông thái nói. "Không thể đặt tin tưởng vào một người khi mình không hề biết người ấy sống trong một ngôi nhà như thế nào." Yên dạ hơn, anh ta lại cầm muỗng đi một vòng. Lần này anh chăm chú xem xét những vật quý treo trên tường và trên trần nhà. Anh ngắm khu vườn có núi vây quanh, với đủ thứ hoa thơm cỏ lạ và mỗi tác phẩm nghệ thuật hoàn mỹ đều được để đúng chỗ thích hợp. Trở lại gặp nhà thông thái anh kể chi tiết tất cả những gì đã nhìn thấy.

- Thế còn hai giọt dầu ta nhờ anh giữ đâu rồi ? – nhà thông thái hỏi.

Nhìn cái muỗng, anh ta hốt hoảng thấy mình đã làm sánh mất rồi.

- Đây là điều duy nhất mà ta có thể khuyên anh, - nhà thông thái nhất thế gian nói. "Bí quyết của hạnh phúc là biết ngắm nhìn mọi thứ tuyệt mỹ trên thế gian này mà không hề quên hai giọt dầu trên muỗng.""

Cậu chăn cừu không nói gì cả. Cậu hiểu ý nghĩa câu chuyện ông vua vừa kể. Người chăn cừu thích đi, đi mãi nhưng không bao giờ bỏ quên bầy cừu của mình. Ông già thân mật nhìn cậu rồi xòe cả hai bàn tay làm vài động tác lạ lùng trên đầu cậu. Sau đó ông dẫn bầy cừu đi.

Chương 13 -14

Phía trên cao thành phố Tarifa có một ngôi thành cổ do người Mauren xây. Ngồi trên tường thành có thể trông thấy bãi chợ, người bán kem và một mẩu của châu Phi. Xế trưa hôm ấy, Melchisedek, vua xứ Salem, ngồi trên chỗ tường thành nhô ra, hứng gió Levante. Lũ cừu ở cạnh ông ngọ nguậy mãi vì lo sợ trước ông chủ mới và những đổi thay vừa xảy ra. Bởi chúng vốn chỉ cần ăn và uống thôi mà. Melchisedek nhìn theo con tàu nhỏ chạy bằng hơi nước vừa rời bến. Ông sẽ không bao giờ gặp lại cậu chăn cừu, cũng như ông đã không hề gặp lại

Abraham (phải chăng Coelho muốn ám chỉ "giao ước" giữa Đức Chúa Trời và Abraham về tương lai dân Do Thái (Cựu Ước) ?) sau khi đã nhận một phần mười. Đó là phần việc của ông. Thần thánh không nên có mơ ước gì, bởi họ không tùy thuộc định mệnh. Tuy thế ông vua xứ Salem vẫn thầm mong cậu chăn cừu sẽ thành công. "Tiếc rằng rồi cậu ấy sẽ sớm quên mất tên ta", ông thầm nghĩ. "Lẽ ra ta phải nhắc đi nhắc lại tên ta thường hơn để sau này cậu ấy sẽ kể về Melchisedek, vua xứ Salem." Rồi ông nhìn trời, nói với vẻ ăn năn : "Đúng là có cao ngạo thật đấy, nhưng mà một ông vua già thỉnh thoảng cũng được phép tự hào về mình đấy chứ nhỉ."

"Châu Phi thật lạ lùng," cậu chăn cừu thầm nghĩ. Cậu ngồi trong một quán nước giống như nhiều quán nước khác mà cậu thấy nhan nhản dọc các con đường hẹp của thành phố. Mấy người đàn ông hút chung một cái ống điếu to xù, chuyền từ người này sang người khác. Chỉ trong vài giờ từ khi đến nơi cậu đã được chứng kiến bao điều lạ : đàn ông nắm tay nhau đi ngoài đường phố, phụ nữ dùng khăn che mặt và các thầy tu leo lên các tháp cao nghệu, ê a đọc kinh như hát trong lúc mọi người quanh đấy quỳ lạy xì xụp, vập trán xuống nền đất.

"Đây là tập tục của người ngoại đạo", cậu tự nhủ. Thửa nhỏ cậu vẫn hay ngắm nhìn trong ngôi nhà thờ ở nguyên quán pho tượng thánh Santiago de Compostela tay vung thanh kiếm to bản, phóng ngựa qua những hình người trông giống như người dân ở đây. Cậu thấy bất an và cô độc quá chừng. Những người ngoại đạo trông mới dễ sợ làm sao. Nhất là do vội vã lên đường, cậu quên bẵng một điều - điều cỏn con duy nhất thôi - khiến cậu có thể còn lâu mới đến được kho tàng : ở đất nước này người ta nói tiếng Arập. Khi chủ quán lại gần, cậu chỉ vào một thứ thức uống trên bàn bên cạnh.

Đó là thứ trà đắng ngắt. Uống vang thú hơn nhiều. Nhưng cậu thấy không nên bận tâm vì chuyện ấy, mà chỉ nên nghĩ tới kho tàng thôi, bằng cách nào và đi đường nào đến đấy. Cậu bán bầy cừu được khối tiền và cậu biết rằng tiền như có ma thuật. Có tiền thì không đơn độc bao giờ. Không lâu đâu, có khi chỉ vài ngày nữa thôi, cậu sẽ có mặt ở Kim Tự Tháp cho mà xem. Một ông già đầy vàng trên ngực cần gì phải lừa cậu lấy sáu con cừu chứ. Ông già từng nói về dấu hiệu. Lúc ngồi trên tàu qua eo biển cậu đã ngẫm nghĩ về thứ dấu hiệu này. Phải, cậu biết ý ông nói về cái gì chứ : hồi còn rong ruổi trên các cánh đồng cỏ Andalusia cậu vẫn tập thói quen nhìn đất, nhìn trời tìm dấu hiệu xem nên đi hướng nào. Cậu nghiệm ra rằng có một giống chim báo hiệu có rắn ở gần đấy và một loại bụi cây cho biết quanh đấy có nước. Tất cả là do lũ cừu dạy cho cậu đấy.

"Khi Chúa đã dẫn dắt bầy cừu đi đúng đường thì Người cũng sẽ hướng dẫn con người y như vậy", cậu ngẫm nghĩ và yên dạ, thấy trà như bớt đắng hơn.

"Anh là ai ?" cậu nghe có người hỏi ngay bên cạnh bằng tiếng Tây Ban Nha. Cậu nhẹ cả người. Cậu vừa nghĩ đến dấu hiệu, thế là có người xuất hiện ngay. "Do đâu mà anh biết tiếng Tây Ban Nha ?" cậu hỏi. Anh chàng kia còn trẻ, mặc âu phục, tuy màu da giống người bản xứ hơn. Khổ người và tuổi anh ta trạc như cậu.

"Ở đây hầu như ai cũng nói được tiếng Tây Ban Nha cả. Đây tới đó chỉ mất ngót ngét hai tiếng thôi mà."

“Anh ngồi xuống đây và gọi thức uống, tôi trả tiền”, cậu bảo anh ta. “Gọi cho tôi một ly vang. Tôi ghét thứ trà này quá”.

“Ở đây không có vang đâu”, anh kia đáp. “Đạo Hồi không cho phép uống rượu."

Cậu bèn kể rằng mình phải tới Kim Tự Tháp. Suýt tí nữa thì cậu buột miệng kể luôn về kho tàng, nhưng kịp thôi vì nếu cậu kể ra thì nhất định anh chàng Arập kia sẽ đòi chia chác mới chịu dẫn cậu đi. Cậu nhớ đến lời cảnh báo của ông già rằng không nên hứa trả ai cái gì mình chưa thật có.

“Nếu được thì tôi yêu cầu anh đi cùng tôi đến đó. Tất nhiên tôi trả tiền dẫn đạo”.

“Anh đã mường tượng sẽ đi đến đó như thế nào chưa ?”.

Cậu để ý thấy chủ quán đứng gần đấy dỏng tai nghe lỏm. Sự có mặt của ông làm cậu bực mình. Nhưng đã tìm được người dẫn đường rồi thì cậu không bỏ lỡ dịp được.

“Anh phải băng qua sa mạc Sahara; muốn thế anh phải có nhiều tiền. Tôi muốn biết anh có đủ tiền không đã.”

Cậu thấy câu hỏi thật lạ lùng. Nhưng cậu tin tưởng ở lời ông già, khi ông quả quyết rằng nếu ta quyết tâm thì cả vũ trụ sẽ cùng chung sức. Thế là cậu moi bị lấy tiền cho anh chàng nọ xem. Chủ quán cũng xích lại nhìn. Rồi hai người lớn tiếng với nhau bằng tiếng Arập.

“Mình đi thôi”, anh chàng kia nói. “Hắn không muốn bọn mình ngồi đây”.

Cậu chăn cừu như trút được gánh nặng, đứng dậy trả tiền; nhưng chủ quán túm tay cậu, cao giọng nói một tràng dài đầy vẻ giận dữ. Cậu tuy sức trai nhưng ở trên đất lạ thành thử đành phải để người bạn mới gỡ hộ thế bí, đẩy chủ quán sang một bên, kéo cậu ra đường.

“Hắn muốn lấy tiền của anh đó”, chàng kia nói. “Thành phố Tanger (Tanger : thành phố cảng ở Bắc Marốc) này không như những nơi khác của châu Phi đâu. Đây là một phố cảng mà cảng nào thì cũng đầy trộm cắp cả.”

Anh bạn này thật đáng tin quá đi chứ. Chẳng gì anh ta cũng đã cứu cậu thoát cảnh khó xử vừa rồi. Cậu đem tiền ra đếm.

“Ngày mai bọn mình đã có thể đến Kim Tự Tháp rồi”, anh chàng kia nói rồi cầm tiền.

“Nhưng tôi phải tìm mua hai con lạc đà đã”.

Thế là cả hai đi vòng vèo qua những ngõ ngách của Tanger. Đâu đâu cũng thấy bày hàng quán. Cuối cùngt họ đến một bãi chợ to. Cả nghìn người đang mặc cả, mua, bán. Rau quả xếp bên cạnh gươm dao. Thảm bày bên đủ loại ống điếu thuốc lào. Cậu không rời mắt khỏi người bạn mới. Anh ta cầm trọn số tiền cậu có. Cậu muốn đòi lại quá, nhưng sợ rằng như thế sẽ bất lịch sự. Dẫu sao cậu chưa biết gì về phong tục của đất nước lạ này.

"Mình chỉ cần coi chừng hắn thôi", cậu tự trấn an; hơn nữa cậu to khỏe hơn anh chàng kia mà. Chợt cậu nhìn thấy giữa đống rau quả một thanh kiếm tuyệt đẹp. Bao kiếm bằng bạc, chuôi kiếm màu đen cẩn đá đủ màu. Cậu nhất quyết khi từ Ai Cập về sẽ mua thanh kiếm này.

"Anh hỏi hộ người bán hàng xem thanh kiếm giá bao nhiêu", cậu định nói với anh chàng kia như thế thì mới hỡi ôi ! Trong lúc ngắm nhìn thanh kiếm cậu đã để gã kia lọt khỏi tầm mắt, dù chỉ có hai giây thôi. Tim cậu thót lại. Cậu sợ phải quay đầu tìm vì trực giác cho cậu biết điều gì đã xảy ra. Cậu đăm đăm nhìn thanh kiếm thêm một lúc nữa đến lúc đủ can đảm nhìn quanh. Quanh cậu là chợ với biết bao kẻ buôn, người bán lớn tiếng rao hàng, mặc cả; thảm bày cạnh trái phỉ, rau sống chen giữa mâm bạc, đàn ông nắm tay nhau, đàn bà che mặt, mùi thơm ngào ngạt của các món ăn lạ. Còn người bạn kia đã biệt tăm, chẳng để lại chút dấu vết gì. Mới đầu cậu còn cố tin rằng hai người sơ ý mà lạc nhau nên đứng nán lại đó một lúc, chờ gã nọ. Một lát sau có người leo lên tòa tháp kia ngân nga đọc kinh. Mọi người quỳ vập trán xuống đất, ngân nga theo. Sau đó họ - cần mẫn như đàn kiến - gỡ quầy hàng, rời khỏi chợ. Mặt trời dần lặn.

Cậu nhìn theo cho đến khi mặt trời xuống khuất sau những ngôi nhà màu trắng dựng quanh chợ. Cậu hồi tưởng rằng mới đó, khi mặt trời mọc, mình còn ở một châu lục khác, còn là một gã chăn cừu, chủ một bầy cừu sáu mươi con và có hẹn với một cô gái. Sáng nay, trên cánh đồng cỏ, cậu còn điểm qua một lần suốt các chặng đường của cuộc đời mình. Thế mà giờ đây, khi mặt trời lặn, cậu đứng trên một đất nước xa lạ, không hiểu nổi cả tiếng người ta nói. Cậu không còn là gã chăn cừu nữa; trắng tay; ngay cả vài đồng lẻ để quay về, lần nữa làm lại cuộc đời cũng không có nốt.

"Mọi sự diễn ra chỉ từ lúc mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn thôi", cậu quá nản chí.

Cậu thấy thương thân vì đôi khi cuộc đời thay đổi hẳn chỉ trong khoảnh khắc, nhanh đến nỗi không hiểu chuyện gì đã xảy đến với mình. Thật ra cậu rất xấu hổ khi phải khóc. Không bao giờ cậu khóc trước bầy cừu cả. Nhưng giờ đây cậu đứng giữa chợ không một bóng người, quê nhà xa tít tắp. Cậu khóc. Khóc vì Chúa thật bất công nên mới bắt một người vững tin vào giấc mơ của mình phải chịu số phận này.

"Khi còn chăn cừu thì mình rất hạnh phúc và đem lại niềm vui cho mọi người chung quanh. Người ta mong mình đến và tiếp đón ân cần. Bây giờ mình buồn nản và bất hạnh. Phải làm sao đây ? Mình sẽ giận và hoài nghi hết mọi người chỉ vì có một kẻ đã lừa gạt mình. Mình sẽ thù ghết tất cả những kẻ tìm được kho tàng vì mình không tìm được kho tàng của mình. Và

rồi đây mình sẽ ôm rịt lấy chút của cải có được, vì mình quá hèn mọn không thể chinh phục thế giới."

Cậu mở bị, xem thử còn những gì. Biết đâu khi ăn trên tàu còn sót lại chút bánh mì.

Nhưng cậu chỉ tìm thấy quyển sách dày, cái áo khoác và hai viên đá ông già cho. Nhìn hai viên đá cậu thấy nhẹ cả người. Cậu đã đổi sáu con cừu lấy hai viên đá quý từ cái áo giáp bằng vàng. Cậu có thể bán lấy tiền mua vé về nước. "Từ nay mình phải khôn hơn", cậu tự nhủ rồi nhặt hai viên đá ra khỏi bị để đút túi quần. Đây là một phố cảng và gã kia nói đúng ở một điểm : cảng lúc nào cũng đầy kẻ cắp. Bây giờ thì cậu chợt hiểu vì sao người chủ quán nổi giận : ông chỉ muốn nói cho cậu hiểu rằng đừng nên tin gã kia.

"Mình như mọi người thôi : nhìn thế giới và thấy theo ý mình muốn chứ không phải như trong thực tế." Cậu ngắm nghía hai viên đá, gượng nhẹ sờ, tay cảm nhiệt độ và mặt láng của chúng. Chúng là tất cả gia tài của cậu. Chỉ cần sờ chúng là cậu thấy lòng thanh thản dần. Chúng gợi nhớ đến ông già. "Chỉ cần cậu tha thiết muốn thì cả vũ trụ sẽ tác động để cậu đạt được", ông già đã nói thế. Cậu suy nghĩ thật lung tung để hiểu ý ông. Cậu đang đứng giữa một bãi chợ vắng tanh, không tiền, không cừu. Nhưng hai viên đá rõ ràng là một bằng cớ cậu đã gặp một ông vua mà ông vua này biết về chuyện đời cậu, biết về khẩu súng của bố cậu và về kinh nghiệm tình dục lần đầu của cậu nữa.

"Hai viên đá này dùng để dự báo. Chúng tên là Urim và Thummim." Cậu nhét đá vào bị và muốn thử một lần xem sao. Ông già bảo rằng phải đặt cậu hỏi thật rõ ràng vì đá chỉ hữu ích khi ta biết ta muốn cái gì. Thế là cậu hỏi : ông già còn tiếp tục phù hộ cậu không ? Cậu lấy ra một viên. Câu trả lời là "Có". "Tôi có tìm được kho tàng không ?" cậu hỏi tiếp rồi lại thò tay vào bị, định lấy ra một viên đá thì cả hai viên đều rơi xuống đất, qua một lỗ thủng. Cậu không biết bị của mình thủng. Cậu cúi xuống định nhặt lên.

Song khi thấy chúng nằm trên nền đất cậu lại nhớ đến một câu nói khác của ông già :

"Hãy học cách nhận ra dấu hiệu và đi theo nó". Đây hẳn lại là một dấu hiệu. Cậu cười nhẹ nhõm rồi nhặt đá lên, nhét vào bị. Cậu sẽ không vá bị; hai viên đá cứ việc rơi. Cậu hiểu rằng có những điều không nên hỏi để khỏi lẩn tránh số phận. "Vả lại mình đã muốn là sẽ tự quyết định mà", cậu nhớ lại. Dẫu sao hai viên đá cũng đã cho cậu biết rằng ông già vẫn phù hộ cậu, khiến cậu thêm vững tâm. Cậu lại nhìn quanh bãi chợ vắng tanh, nhưng không còn thấy tuyệt vọng như lúc nãy nữa. Đây không phải là một thế giới lạ, chỉ mới thôi. Vả lại đó chính là điều cậu vẫn ước ao : được biết những chân trời mới. Cho dù cậu không bao giờ tới được Kim Tự Tháp đi nữa thì thế này cũng đã là đi xa hơn bất cứ người chăn cừu nào cậu quen biết rồi. Chà, nếu họ biết được rằng chỉ cách hai giờ tàu biển thôi mà có bao nhiêu là điều lạ. Tuy thế giới mới của cậu lúc này mới chỉ là bãi chợ vắng tanh thôi, nhưng cậu đã được biết lúc chợ đông như thế nào rồi và sẽ không bao giờ quên. Giờ cậu nhớ đến thanh gươm. Quả đấy là một giá rất đắt cậu đã phải trả để ngắm nghía nó, nhưng trước kia cậu chưa từng được thấy thanh kiếm nào đẹp như thế cả. Chợt cậu thấy rằng mình có thể nhìn cả thế giới hoặc với con mắt của một kẻ khốn khổ bị cướp sạch hoặc của một kẻ phiêu lưu trên đường đi tìm kho tàng. "Ta là một kẻ phiêu lưu đi tìm kho tàng", cậu còn nghĩ như thế trước khi thiếp đi vì mệt.

Chương 15 -17

Cậu bừng mắt vì có ai đó thúc vào người. Hóa ra cậu nằm ngủ ngay giữa chợ, giờ lại đang tấp nập. Cậu ngơ ngác nhìn quanh tìm lũ cừu của mình rồi sực nhớ ra mình đang ở một thế giới khác. Song thay vì buồn phiền cậu lại thấy sung sướng. Bây giờ cậu không cần tìm cỏ và nước nữa mà có thể đi tìm kho tàng. Không có tí tiền nào trong túi nhưng cậu tin vào cuộc sống. Chiều tối hôm trước cậu đã quyết định thành một kẻ phiêu lưu, giống như những nhân vật anh hùng cậu đọc trong sách. Cậu thong thả đi dạo trên bãi chợ. Các nhà buôn dựng quầy của họ. Cậu giúp một người bán bánh kẹo dựng quầy. Khuôn mặt rạng rỡ nụ cười cho thấy ông ta vui vẻ, yêu đời và sẵn sàng bắt đầu một ngày làm việc mới. Nụ cười này có nét gì đó làm cậu nhớ đến ông già, vị vua đầy bí ẩn mà cậu đã gặp.

"Ông già buôn này chắc chắn không phải bán bánh kẹo vì muốn sẽ có một ngày đi du lịch hay vì muốn cưới được con gái một thương nhân. Ông làm bánh kẹo chỉ vì ông thích", cậu thầm nghĩ và thấy rằng mình cũng làm được điều ông vua già hồi đó đã từng làm: nhận ra được một người đang đi gần hay đang xa rời con đường sống của họ. Chỉ qua quan sát thôi. "Thật đơn giản, thế mà trước đây mình không hề biết".

Khi quầy đã dựng xong, nhà buôn nọ đưa cậu cái kẹo đầu tiên ông làm ra. Cậu ăn, cám ơn rồi đi tiếp. Đi được một quãng cậu mới chợt nhớ rằng quầy hàng nọ vừa do một người nói tiếng Arập và một người nói tiếng Tây Ban Nha cùng dựng lên. Và hai người rất là hiểu nhau. "Có một thứ nằm ngoài câu chữ", cậu nghĩ. "Trước đây mình đã nghiệm thấy như thế với lũ cừu, giờ đây với cả con người". Cậu học nhiều điều mới. Có những điều đã từng biết nhưng giờ đây thấy như mới vì trước kia cậu không hề quan tâm. Và sở dĩ cậu không để tâm đến vì quá quen với chúng. "Nếu mình học được cách giải đoán thứ ngôn ngữ không lời này thì mình sẽ giải đoán được thế giới".

"Tất cả chỉ là một", ông già đã nói. Cậu quyết định đi thong thả, chậm rãi qua các con đường hẹp của Tanger. Chỉ như thế thì cậu mới nhận ra được dấu hiệu. Phải kiên nhẫn vô cùng, đó chính là đức tính đầu tiên kẻ chăn cừu phải học. Cậu lại chợt nghiệm ra rằng mình đang áp dụng vào trong thế giới mới lạ này những bài học mà lũ cừu đã dạy mình. "Tất cả chỉ là một", ông già đã nói.

Người bán hàng pha lê nhìn mặt trời lên rồi, như mọi buổi sáng, thấy lòng phiền muộn. Ông đã ở nơi này suốt gần ba mươi năm nay, mở một cửa hàng nằm tận đỉnh dốc, nơi chỉ có ít người qua lại. Bây giờ mà đổi thay, làm nghề gì khác thì đã quá muộn màng. Cả đời ông học chỉ có mỗi một việc là mua và bán pha lê. Có một thời cửa hàng ông đông khách lắm: khách thương Arập này, các nhà địa chất Anh và Pháp này, lính Đức này, tất cả đều tiền đầy túi. Hồi đó nghề bán bình pha lê thật tuyệt và ông hả hê hình dung mình sẽ giàu sụ, rồi khi về già được sống giữa các bà vợ đẹp.

Nhưng rồi thành phố Ceutar phát triển mạnh hơn Tanger và việc buôn bán bị xoay chiều. Xóm giềng dọn đi gần hết, vẫn còn một ít cửa hàng vẫn còn trụ lại bên sườn núi. Nhưng ai rỗi hơi leo tuốt lên cao chỉ vì vài ba hàng quán cơ chứ? Nhưng người bán pha lê không còn con đường nào khác. Ba mươi năm nay ông chỉ buôn và bán hàng pha lê thì chọn nghề khác bây giờ là quá muộn. Suốt buổi sáng ông nhìn ra con đường lèo tèo hàng quán. Ông nhìn

như thế hàng năm rồi nên biết rõ giờ giấc từng cửa hàng một. Bỗng đâu trước giờ nghỉ trưa ít phút có một gã ngoại quốc trẻ đứng trước tủ kính cửa hàng ông. Gã ăn mặc bình thường, nhưng với đôi mắt lão luyện ông biết gã không có tiền. Tuy thế ông vẫn nấn ná chưa đi ăn, định chờ thêm một lúc cho gã đi khỏi đã.

Tấm biển treo trước cửa cho biết chủ tiệm này nói được nhiều thứ tiếng. Cậu nhìn người đàn ông sau quầy hàng.

“Cháu có thể chùi sạch những bình này, nếu ông muốn”, cậu nói. “Như thế này thì chẳng ai thèm mua đâu”.

Người bán hàng pha lê nhìn cậu không nói gì.

“Cháu chỉ xin ông trả một bữa ăn thôi.”

Ông ta vẫn lặng thinh, còn cậu thấy phải tự quyết định. Trong bị có cái áo khoác, chắc cậu sẽ không cần đến nó trên sa mạc. Thế là cậu lôi áo ra, dùng để lau chùi ngay những li với bình hoa. Sau nữa giờ cậu lau sạch hết mọi thứ bầy trong tủ kính, trong lúc đó có hai người khách đến mua vài cái li pha lê. Lau chùi xong, cậu xin ông ta cho mình ăn.

“Ta đi ăn chung”, người bán hàng pha lê nói. Ông ta treo một tấm biển trước cửa rồi hai người đi tới một cái quán nhỏ xíu trên sườn núi. Khi họ đã ngồi vào cái bàn duy nhất trong quán, ông ta mới cười.

“Lẽ ra cậu không cần phải lau chùi gì hết”, ông nói. “Điều răn của kinh Koran buộc chúng tôi cho người đói ăn”

“Thế tại sao ông lại cứ để cháu lau chùi?”. Cậu hỏi.

“Vì những li, bình ấy bụi bặm bẩn thỉu. Hai chúng ta, cậu cũng như ta, đều phải gột sạch những tư tưởng xấu trong đầu.”

Ăn xong, người bán hàng pha lê nói với cậu: “Ta muốn cậu giúp việc cho ta. Hôm nay, trong lúc cậu lau chùi thì có hai người đến mua hàng; đó là điềm lành”.

“Người ta nói quá nhiều về điềm này, điềm nọ”, cậu thầm nghĩ. “Nhưng họ không ý thức điều họ nói. Giống như mình không ý thức rằng đã từ lâu mình với lũ cừu giao cảm với nhau bằng một thứ ngôn ngữ nằm ngoài tiếng nói.”

“Cậu ưng làm việc cho ta chứ?”. Ông ta hỏi tới. “Được, cháu sẽ làm nốt ngày hôm nay”, cậu đáp. “Đến sáng sớm mai cháu sẽ lau chùi hết mọi món hàng pha lê trong tiệm ông. Đổi lại cháu muốn có được đủ tiền để đi Ai Cập ngay buổi sáng mai”.

Nghe thế người bán pha lê bật cười. “Dù cậu có lau chùi số hàng của ta suốt một năm và ngay cả khi cậu có được tiền hoa hồng kha khá do bán được hàng thì cậu vẫn còn phải vay thêm tiền thì mới đến được Ai Cập. Giữa Tanger và Kim Tự Tháp là cả nghìn cây số sa mạc”.

Tất cả như chết lặng đi trong giây lát, như thể thành phố này chìm sâu trong giấc ngủ.

Không còn hàng quán nữa, không còn những nhà buôn mặc cả nữa, không còn những người ngân nga trên tháp giáo đường, không còn cây kiếm báu với cán cẩn đá quí.

Không còn hi vọng và phiêu lưu nữa, hết luôn cả những ông vua già và những đường đời tự vạch, hết luôn những kho tàng và Kim Tự Tháp. Cả thế giới như nín lặng bởi vì tâm hồn cậu câm nín. Không đau đớn, không khổ, không thất vọng. Chỉ có một cái nhìn trống không qua cửa quán ăn và một khát khao được chết, muốn rằng tất cả chấm dứt ngay giây phút ấy. Người bán hàng pha lê lo lắng nhìn cậu. Tất cả sự vui sống mới đây ông thấy ở cậu như chợt biến đâu mất hết."Ta có thể cho cậu tiền để về nước", ông an ủi. Cậu vẫn lặng thinh, rồi chợt đứng phắt lên, kéo quần ngay ngắn, cầm lấy bị.

"Cháu sẽ làm việc cho ông", cậu đáp. Sau một lát, cậu nói tiếp: "Cháu cần tiền để mua dăm ba con cừu"

Chương 18 -21

Đã gần một tháng nay cậu làm việc cho chủ tiệm pha lê, nhưng công việc không làm cậu thoải mái lắm. Ông ta đứng suốt ngày sau quầy hàng với vẻ mặt ngán ngẩm, luôn miệng nhắc cậu phải cẩn thận kẻo vỡ. Tuy thế cậu vẫn tiếp tục làm vì tuy ông già này bẳn tính nhưng sòng phẳng và tiền hoa hồng cho mỗi món bán được cũng kha khá, thành ra cậu cũng đã dành dụm được một chút ít. Sáng hôm ấy cậu nhẩm tính: nếu tiếp tục làm như từ trước đến giờ thì cậu cần một năm mới mua nổi dăm ba con cừu.

"Cháu muốn đóng một cái kệ bày hàng pha lê", cậu nói với chủ tiệm. "Ta có thể kê kệ

trước cửa tiệm để lôi kéo khách đến đây".

"Ta không đóng kệ cũng bởi vì sợ người đi va phải, bể hết li tách", chủ tiệm đáp.

"Ngày trước, khi cháu dẫn cừu đi thì lúc nào cũng có nguy cơ chúng bị rắn cắn, nhưng đã làm thân cừu và người chăn chúng thì phải chấp nhận thôi".

Người chủ tiệm tiếp một ông khách, ông này mua luôn ba bình hoa. Hàng họ bán chạy hơn bao giờ hết, khác nào thế giới quay lại cái thời mà con đường này là một trong những nơi hấp dẫn du khách nhất Tanger.

"Hàng họ bán chạy quá", chủ tiệm nói với cậu sau khi người khách kia đi khỏi. "Tiền này sẽ cho phép ta được sống thoải mái hơn và chẳng bao lâu nữa cậu lại có một bầy cừu. Thế thì việc gì phải làm thêm cho nhọc nhằn chứ?".

"Vì chúng ta phải làm theo dấu hiệu", cậu đáp để rồi hối tiếc đã lỡ lời, vì chủ tiệm pha lê đã từng gặp ông vua nào đâu. "Cái đó gọi là thánh nhân đãi kẻ khù khờ. Vì cuộc đời muốn rằng anh phải đi theo con đường của riêng mình", ông vua già đã nói thế mà.

Thế mà ông chủ tiệm cũng hiểu ý cậu đấy. Ngay sự có mặt của cậu trong cửa tiệm đã là một dấu hiệu rồi. Rồi khi tiền bắt đầu vào như nước thì ông không hối tiếc đã thuê chàng trai Tây Ban Nha này. Lúc đầu vì ông nghĩ rằng không thể bán nhiều hơn trước nên đã đề nghị trả cậu tiền hoa hồng khá cao, thành ra cậu kiếm được nhiều hơn bình thường. Nhưng trực giác ông cho biết chàng trai này nay mai thế nào cũng trở về với lũ cừu của cậu thôi.

"Vì lí do gì cậu lại muốn biết Kim Tự Tháp chứ?". Ông hỏi để lái khỏi chuyện cái kệ.

"Vì cháu nghe kể hoài về chúng", cậu đáp nhưng tránh không đả động đến giấc mơ.

Cái kho tàng đã trở thành một kỉ niệm đau đớn nên cậu cố không nghĩ tới nữa.

"Ta chẳng quen biết một ai ở đây muốn vượt sa mạc chỉ để xem Kim Tự Tháp cả", chủ tiệm nói. "Đó chẳng qua chỉ là những đống đá thôi. Cậu có thể tự xếp lấy một cái ngay trong vườn cũng được cơ mà".

"Coi bộ ông không mơ ước được đi đây đi đó nhỉ", cậu đáp rồi quay qua tiếp một người khách mới bước vào tiệm.

Hai hôm sau chủ tiệm tìm cậu để nói về vụ cái kệ. "Ta không ưa thay đổi", ông nói.

"Cậu và ta không giống như nhà đại phú thương Hassan kia. Lỡ mua nhầm hàng thì ông ta cũng chẳng bận tâm gì. Nhưng nếu một trong hai chúng ta nhầm lẫn thì khổ thân to".

"Đúng thế thật", cậu thầm nghĩ.

"Cậu cần cái kệ để làm gì?". Chủ tiệm hỏi.

"Cháu muốn được trở về với lũ cừu càng sớm càng tốt. Chúng ta phải tận dụng thời gian được may mắn. Người ta gọi đó là nguyên lí đãi ngộ hay thánh nhân đãi kẻ khù khờ."

Ông chủ tiệm già im lặng một lúc rồi nói: "Đấng tiên tri cho chúng ta kinh Koran và để lại có năm điều răn thôi để chúng ta tuân thủ trong đời sống. Điều răn quan trọng nhất là: chỉ có một Thượng đế duy nhất. Những điều răn kia là: mỗi ngày cầu nguyện năm lần, ăn chay trong tháng Ramadan, giúp kẻ bần hàn".

Ông ngừng nói. Mắt ông rưng rưng khi nhắc đến Đấng Tiên Tri. Vì ngoan đạo cho nên dù đôi khi bẳn tính ông vẫn cố sống theo lời răn của đạo Hồi.

"Thế còn điều răn thứ năm?". Cậu hỏi.

"Hai hôm trước cậu bảo rằng ta không có ước mơ đi đây đi đó", nhà buôn pha lê đáp.

"Bổn phận thứ năm của một người Hồi giáo là ít nhất một lần trong đời hành hương đến thánh địa Mekka. Mekka còn xa hơn Kim Tự Tháp nhiều. Hồi trẻ, ta muốn dành dụm ít tiền để mua cửa tiệm này. Lúc ấy ta nghĩ đến một ngày đủ khá giả để đi Mekka.

Rồi ta kiếm được khá tiền nhưng lại không nhờ ai trông hàng được vì pha lê rất dễ vỡ.

Mà ta lại thấy nhiều người đi hành hương Mekka kéo qua trước cửa nhà. Có vài người giàu kéo theo cả đoàn người làm và lạc đà, nhưng phần lớn họ nghèo hơn ta nhiều. Ai nấy hớn hở trở về và treo dấu hiệu của chuyến hành hương trên cửa. Một người trong bọn họ, chỉ là thợ sửa giầy thôi, kể ta nghe rằng ông ta đã mất suốt gần một năm để vượt sa mạc, thế mà vẫn thấy không cực bằng đi lùng trong khu phố Tanger tìm cho ra loại da thuộc thích hợp".

"Nếu thế thì sao ông không đi Mekka ngay lúc này?" Cậu hỏi.

"Vì Mekka giúp ta có được sức sống, chịu đựng nổi cái đơn điệu nhàm chán của đời sống ngày này qua ngày khác đối diện với những món hàng vô tri trên kệ kia và nuốt cho trôi những bữa ăn trong cái quán kinh khủng nọ. Ta sợ sau khi đã đạt được ước mơ rồi thì không còn thúc đẩy mình tiếp tục sống nữa. Cậu mơ có cừu và được thấy Kim Tự Tháp. Cậu khác hẳn ta vì cậu muốn đạt được ước mơ. Còn ta chỉ muốn mơ về

Mekka thôi. Ta đã từng trăm lần hình dung mình vượt sa mạc, đến được quảng trường có đặt tảng đá thiêng và phải đi quanh bảy vòng trước khi được sờ tảng đá. Ta đã mường tượng sẽ có những ai ở quanh mình lúc đó, những kinh cầu và cả những lời chúng ta nói với nhau. Song sợ bị thất vọng não nề, nên ta chọn cách chỉ mơ thôi."

Hôm ấy chủ tiệm đồng ý cho đóng kệ trưng bày hàng. Ông và cậu, mỗi người có một quan niệm riêng về mơ ước.

Lại thêm hai tháng nữa trôi qua và cái kệ đã đem lại cho tiệm pha lê thêm nhiều khách.

Chàng trai tính rằng sáu tháng sau cậu sẽ về lại Tây Ban Nha và sẽ mua lại sáu chục con cừu và không chừng thêm sáu chục con nữa ấy chứ. Chưa đầy một năm sau đàn cừu của cậu sẽ tăng gấp đôi và cậu sẽ có thể buôn bán được với người Arập vì bây giờ cậu hiểu được thứ ngôn ngữ lạ lùng này rồi. Từ cái buổi sáng đầu tiên trên bãi chợ không người đến nay cậu không đụng tới hai viên đá Urim và Thummim nữa, vì đối với cậu Ai Cập chỉ còn là giấc mộng, xa xôi như thể Mekka đối với chủ tiệm pha lê. Giờ thì cậu thích việc mình làm và luôn nghĩ đến lúc sẽ đặt chân lên Tarifa như một kẻ chiến thắng.

"Hãy luôn nhớ đến điều cậu muốn đạt được", ông vua già đã từng bảo thế. Bây giờ thì cậu hiểu và cố công thực hiện. Có thể kho tàng của cậu chính là đến được xứ lạ này, gặp phải một tay bợm và rồi tậu được bầy cừu nhiều gấp đôi mà chẳng phải trả tí gì hết. Cậu thấy tự hào. Chả gì cậu cũng đã học được nhiều điều quan trọng, chẳng hạn biết bán hàng pha lê, dùng ngôn ngữ không lời nói và hiểu dấu hiệu.

Một buổi xế trưa nọ cậu gặp một người trên triền núi, ông ta phàn nàn rằng sau cái dốc cao vòi vọi này chẳng tìm ra đâu một chỗ cho đàng hoàng có bán giải khát. Do đã hiểu được ngôn ngữ của dấu hiệu, cậu bèn tìm chủ tiệm, nói rằng: "Ta nên bán trà cho những người leo dốc lên đây."

"Quanh đây đã có đủ nơi bán trà rồi", chủ tiệm đáp.

“Ta có thể mời trà đựng trong ly pha lê. Trà sẽ ngon hơn và người ta sẽ mua luôn cả li, vì cái đẹp thường quyến rũ con người nhiều nhất”.

Chủ tiệm lặng im nhìn cậu một lúc. Ông không nói gì cả. Nhưng chiều tối hôm ấy, sau khi cầu nguyện xong và đóng cửa tiệm, ông ngồi xuống lề đường rồi bảo cậu cùng hút Nargileh - một loại ống điếu thuốc lào nước độc đáo người Arập thường hút - với ông.

“Cậu chủ tâm muốn gì chứ?” Chủ tiệm hỏi.

“Như đã nói, cháu muốn tậu lại bầy cừu, nên cháu cần tiền”. Chủ tiệm bỏ thêm than vào điếu rồi rít một hơi dài.

“Từ ba mươi năm nay ta làm chủ cửa tiệm này. Ta phân biệt giữa pha lê xấu và tốt; ta cũng biết rõ phải buôn bán cách nào. Nay nếu cậu bán trà trong li pha lê hàng họ sẽ phất đấy nhưng mà ta sẽ phải thay đổi nếp sống.”

“Như thế có gì là không hay?”

“Ta đã quen sống thế này rồi. Trước khi cậu đến ta vẫn còn nghĩ rằng mình đã bỏ phí quá nhiều ngày giờ ở đây, trong khi các bạn ta dọn đi nơi khác rồi hoặc họ làm ăn khấm khá, hoặc thất bát. Ta lấy thế làm buồn. Nhưng rồi nhận ra rằng mình nghĩ sai : tầm cỡ cửa tiệm này đúng như ta mong muốn. Ta không muốn sửa đổi gì nữa cả chỉ vì không biết sửa đổi thế nào. Ta đã quá quen sống thế này rồi.”

Vì chàng trai không biết trả lời sao nên ông nói tiếp: “Cậu đúng là phước lành Thượng đế ban cho ta. Ngay nay ta mới hiểu nếu cự tuyệt thì phước lành sẽ thành mối họa. Ta thật không còn mong ước gì cho đời mình nữa. Nhưng cậu lại ép ta nhìn thấy sự giàu sang phú quý và vô vàn chân trời mới lạ ta chưa hề biết. Bây giờ thấy những thứ ấy rồi và thấy cả khả năng vô hạn của ta nữa thì ta lại cảm thấy mình khốn khổ hơn vì biết rằng muốn thì sẽ được, thế mà ta lại không muốn”.

“May mà hồi đó mình không nói gì với anh chàng bán kem”, cậu thầm nghĩ.

Mặt trời bắt đầu lặn mà họ vẫn ngồi hút Nargileh thêm một chặp nữa. Họ trò chuyện tiếp và chàng trai hài lòng vì nói được tiếng Arập. Có một thời cậu đã nghĩ rằng lũ cừu có thể dạy được cho cậu biết mọi thứ trên đời, nhưng tiếng Arập thì chúng không dạy cậu được.

“Chắc chắn trên đời này còn nhiều thứ lũ cừu không dạy mình nổi”, cậu lặng thinh ngẫm nghĩ và quan sát người chủ tiệm. “Nói cho cùng thì chúng chỉ lo tìm cái ăn và nước uống. Có thể nói không phải chúng dạy mình mà chính là do mình học được”.

“MAKTUB”, chủ tiệm lên tiếng

“Nghĩa là gì?”

“Phải là người Arập mới hiểu được”, ông đáp. “Nhưng tạm dịch ra thế này: Trong kinh thánh Koran có viết …”

Rồi trong khi dập tắt than trong Nargileh ông bảo rằng từ nay cậu có thể bán trà trong li cà phê được đấy. Đôi khi không có cách gì ngăn được dòng đời.

Người nào leo hết dốc tới nơi đều mệt nhoài. Rồi họ thấy ở cửa hàng pha lê trên đó có bán trà bạc hà. Họ vào uống và trà được bưng ra trong những li mài rất đẹp.

"Thế mà bà vợ mình không nghĩ ra", một người trầm ngâm rồi mua vài cái li, vì tối hôm ấy nhà ông có khách. Khách của ông ta nhất định sẽ trầm trồ những cái li đẹp này. Kẻ khác quả quyết rằng trà đựng trong li pha lê ngon hơn nhiều vì giữ được mùi thơm hơn. Người thứ ba cho rằng truyền thống của phương Đông là uống trà trong li pha lê mài vì chúng có những lực kì diệu. Chẳng bao lâu sau tin lan truyền đi và nhiều người cố công leo lên dốc tìm cho được một cửa tiệm xưa nay chuyên bán một loại hàng, giờ thêm một thứ mới. Nhiều tiệm khác cũng bắt chước bán trà trong li pha lê nhưng lại không nằm trên đỉnh dốc, thế là luôn luôn vắng khách. Ít lâu sau, ông chủ tiệm đã phải thuê thêm hai người nữa. Cùng với bình pha lê, ông nhập một khối lượng lớn trà cho các ông, các bà ngày ngày khao khát thưởng thức cái mới. Sáu tháng liền như thế trôi qua.

Chàng trai thức dậy trước cả lúc mặt trời mọc. Từ đó đến nay đã mười một tháng chín ngày, kể từ khi cậu đặt chân lên lục địa châu Phi lần đầu tiên. Khác trên người chiếc áo choàng bằng vải gai màu trắng cậu sắm để dành riêng cho ngày hôm nay rồi cậu trùm khăn lên đầu và dùng một cái vòng làm bằng da lạc đà chít khăn lại. Cậu xỏ chân vào đôi dép mới rồi đi xuống dưới, không gây tiếng động. Thành phố còn chìm trong giấc ngủ. Cậu lót dạ với một cái bánh mì mè và uống trà nóng trong li pha lê. Rồi cậu ra ngồi ở ngưỡng cửa, hút Nargileh một mình. Cậu cứ rít tràn, chẳng nghĩ ngợi gì, chỉ

lắng nghe tiếng gió rì rào đem đến mùi thơm sa mạc. Rồi cậu thọc tay vào túi áo khoác lấy ra một gói nhỏ, ngắm nghía hồi lâu. Đó là một cuộn tiền, đủ để tậu một trăm hai mươi con cừu, mua vé tàu về nước và xin giấy môn bài buôn bán giữa quê hương cậu và cái đất nước mà cậu đang ngồi đây. Cậu kiên nhẫn chờ cho đến khi ông già chủ

tiệm thức dậy, mở cửa hàng. Rồi hai người lại uống một tuần trà.

"Hôm nay cháu sẽ lên đường", cậu mở lời. "Hiện cháu đã đủ vốn liếng để chuộc lại bầy cừu, còn ông cũng đủ tiền để hành hương đến Mekka."

Ông già ngồi lặng thinh.

"Xin ông hãy ban phước lành cho cháu", cậu nói. "Ông đã giúp cháu rất nhiều."

Ông già lặng thinh khuấy trà. Cuối cùng ông quay sang cậu nói: "Ta rất hãnh diện vì cậu. Cậu đã đem đến cho cửa hàng của ta một sức truyền cảm mới. Nhưng cậu biết rõ rằng ta sẽ không đi Mekka. Cũng như cậu tự biết rằng mình sẽ không mua cừu."

"Ai bảo thế?" Cậu hốt hoảng hỏi.

"Maktub". Người chủ tiệm pha lê chỉ đáp có thế. Rồi ông ban phước lành cho cậu.

Chương 22 - 23

Chàng trai lên phòng, thu vén tất cả những gì mình có. Được ba túi đầy. Vừa dợm đi cậu chợt thấy ở góc phòng chiếc bị đeo vai cũ thời chăn cừu của mình. Nó sờn đến nỗi không nhận ra. Trong bị còn quyển sách dầy và chiếc áo khoác cũ. Cậu lấy áo ra, định đem cho một đứa trẻ sống lang thang nào đó thì hai viên đá Urim và Thummim rơi xuống. Lúc này cậu mới nhớ đến vị vua già và sửng sốt vì không ngờ bấy lâu nay mình không hề nghĩ đến ông. Suốt một năm qua cậu chỉ bận lo kiếm tiền để khi trở về Tây Ban Nha khỏi mang tiếng là kẻ thất bại.

"Đừng bao giờ từ bỏ ước mơ của mình", ông vua già đã bảo cậu thế, và "hãy lần theo dấu hiệu". Cậu nhặt hai viên đá lên và có lại cảm giác lạ lùng rằng ông đang ở gần bên mình. Một năm dài cậu đã làm việc cật lực và giờ đây dấu hiệu chỉ rằng đã đến giờ lên đường.

"Bây giờ mình sẽ lại sống hệt như xưa", cậu nghĩ thầm. "Dù lũ cừu đã không dạy được cho mình tiếng Arập". Tuy nhiên lũ cừu đã dạy cậu một điều còn quan trọng hơn nữa: rằng trên thế giới có một ngôn ngữ ai cũng hiểu cả và chính cậu đã dùng suốt bấy lâu nay để làm cho cửa hàng phát đạt. Đó là ngôn ngữ của sự phấn khởi, của nỗ lực, hăng say dốc sức thực hiện điều mình vững tin và mong mỏi đạt được. Tanger không còn là một thành phố xa lạ đối với cậu nữa, và cậu cảm thấy mình có thể chinh phục cả thế giới cũng bằng phương cách cậu đã chinh phục thành phố này.

"Khi cậu quyết tâm muốn điều gì thì cả vũ trụ sẽ tác động để giúp cậu đạt mục đích", ông vua già đã nói thế. Nhưng nhà vua không hề đề cập đến bọn cướp đường, đến sa mạc mênh mông vô tận, đến những kẻ biết mình có ước mơ mà không muốn thực hiện nó. Nhà vua cũng không hề bảo rằng Kim Tự Tháp chỉ là những đống gạch cũ mà ai cũng có thể tự dựng lấy trong vườn mình được. Và ông cũng quên luôn không nói rằng khi người ta có đủ tiền để mua một đàn cừu lớn hơn thì cứ nên mua.

Xách bị với những túi kia, cậu xuống thang. Ông chủ tiệm đang tiếp một cặp khách ngoại quốc, trong khi hai khách hàng khác tha thẩn trong cửa hàng và uống trà trong li pha lê. Vào cái giờ sớm này thì nhiều vệc lắm đây. Từ chỗ đang đứng lần đầu tiên cậu để ý thấy rằng tóc chủ tiệm gợi cậu nhớ đến tóc ông vua già. Rồi cậu nhớ lại nụ cười của người bán bánh kẹo vào cái ngày đầu tiên không biết đi về đâu, không biết lấy gì ăn; nụ cười ấy cũng giống như nụ cười của nhà vua nữa.

"Khác nào ông đã đến đây và để lại tung tích vậy", cậu ngẫm nghĩ. "Như thể người nào cũng một lần trong đời có dịp gặp gỡ nhà vua. Ông đã từng nói rằng sẽ luôn xuất hiện với kẻ nào quyết chí đi theo con đường mình tự chọn mà."

Cậu đi, không từ giã chủ tiệm. Vì cậu không muốn khóc, không muốn ai nhìn thấy nỗi đau đớn của cậu. Nhưng chắc chắn cậu sẽ nhớ mãi thời gian ở đây và những gì đã học được. Giờ đây cậu thêm tự tin và cảm thấy nếu cần mình có thể chinh phục cả thế giới.

“Tuy nhiên mình vẫn trở về chốn cũ thân quen và sẽ lại chăn cừu”. Bỗng dưng cậu chợt thấy không thích như thế nữa. Cậu đã làm việc suốt một năm ròng để thực hiện giấc mơ này, thế mà bây giờ ước mơ ấy cứ mỗi lúc một mờ nhạt dần. Có thể đó không thật sự là ước mơ của cậu..

“Biết đâu như ông chủ tiệm pha lê mà lại hóa hay: sẽ không bao giờ đi Mekka cả nhưng cả đời mơ đến nó. “Cậu băn khoăn cầm hai viên Urim và Thummim trong tay; chúng truyền cho cậu sức mạnh của ý chí của vị vua già. Tình cờ - hoặc cũng có thể do dấu hiệu - cậu vào đúng cái quán nước ngày xưa. Không thấy gã đã bịp cậu đâu; chủ quán bưng đến cho cậu một tách trà.

“Bất cứ lúc nào mình cũng có thể trở lại chăn cừu được”, cậu ngẫm nghĩ. “Mình đã biết cách chăn cừu rồi thì không thể nào quên được. Còn đi đến Kim Tự Tháp Ai Cập thì biết đâu mình không có dịp nào khác nữa. Ông già có áo giáp bằng vàng ròng và biết chuyện đời mình thì nhất định phải là vua, một minh quân thật sự.” Chỉ có hai giờ tàu ngăn cách cậu với đồng cỏ vùng Andalusia, còn giữa cậu và Kim Tự Tháp là sa mạc mênh mông. Cậu thấy nghĩ ngược lại thế này cũng được chứ: tính ra thì cậu hiện ở gần kho tàng hơn hai tiếng, cho dù đã mất gần một năm để vượt quãng đường này.

“Thật dễ hiểu vì sao mình cứ thiên về lũ cừu của mình. Vì mình biết rõ chúng rồi; chăn chúng cũng chẳng cực gì và chúng dễ thương. Còn minh có ưa được sa mạc không thì chưa biết, nhưng mà kho tàng của mình chôn ở đó. Nếu không tìm thấy kho tàng thì mình vẫn trở về nước được mà. Hiện mình đủ tiền và thừa thì giờ, tại sao không thử nhỉ?”

Một nỗi vui ập đến tràn ngập trong lòng cậu. Lúc nào cậu muốn làm kẻ chăn cừu hay thành người bán hàng pha lê cũng được. Có thể trên thế giới còn nhiều kho tàng bí mật khác nữa, nhưng cậu đã nằm mộng hai lần và một nhà vua đã xuất hiện với cậu. Đâu phải ai cũng được thế. Cậu hân hoan rời khỏi quán nước vì chợt nhớ ra rằng một trong những người cung cấp hàng cho chủ tiệm pha lê đã chở hàng vượt sa mạc cùng với một đoàn lữ hành. Cậu nắm chặt hai viên đá Urim và Thummim; nhờ chúng mà cậu đã trở lại con đường dẫn đến kho tàng.

“Ta luôn luôn ở cạnh những kẻ đi theo con đường mình tự chọn”, ông vua già đã nói.

Vậy thì mất gì mà không hỏi thử ở nhà kho xem Kim Tự Tháp có xa thật thế không.

Anh chàng người Anh nọ ngồi trong một toà nhà nồng mùi thú vật, mồ hôi và bụi bặm. Không thể nào gọi là nhà kho được, một cái chuồng thì đúng hơn.

“Mình đã học hành cả đời để rồi lạc loài đến đây”, anh thầm nghĩ trong khi lơ đãng lần giở một tập san hóa học, “mười năm học đổi lấy một chuồng nhốt thú vật!”

Nhưng anh không được thoái chí. Phải tin vào dấu hiệu, cả đời anh, tất cả sự học của anh tập trung vào việc hiểu cho được thứ ngôn ngữ vũ trụ. Mới đầu anh quan tâm đến Esperanto,

sau đó đến tôn giáo rồi sau cùng là thuật giả kim. Đến nay anh đã nói được tiếng Esparanto, thấu hiểu các tôn giáo lớn nhưng anh vẫn chưa thành nhà giả kim.

Chắc chắn anh đã học được cách giải đoán nhiều điều quan trọng, nhưng sự thâm cứu của anh đã đạt tới một mức để rồi không tiến thêm được nữa. Anh đã hoài công tìm cách liên hệ với nhà giả kim này, nhà giả kim nọ, nhưng họ là những con người kì dị, chỉ nghĩ đến mình và hầu như không hề chịu giúp đỡ ai. Biết đâu họ đã tìm ra "Đá tạo vàng" rồi và vì thế sẽ không bao giờ hé môi tiết lộ.

Anh đã dùng một phần gia tài thừa hưởng của bố vào việc đi tìm "Đá tạo vàng" cũng như đã tìm đến những thư viện tiếng tăm nhất thế giới và đã mua những tác phẩm quan trọng và hiếm nhất về thuật giả kim. Trong một tác phẩm có ghi chép rằng nhiều năm trước một nhà giả kim trứ danh người Arập đã sang thăm châu Âu. Nghe đồn rằng ông này đã hơn hai trăm tuổi và đã phát hiện ra "Đá tạo vàng" cũng như tìm ra "Thuốc trường sinh bất lão". Chàng người Anh lấy rất làm khâm phục nhưng anh sẽ vẫn cho rằng đó chỉ là một trong những huyền thoại thôi, nếu như một người quen của anh trở về sau chuyến khảo cổ trong sa mạc không tình cờ kể về một người Arập già có những năng lực phi thường.

"Ông ta sống ở ốc đảo El Fayum", người quen nọ nói. "Người ta kháo rằng ông ta hai trăm tuổi và có thể biến mọi kim loại thành vàng."

Chàng người Anh quá sức háo hức. Tức khắc anh xin được giải nhiệm, lục tìm cho ra những pho sách quan trọng nhất để rồi cuối cùng đến đây, trong cái chòi không khác chuồng thú vật này. Ngoài kia, một đoàn lữ hành rất đông đang chuẩn bị để vượt sa mạc Sahara. Đoàn sẽ đi ngang ốc đảo El Fayum

"Mình nhất định phải gặp nhà giả kim vĩ đại này", anh nghĩ và nhờ thế mà cảm thấy mùi mồ hôi của lũ vật có phần dễ chịu hơn chút ít. Một gã Arập còn trẻ vác bao bị bước vào chào chàng người Anh

"Anh đi đâu đấy?" Gã hỏi.

"Vào sa mạc", chàng người Anh cộc lốc đáp rồi lại tiếp tục đọc. Anh không có hứng trò chuyện. Anh phải ôn lại mọi thứ đã học trong mười năm qua vì thế nào nhà giả kim cũng sẽ thử thách anh cho mà xem. Gã Arập cũng lấy sách ra đọc. Quyển sách viết bằng tiếng Tây Ban Nha.

"May phước", chàng người Anh nghĩ, vì anh nói thạo tiếng Tây Ban Nha hơn tiếng Arập và nếu gã kia cũng đi đến El Fayum thì khi rảnh rỗi ít ra cũng có người để mình trò chuyện.

Chương 24 -25

“Tức cười thật”, cậu chăn cừu - chính là gã Arập trẻ kia - thầm nghĩ khi đọc lại cảnh đám tang tả ngay đầu quyển sách. “Mình đã bắt đầu đọc từ gần hai năm trước, thế mà vẫn không hết nổi mấy trang đầu.”

Tuy chẳng ông vua nào cắt ngang, cậu cũng không tập trung nổi. Vì cậu chưa dứt khoát với quyết định của mình. Nhưng cậu nghiệm ra một điều quan trọng: quyết định mới chỉ là bước khởi đầu. Khi đã quyết định rồi thì ta trôi nổi trong một dòng sông cuồn cuộn chảy; nó cuốn ta theo đến một nơi mà lúc quyết định ta không hề dám nghĩ tới.

“Khi lên đường tìm kho tàng có đời nào mình lại nghĩ rằng sẽ làm việc trong một cửa hàng pha lê đâu”, cậu thấy điều mình vừa ngẫm nghĩ đã được chứng nghiệm. “Cũng như mình quyết định đi với đoàn lữ hành này nhưng nó sẽ dẫn mình tới đâu thì vẫn là điều bí mật”.

Chàng người Anh ngồi trước mặt cậu cũng đọc. Anh có vẻ không mấy thân thiện và đã khinh khỉnh nhìn cậu bước vào. Lẽ ra họ có thể thành bạn được, nhưng mà anh ta không muốn trò chuyện. Cậu gấp sách lại vì không muốn làm bất cứ điều gì mà anh chàng người Âu kia cũng đang làm. Thế là cậu moi túi lấy ra hai viên Urim và Thummim nghịch chơi.

Anh chàng kia kêu lên: “Urim và Thummim!”

“Không bán đâu”, Cậu vội vàng nhét đá vào túi.

“Chúng chẳng quí gì lắm đâu”, chàng người Anh nói. “Chỉ là thạch anh thôi. Thạch anh thì trên trái đất này thiếu giống gì; còn với người sành thì đó là Urim và Thummim. Tôi không biết là ở đây cũng có đấy”.

“Đây là tặng vật của một vị vua”, cậu đáp.

Anh chàng kia không nói nữa mà móc túi quần lấy ra hai viên giống như thế.

“Cậu vừa nói đến một vị vua thì phải”, anh ta nói.

“Và anh không tin rằng có một ông vua nào lại đi trò chuyện với một kẻ chăn cừu tầm thường chứ gì”, cậu muốn chấm dứt câu chuyện.

“Hoàn toàn ngược lại. Trẻ chăn cừu là những kẻ đầu tiên nhận biết một vị Vua trong khi toàn thế giới không chịu nhìn nhận Người. Cho nên vua chúa trò chuyện với người chăn cừu là điều dám có lắm chứ.”

Rồi vì sợ rằng cậu không hiểu ý mình, anh ta nói thêm: “Chuyện đó có trong Kinh Thánh đấy, đó chính là quyển sách đã dạy tôi sử dụng Urim và Thummim. Loại đá này là thứ duy nhất Chúa cho phép dùng để bói toán. Các tu sĩ đeo nó trên áo giáp bằng vàng ròng”.

Nghe tới đây thì cậu chăn cừu mừng quá.

“Có lẽ đây là dấu hiệu” chàng người Anh nói với chính mình, như thể ngẫm nghĩ rồi buột miệng

“Ai kể cho anh về dấu hiệu?” Cậu hỏi, càng lúc càng thêm quan tâm

“Mọi thứ ở trên đời đều là dấu hiệu cả”, anh kia gấp sách lại đáp. “Vũ trụ là một ngôn ngữ ai cũng có thể hiểu nhưng chúng ta đã quên mất. Cả tôi cũng đang đi tìm nhiều thứ, trong đó có thứ ngôn ngữ bằng dấu của vũ trụ. Chính vì thế mà tôi đến đây. Tôi phải tìm cho ra một người biết rõ thứ ngôn ngữ này, một nhà giả kim”.

Người chủ nhà kho cắt đứt câu chuyện của họ.

“Các anh may mắn lắm đấy”, người Arập mập mạp này nói. “Xế trưa nay một đoàn lữ hành sẽ lên đường đi El Fayum”.

“Nhưng tôi sẽ đi Ai Cập cơ mà”, cậu chăn cừu đáp.

“El Fayum ở Ai Cập chứ sao”, ông ta trả lời. “Cậu là thứ Arập gì mà không biết điều này?”

Cậu bé chăn cừu bèn đáp rằng mình là người Tây Ban Nha. Nghe thế anh chàng người Anh mừng quá, vì tuy cậu ăn mặc như người Arập nhưng hóa ra lại là người Âu.

“Hắn dùng chữ “may mắn” khi nói về dấu hiệu”, người Anh nhận xét khi chủ kho đi khỏi. “Nếu có khả năng thì tôi sẽ viết một quyển toàn thư dày về hai từ “may mắn” và “ngẫu nhiên”, vì hai từ này là một phần của thứ ngôn ngữ vũ trụ kia”.

Sau đó anh ta giải thích rằng không phải ngẫu nhiên anh ta gặp cậu với hai viên Urim và Thummim trong tay. Anh ta hỏi có phải cậu cũng trên đường đi tìm nhà giả kim kia không.

“Tôi đang trên đường đi tìm một kho tàng”, cậu đáp rồi ân hận đã lỡ lời. Nhưng chàng người Anh nọ không hề để ý.

“Tôi cũng thế, nếu hiểu theo một nghĩa nào đó”, anh ta nói.

“Đúng ra tôi chẳng hiểu thuật giả kim nghĩa là gì”, cậu vừa nói thì chủ nhà kho kêu họ ra.

“Tôi là trưởng đoàn lữ hành”, một ông râu dài, mắt đen nói. “Tức là tôi chịu trách nhiệm về sự sống hay cái chết của từng người. Vì sa mạc giống như một người đàn bà tính khí thất thường, có khi làm chúng ta phát điên lên được”.

Gần hai trăm người cộng với số súc vật nhiều gấp đôi - lạc đà, ngựa, lừa và chim - tụ tập lại. Có cả đàn bà, trẻ con; một vài người đàn ông gươm dắt lưng hoặc súng khoác vai. Anh chàng người Anh đem theo nhiều hòm đầy sách. Tiếng ồn ào rộ lên ở bãi khiến người trưởng đoàn phải lớn tiếng lập lại nhiều lần để mọi người đều hiểu điều ông nói.

"Trong đoàn có nhiều người thờ nhiều thần thánh khác nhau. Nhưng Thượng Đế duy nhất của tôi là Allah và tôi thề với Người rằng tôi sẽ nỗ lực làm hết sức để lần này chúng ta cũng thắng được sa mạc. Bây giờ tôi yêu cầu mỗi người trong đoàn thề với Thần, với Chúa của mình rằng sẽ nghe theo lời tôi vô điều kiện, trong mọi tình huống.

Vì trong sa mạc thì không nghe lời tôi có thể sẽ đưa đến cái chết".

Tiếng rì rầm cất lên, ai nấy đều thề trước Thần và Chúa của mình sẽ tuân lời. Cậu chăn cừu thề với Chúa Jesu. Anh chàng người Anh im lặng. Tiếng rì rầm kéo dài thêm một lúc nữa vì người ta còn cầu xin được che chở. Rồi tiếng tù và vang lên, mỗi người leo lên con vật của mình. Cậu chăn cừu và chàng người Anh đều mua lạc đà nên leo lên khá vất vả. Cậu thấy tội nghiệp con lạc đà của anh kia vì những hòm sách nặng chất đầy lưng nó.

"Trên đời không có gì ngẫu nhiên đâu", chàng người Anh tìm cách nối lại câu chuyện hồi nãy trong nhà kho. "Một người quen đã đưa tôi đến đây, vì anh ta biết một người Arập, người này …"

Vì đoàn rục rịch lên đường nên cậu không nghe ra được anh ta nói gì. Song cậu biết anh ta nói về điều này: về một chuỗi những sự kiện thần bí, trong đó sự kiện này gắn với sự kiện kế tiếp; chúng xui khiến cậu trở thành người chăn cừu, rồi nhiều lần mơ cùng một giấc mơ; chúng đưa cậu đến một thành phố gần châu Phi để rồi gặp một ông vua; chúng khiến cho cậu bị lừa bịp hết sạch tiền, để rồi cậu làm quen với một người bán hàng pha lê, rồi …

"Càng sống được giống như trong giấc mơ thì đường đời lại càng trùng hợp với mục đích muốn đạt đến trong đời", cậu nghĩ.

Chương 26 - 28

Đoàn người đi về hướng mặt trời mọc. Họ đi vào buổi sáng, nghỉ chân khi mặt trời đứng bóng, xế trưa lại đi tiếp. Cậu chăn cừu ít trò chuyện với anh chàng người Anh vì anh ta thường chúi mũi vào sách. Thế là cậu bèn lặng lẽ quan sát cuộc hành trình của người và vật qua sa mạc. Giờ thì mọi thứ khác hẳn ngày đầu. Hôm ấy thật là ồn ào và lộn xộn; tiếng con nít khóc lẫn với tiếng thú vật kêu, thêm tiếng các trưởng toán và các khách thương gắt gỏng ra lệnh. Trong sa mạc, ngược lại, chỉ có tiếng gió thổi liên tục, sự yên ắng và tiếng chân thú vật. Ngay cả các trưởng toán cũng ít trò chuyện với nhau.

"Tôi đã nhiều lần đi qua những đồi cát này", một người phu lạc đà kể vào một buổi chiều tối. "Nhưng vẫn thấy sa mạc quá mênh mông, chân trời thì xa tít tắp khiến con người thấy mình vô cùng nhỏ bé và kính sợ đến không nói nên lời".

Tuy chưa từng vượt sa mạc cậu vẫn rất hiểu ý người phu nọ. Mỗi khi nhìn biển cả hay ánh lửa cậu đều thường ngồi lặng hàng giờ, không nghĩ ngợi gì, chỉ trực cảm quyền lực của thiên nhiên vô cùng vô tận.

"Mình đã học được từ bầy cừu và các món hàng pha lê, tại sao sa mạc lại không dạy mình được ít điều chứ", cậu ngẫm nghĩ. "Sa mạc, theo mình, còn cổ xưa và thông tuệ

hơn nhiều.”

Gió thổi mãi không ngừng. Cậu nhớ lại cái ngày ngồi đón chính ngọn gió này trên cổ thành ở Tarifa. Có thể lúc này đây ngọn gió đang ve vuốt lông lũ cừu của cậu khi chúng đang đi tìm cỏ và nước trên vùng Andalusia bát ngát.

“Đúng ra chúng đâu còn là cừu của mình nữa”, cậu nghĩ và không thấy tiếc nuối.

“Nhất định chúng đã quen với chủ mới và quên mình rồi. Thế là phải. Ai quen lang thang đây đó nhiều như lũ cừu đều biết rằng nhất định sẽ có một ngày phải chia tay thôi - giống như phải lên đường.”

Rồi cậu nghĩ đến cô con gái chủ tệm vải và đinh ninh rằng cô đã lấy chồng. Có thể cô đã lấy một người bán kem, hoặc một chàng chăn cừu cũng biết đọc và biết kể những chuyện thú vị trên đời. Cậu nào phải là người chăn cừu duy nhất có bản lĩnh đó đâu.

Rồi cậu đoán già đoán non rằng có thể cậu đang trên đường lĩnh hội được loại ngôn ngữ vũ trụ, bao trùm cả quá khứ lẫn tương lai của nhân loại. Phỏng đoán này làm cậu phấn khởi. Mẹ cậu vẫn quen gọi đó là “trực cảm”. Cậu dần dà hiểu rằng cảm nhận bằng trực giác nghĩa là tâm linh mình bất chợt chìm ngập trong dòng chảy của toàn vũ trụ, nơi cuộc đời của mọi con người đều liên kết thành một chuỗi, nơi mọi chuyện đều tỏ rõ, vì tất cả đều “đã được viết sẵn” từ trước rồi.

“MAKTUB”, cậu nói và nhớ đến ông chủ hàng pha lê. Sa mạc chỉ toàn cát với đá. Khi đoàn gặp một vùng toàn đá thì họ phải tìm cách đánh vòng khá xa. Còn khi cát quá mịn đối với chân lạc đà thì họ tìm lối khác có lớp cát chắc hơn. Thỉnh thoảng lại thấy có vùng phủ đầy muối vì trước kia nơi đó là biển. Gặp những nơi như thế thì lũ vật thồ giở chứng bất kham không chịu đi tiếp khiến những người phu lạc đà phải dỡ hàng xuống, vác hàng trên vai, vượt qua những nơi địa hình hiểm trở rồi mới lại chất lên như trước. Khi một trưởng toán ngã bệnh hay chết dọc đường thì các phu lạc đà rút thăm cử người thay. Nhưng dù có phải đi vòng bao nhiêu đi nữa thì đoàn vẫn không bao giờ quên đích. Khi đã vượt qua mọi chướng ngại rồi thì sao trên trời sẽ lại chỉ cho họ hướng của ốc đảo. Rạng đông, khi thấy sao sáng trên bầu trời là họ biết rằng sao kia báo hiệu một nơi có phụ nữ, nước, chà là và cây cọ. Chỉ có chàng người Anh là chẳng biết gì cả vì hầu như anh ta chỉ chúi đầu vào sách. Cậu chăn cừu cũng có một quyển sách và cậu thử đọc trong mấy ngày đầu. Nhưng rồi cậu thấy quan sát đoàn là lắng nghe tiếng gió thú vị hơn. Rồi khi đã quen dần và thấy quí con lạc đà của mình thì cậu quẳng quyển sách đó đi. Tuy rằng mỗi khi giở nó ra đọc cậu vẫn hi vọng một các dị đoan rằng sẽ gặp được trong đó một nhân vật lẫy lừng, nhưng giờ đây cậu cho nó chỉ là gánh nặng vô ích.

Lúc này cậu đã quen thân với người phu lạc đà vẫn đi cạnh mình. Tối tối, khi tất cả quây quần bên đống lửa, cậu kể cho ông ta chuyện thời còn đi chăn cừu. Trong một lần chuyện vãn như thế ông ta kể cậu nghe về đời mình.

“Tôi sống ở một nơi gần Al Kahira”, ông ta nói. “Tôi có một vườn rau, một lũ con và một cuộc sống êm đềm mà tôi ngỡ rằng cho đến ngày chết cũng không thay đổi. Một năm nọ

được mùa bội thu, thế là chúng tôi hành hương đến Mekka để làm một bổn phận duy nhất chưa hoàn tất trong đời tôi. Tôi có thể yên tâm nhắm mắt được rồi và lòng tôi thanh thản lắm. Nhưng một ngày kia động đất, nước sông Nil tràn qua đê.

Điều mà tôi tưởng rằng chỉ xảy ra cho người khác đã đến với chính mình. Lũ lụt khiến hàng xóm sợ mất vườn ô-liu, vợ tôi sợ lũ con có thể chết đuối, còn tôi hoảng kinh lo động đất sẽ tàn phá cơ nghiệp của mình. Nhưng sợ cũng thế thôi. Sau vụ đó đất đai không trồng trọt gì được nữa và tôi phải tìm cách khác để nuôi sống gia đình. Cho nên hôm nay tôi làm phu lạc đà. Nhưng lúc ấy tôi thấm thía lời dạy của Allah: không ai phải lo trước về điều chưa xảy tới cả vì mỗi người đều có thể đạt được cái mình muốn và cái mình cần. Chúng tôi chỉ lo mất cơ nghiệp, sợ cho mạng sống và cây cối của mình thôi. Nhưng nỗi sợ đã qua đi khi hiểu rằng diễn biến của đời mình và cả của quả đất đều đã được một bàn tay Người viết trước cả rồi".

Thỉnh thoảng họ gặp một đàon lữ hành khác trong đêm mà đoàn này luôn luôn đang có cái mà đoàn kia thiếu, như thể đúng là tất cả đều do một bàn tay quyết định vậy.

Các toán trưởng trao đổi thông tin về bão cát và tụ tập bên đống lửa kể đủ chuyện về

sa mạc. Một lần khác đoàn gặp những người Beduin ăn mặc kín từ đầu tới chân trông rất là thần bí; Họ theo dõi lộ trình của từng đoàn lữ hành để cảnh báo đoàn về các bọn cướp và về các bộ tộc hiếu chiến. Họ đến và đi đều lặng lẽ, ăn mặc toàn đen, chỉ để hở

đôi mắt. Vào một buổi tối như thế người phu lạc đà đến tìm cậu chăn cừu đang ngồi cùng chàng người Anh bên đống lửa.

"Nghe đồn rằng có thể xảy ra đánh nhau giữa các bộ lạc", ông ta nói.

Họ ngồi lặng thinh. Cậu chăn cừu cảm thấy có một nỗi sợ bàng bạc đâu đó tuy không ai nói gì cả. Một lần nữa cậu lại hiển được thứ ngôn ngữ không lời, ngôn ngữ của vũ

trụ. Một lúc sau chàng người Anh mới hỏi có nguy hiểm gì không.

"Ai đã vào sa mạc rồi thì không quay lại được nữa", người phu lạc đà nói. "Khi không còn đường lui thì chúng ta phải tìm ra cách nào tốt nhất để tiến tới. Mọi chuyện khác phó thác cho Allah, kể cả sự nguy hiểm".

Và ông ta kết thúc bằng cái từ thần bí: "Maktub".

"Anh nên chú ý quan sát các đoàn lữ hành kĩ hơn", cậu nói với chàng người Anh sau khi người phu đi khỏi. "Họ phải đi lòng vòng hoài đấy nhưng lúc nào cũng nhắm hướng mục tiêu".

"Còn cậu nên đọc nhiều hơn về thế giới đi thôi", chàng kia đáp. "Sách cũng bổ ích như đoàn lữ hành vậy". Đoàn người và vật dài dằng dặc đi nhanh hơn tới phía trước. Không phải họ chỉ giữ

yên lặng trong ban ngày, mà ngay cả tối đến họ cũng chỉ rì rầm trò chuyện quanh đống lửa. Rồi một ngày nọ trưởng đoàn quyết định không được đốt lửa nữa để tránh gây chú ý. Họ quây đám thú vật lại thành một vòng tròn, còn người chen chúc bên trong cho đỡ lạnh; trưởng đoàn còn cắt đặt người mang vũ khí canh gác vòng ngoài.

Một đêm chàng người Anh không ngủ được. Anh ra rủ cậu đi dạo qua các đồi cát trải dài quanh khu trại. Đêm đó trăng tròn. Cậu kể cho anh ta về đời mình. Anh ta thích thú nghe chuyện cửa hàng pha lê làm ăn khấm khá lên từ khi có cậu giúp việc ở đấy.

"Đó là nguyên lí cơ bản chi phối mọi sự đấy", anh ta bảo. "Trong thuật luyện kim đan người ta gọi nó là tâm linh vũ trụ. Khi ta tha thiết mong ước điều gì thì ta gần gũi với tâm linh vũ trụ hơn. Nó luôn luôn có tác dụng tích cực"

Anh ta còn nói rằng điều này không phải là đặc trưng của con người đâu. Mọi loài trên trái đất đều có tâm linh, dù đó là khoáng vật, cây cỏ hay thú vật; thậm chí ngay cả một ý niệm cũng thế.

"Mọi thứ trên trái đất đều biến dịch không ngừng, vì thế giới này sống động và có một tâm linh. Chúng ta là một bộ phận của tâm linh này và hiếm khi chúng ta ý thức được rằng nó có ảnh hưởng tích cực đến việc chúng ta làm. Và cậu nên biết rằng ngay cả từng chiếc bình pha lê trong cái tiệm nọ đều đã góp phần vào sự thành công của cậu đấy".

Cậu im lặng ngắm nhìn mặt trăng và cát trắng. Lát sau cậu nói: "Tôi đã quan sát đoàn suốt dọc đường đi qua sa mạc. Đoàn và sa mạc nói cùng một thứ tiếng nên đoàn được phép đi băng qua nó. Đoàn cân nhắc từng bước đi một để được hoà điệu thì đoàn đến được ốc đảo. Bất cứ ai trong chúng ta đến đây, dù can đảm có thừa nhưng không hiểu được thứ ngôn ngữ ấy thì sẽ chết ngay từ đầu".

Hai người cùng ngắm mặt trăng.

"Đó chính là phép kì diệu của dấu hiệu", cậu nói tiếp. "Tôi đã nhìn thấy được các trưởng toán nhận biết ra dấu hiệu của sa mạc như thế nào, cũng như cách tâm linh của đoàn hội ý với tâm linh sa mạc"

Lát sau chàng người Anh nói: "Tôi phải quan tâm đến đoàn nhiều hơn mới được".

"Còn tôi thì cần phải đọc lô sách của anh", cậu đáp

Đó thật là những quyển sách kì lạ, viết về thủy ngân, muối, rồng và vua chúa. Cậu chẳng hiểu gì cả. Dẫu sao cũng có môt ý chính xuyên suốt gần hết mọi quyển, đó là: mọi sự vật đều góp phần diễn giải cho tổng thể. Trong một quyển nọ cậu phát hiện ra rằng văn bản quan trọng

nhất của thuật luyện kim đan chỉ vẻn vẹn có mấy hàng thôi, viết trên một phiến ngọc lục bảo.

"Tên nó là Tabula smaragdina", chàng người Anh nói, tự hào vì đã dạy cho cậu được ít điều mới.

"Tất cả những sách này dùng vào việc gì?"

"Để diễn giải những hàng chữ đó", anh đáp song có vẻ không tự tin lắm.

Quyển sách cậu chăn cừu thích hơn cả kể về cuộc đời những nhà luyện kim đan nổi tiếng nhất. Họ là những người hiến cả đời mình cho việc tinh hóa im loại trong phòng thí nghiệm. Họ tin rằng khi kim loại được nung nóng nhiều năm thì chúng sẽ mất đi những tính chất nguyên thủy, chỉ còn lại cái tâm linh vũ trụ thôi. Tâm linh vũ trụ này sẽ giúp họ hiểu được mọi sự trên mặt đất, vì nó là thứ ngôn ngữ kết nối mọi sự vật với nhau. Họ gọi phát kiến này là "Đại công trình", gồm một phần lỏng và một phần rắn.

"Chẳng lẽ quan sát con người và dấu hiệu không đủ để phát kiến ngôn ngữ này sao?"

Cậu hỏi

"Cậu chỉ giỏi giản đơn hóa tất cả", chàng người Anh bực mình đáp. "Luyện kim đan là một việc quan trong, đòi hỏi mỗi bước phải làm đúng theo chỉ dẫn của thầy".

Cậu được biết phần lỏng của "Đại công trình" gọi là "Thuốc trường sinh bất lão", chữa được mọi bệnh tật, khiến nhà luyện kim đan trẻ mãi. Phần rắn gọi là "Đá tạo vàng" .

"Phát hiện ra "Đá tạo vàng" có phải đơn giản đâu", chàng người Anh nói. "Các nhà luyện kim đan kiên trì nhiều năm trong phòng thí nghiệm, nhìn ngọn lửa tinh hóa kim loại. Họ nhìn ngọn lửa cho đến khi mọi cao ngạo của thế giới này biến mất dần. Rồi một ngày kia họ nhận thấy rằng tinh hóa kim loại cũng là trong sách hóa chính mình".

Nghe thế cậu liền liên tưởng đến người chủ của hàng pha lê. Ông ta thấy rằng rất nên lau chùi các bình trong cửa hàng vì như thế cả ông lẫn cậu đều gột rửa được mọi tạp niệm. Bây giờ thì cậu tin chắc rằng cũng có thể học được thuật luyện kim đan trong cuộc sống hàng ngày.

"Hơn nữa", anh ta nói tiếp, "Đá tạo vàng có một tính chất độc đáo. Chỉ cần một mảnh vụn của nó đủ biến một khối lượng lớn kim loại thành vàng".

Nghe thế cậu lại càng quan tâm hơn đến thuật luyện kim đan. Cậu nghĩ chỉ cần chút ít kiên nhẫn là có thể biến tất cả thành vàng. Cậu đọc lại cuộc đời một vài người đã làm được việc này: Helvatius, Elias, Fulcanelli, Geber. Toàn là những chuyện hấp dẫn cả.

Những người này đều đã đi trọn con đường đời họ chọn. Họ đi đây đi đó, gặp gỡ các bậc trí giả khác, làm những việc thần kì ngay trước mắt những kẻ hồ nghi; họ có trong tay "Đá tạo vàng" và "Thuốc trường sinh" Nhưng khi cậu muốn biết làm cách nào để tự mình đạt được

“Đại công trình” thì đành bó tay, vì chỉ có những đồ họa, những chỉ dẫn ghi bằng mật mã và những văn bản khó hiểu

Chương 29- 33

“Cớ sao mà mọi thứ viết ra khó hiểu thế?” Một tối kia cậu hỏi chàng người Anh để rồi thấy anh ta có vẻ bực bội và muốn lấy lại sách.

“Để chỉ những ai thật nghiêm chỉnh nghiền ngẫm mới hiểu được thôi”, anh ta đáp.

“Cậu thử nghĩ mà xem, nếu ai cũng biến chỉ thành vàng được thì vàng còn gì là giá trị.

Chỉ những ai kiên tâm trì chí, chỉ những ai nghiên cứu nhiều mới đạt được “Đại công trình” một cách trọn vẹn. Chính vì thế mà tôi đến tận giữa sa mạc này để tìm gặp một nhà luyện kim đan chính cống giúp tôi giải mã cái ngôn ngữ bí mật kia”.

“Những sách này được viết hồi nào?” Cậu hỏi

“Từ nhiều thế kỉ trước”

“Hồi đó làm gì đã có sách in”, cậu khăng khăng cãi. “Thành ra không phải bất kì ai cũng biết đến thuật luyện kim đan. Vậy thì việc gì phải dùng đến thứ ngôn ngữ kì quặc kia và những đồ họa?”

Anh kia không trả lời câu hỏi của cậu mà nói rằng đã quan sát đoàn lữ hành mấy ngày nay song chẳng phát hiện gì mới. Điều duy nhất anh ta cảm thấy là tin đồn về đánh nhau cứ dồn dập thêm.

Một ngày nọ cậu đưa trả sách cho anh ta

“Sao, cậu học hỏi được nhiều chứ?” Anh ta háo hức, vì cần có người trò chuyện để quên đi nỗi lo sợ sắp xảy ra đánh nhau

“Tôi học được rằng thế giới có tâm linh và ai hiểu được tâm linh ấy sẽ hiểu được ngôn ngữ của sự vật. Tôi cũng được biết rằng nhiều nhà luyện kim đan đã sống theo con đường mình vạch và như thế đã phát hiện ra tâm linh vũ trụ, “Đá tạo vàng” và “Thuốc trường sinh. Nhưng điều cốt yếu tôi học được là những chuyện đó đơn giản đến nỗi ghi vừa trên một phiến ngọc lục bảo.”

Anh chàng kia thất vọng quá. Bao nhiêu năm nghiên cứu của mình, những kí hiệu thần diệu, những từ bí hiểm, những dụng cụ thí nghiệm … chẳng gây được ấn tượng gì nơi gã này cả.

“Tâm hồn gã quá chất phác nên không thể hiểu chuyện này được”, anh ta ngẫm nghĩ.

Rồi anh ta đón lấy sách, nhét vào túi cho lạc đà thồ.

“Thôi cậu hãy quay về với đoàn lữ hành của cậu đi vậy. Tôi cũng chẳng học được gì từ nó cả”

Cậu tận hưởng sự yên ắng của sa mạc, quan sát bụi cát tung lên dưới bước chân lũ vật.

"Người nào có cách học hỏi của người nấy", cậu tự nhủ. "Cách của anh ta không phải cách của mình, còn cách của mình không giống cách anh ta. Song cả hai đều đang đi tìm con đường sống cho mình, nên mình coi trọng anh ta".

Trong thời gian này đoàn đi cả ngày lẫn đêm. Những người Beduin ăn mặc kín từ đầu đến chân thường xuyên xuất hiện đưa tin tức mới, và người phu lạc đà quen cậu cho biết các bột lạc đã bắt đầu đánh nhau rồi. May mắn lắm đoàn mới có thể an toàn đến được ốc đảo. Lũ vật kiệt sức còn người càng lặng lẽ hơn. Đêm khuya thanh vắng là đáng sợ nhất vì chỉ một tiếng kêu của lạc đà - trước đây vốn là chuyện bình thường – cũng khiến tất cả hoảng sợ, bởi đó có thể là dấu hiệu tập kích Người phu nọ có vẻ như chẳng bận tâm gì lắm trước sự đe doạ của chiến tranh.

"Tôi vẫn sống như từ trước tới giờ", ông ta nói với cậu trong lúc thưởng thức một đĩa chà là vào một đêm không đốt lửa và không trăng. "Nghĩa là khi ăn tôi không làm gì khác hơn là ăn. Khi chạy tôi không làm gì khác ngoài chạy. Rồi nếu có phải đánh nhau thì cái ngày tôi chết cũng đẹp như mọi ngày khác. Tôi không sống trong quá khứ hay tương lai. Tôi chỉ có hiện tại và chỉ quan tâm tới hiện tại. Nếu ta lúc nào cũng ở trong hiện tại được thì ta là người hạnh phúc. Như thế ta sẽ thấy rằng sa mạc này vẫn đang sống, rằng bầu trời vẫn đầy sao và người ta đánh nhau vì đó là đặc trưng của con người. Như thế cuộc đời sẽ thành một ngày hội lớn, một buổi lễ lớn vì đời bao giờ cũng chỉ là khoảng khắc ta hiện đang sống".

Hai đêm sau, khi họ dọn chỗ ngủ thì cậu nhìn lên ngôi sao đã dẫn đường họ. Cậu ngạc nhiên thấy chân trời có vẻ thấp hơn trước vì trên bầu trời có tới hàng trăm vì sao

"Phía đó là ốc đảo đấy", người phu nói

"Thế sao mình không đi ngay lại đó?"

"Vì mình cần phải ngủ".

Cậu mở mắt khi mặt trời ló dạng ở chân trời. Đêm trước nơi đó còn lấp lánh ánh sao, giờ đây là một hàng cây chà là dài ngút mắt

"Chúng ta đến nơi rồi", chàng người Anh nói và thấy nhẹ cả người.

Anh ta cũng mới vừa thức giấc. Cậu không nói gì. Cậu đã học được sự nín lặng của sa mạc và hài lòng với việc ngắm hàng chà là nơi chân trời kia. Cậu còn phải đi xa nữa mới tới được Kim Tự Tháp và một ngày nào đó buổi sáng hôm nay sẽ chỉ còn là kỉ niệm. Nhưng lúc này đây nó là khoảnh khắc của hiện tại, là ngày hội mà người phu lạc đà đã nói. Cậu thưởng thức nó, nhớ lại những bài học của quá khứ và những ước mơ cho tương lai. Một ngày kia cả nghìn cây chà là này sẽ chỉ là kỉ niệm, nhưng giờ đây, với cậu, chúng là bóng mát, là nước và

nơi tránh chiến tranh. Hôm qua, tiếng kêu của con lạc đà có thể gây nguy hiểm, thì giờ đây rừng chà là có thể báo hiệu sự kì diệu.

“Thế giới nói bằng nhiều thứ ngôn ngữ”, cậu nghĩ.

“Đoàn lữ hành tới cũng hối hả như thời gian trôi”, nhà luyện kim đan thầm nghĩ khi nhìn cả trăm người và thú vật tới được ốc đảo.

Dân chúng lớn tiếng hò reo chạy về phía đoàn người mới tới. Bụi bay mù trời. Lũ trẻ reo hò, nhảy như choi choi khi thấy đoàn người lạ. Nhà luyện kim đan thấy tù trưởng ốc đảo lại chào trưởng đoàn lữ hành và hai người trò chuyện hồi lâu. Nhưng nhà luyện kim đan không quan tâm mấy đến những điều ấy. Ông đã từng thấy nhiều người đến rồi đi, trong khi ốc đảo và sa mạc vẫn là ốc đảo và sa mạc. Ông đã thấy vua chúa và kẻ ăn xin đi qua biển cát này, cái biển cát thường xuyên thay hình đổi dạng vì gió thổi nhưng vẫn mãi mãi là cái biển cát mà ông đã biết từ khi còn nhỏ. Tuy vậy, tự đáy lòng mình, ông không thể nào không cảm thấy vui trước hạnh phúc của mỗi người lữ khách, sau bao ngày chỉ có cát vàng với trờ xanh nay đuợc thấy chà là xanh tươi hiện ra trước mắt.

“Có thể Thượng đế tạo ra sa mạc chỉ để cho con người biết quí trọng cây chà là”, ông nghĩ.

Rồi ông quyết định tập trung vào những chuyện cụ thể hơn. Ông biết trong đoàn này có một người mà ông cần truyền lại một phần bí mật của ông. Đã có điềm báo cho ông biết trước. Ông chưa biết người ấy nhưng đôi mắt già dặn của ông sẽ nhận ra ngay một khi ông nhìn thấy tận mặt. Ông mong rằng người này cũng sẽ ham học hỏi như người học trò trước của ông.

“Ta không biết tại sao cứ phải mật truyền những điều này”, ông ngẫm nghĩ, “khi mà chúng chẳng bí mật gì lắm, vì chính Thượng đế đã phơi bày mọi bí mật của Người một cách hào phóng cho mọi tạo vật”. Ông chỉ có một lí giải duy nhất: những điều này cân phải truyền miệng vì chúng hình thành từ cuộc sống trong sạch, tích cực và lối sống như thế khó diễn đạt qua hình ảnh hoặc chữ viết. Con người vốn quá dễ bị lôi cuốn bình hình ảnh và sách vở mà sao nhãng ngôn ngữ của thế giới

Chương 34

Đoàn người mới tới được đưa ngay đến ra mặt tù trưởng của El Fayum. Cậu chăn cừu không dám tin ở mắt mình: ốc đảo không phải là một cái giếng với dăm ba cây chà là bao quanh – như cậu đã đọc trước kia trong một quyển sách sử - mà lớn hơn nhiều so với không ít làng ở Tây Ban Nha. Ốc đảo có bao trăm giếng nước và rất nhiều lều đủ màu sặc sỡ xen giữa năm vạn cây chà là.

“Cứ như trong truyện Nghìn lẻ một đêm”, chàng người Anh nhận xét.

Anh ta nôn nóng muốn đi tìm nhà luyện đan ngay. Chẳng mấy chốc họ bị một đám trẻ bao quanh; chúng tò mò nhìn đoàn người lạ và lũ vật. Còn cánh đàn ông hỏi họ có thấy đánh nhau gì chưa, trong khi các bà các cô tranh nhau mua vải vóc và đá quí do khách thương thồ đến. Sự yên ắng của sa mạc giờ đã như thể xa vời lắm, vì những người lữ hành nói không ngừng; họ cười, họ hò hét khác nào mới được từ thế giới bên kia trở về với thế giới loài người. Họ sung sướng và hết hẳn lo âu. Ở Sa mạc thì họ phải hết sức cảnh giác, chứ bây giờ - người phu lạc đà giải thích cho cậu biết - ốc đảo luôn luôn được coi là vùng đất trung lập, vì đa số dân ốc đảo là phụ nữ và trẻ em. Hai bên chiến tuyến đều có ốc đảo nên các bộ lạc chỉ đánh nhau ngoài sa mạc, dùng ốc đảo làm nơi tạm lánh.

Trưởng đoàn khá vất vả mới tụ tập mọi người trong đoàn lại được để phổ biến chỉ dẫn.

Đoàn sẽ ở lại ốc đảo cho đến khi cuộc xung đột giữa các bột lạc chấm dứt. Là khách, họ phải ở chung lều với người ốc đảo và sẽ được nhường chỗ tốt nhất. Lòng hiếu khách đòi hỏi phải như thế. Rồi ông yêu cầu mọi người, kể cả đội gác của ông, trao vũ khí cho những người được tù trưởng chỉ định.

“Đây là luật lệ khi có xung đột”, ông giải thích. “Ốc đảo không được chứa chấp đội quân nào, dù chỉ là một chiến sĩ lẻ loi”.

Cậu ngạc nhiên khi chàng người Anh móc túi lấy ra một khẩu súng lục mạ kền, trao cho những người đi gom vũ khí.

“Anh cần súng lục để làm gì?” Cậu hỏi

“Có thể tôi mới dám đi chung với người lạ”, anh ta đáp và thấy sung sướng vì đã tới được đích của sự tìm kiếm của mình.

Còn cậu lại nghĩ về kho tàng. Giấc mơ của cậu càng sắp thành sự thật bao nhiêu thì mọi sự lại rối rắm bấy nhiêu. Hình như cái nguyên lí mà ông vua già gọi là “thánh nhân đãi kẻ khù khờ”, không còn giá trị nữa. Trên đường đến với giấc mơ, lòng can đảm và sự kiên trì của cậu đã thường xuyên bị thử thách. Thành ra cậu không thể khinh suất hay sốt ruột được. Nếu cứ xông bừa tới trước thì cậu sẽ không nhìn thấy được dấu hiệu Chúa báo dọc đường.

“Điềm Chúa báo dọc đường”, cậu nghĩ rồi sửng sốt trước ý nghĩ của mình. Cho tới nay cậu vẫn cho điềm là cái gì đó rất tự nhiên, giống như ăn, ngủ, theo đuổi chút tình yêu hay tìm công ăn việc làm. Cậu chưa hề nghĩ rằng đó có thể là thứ ngôn ngữ Chúa dùng để bảo cậu phải làm gì

“Đừng nôn nóng”, cậu lại tự nhắc mình. “Hãy làm như người phu kia nói: lúc cần ăn thì ăn, lúc phải đi thì đi”

Ngày đầu tiên ai cũng ngủ nhiều vì quá mệt, kể cả chàng người Anh. Cậu ngủ trong một lều khác, với năm anh chàng trai trạc tuổi cậu. Họ là những thanh niên sa mạc nên thích nghe chuyện các thành phố lớn. Cậu kể vầ đời chăn cừu của mình và vừa định thuật lại kinh nghiệm sống trong cửa hàng pha lê thì chàng người Anh bước vào lều.

“Tôi tìm cậu khắp nơi”, anh ta nói rồi kéo cậu ra ngoài. “Cậu phải giúp tôi tìm cho ra nhà luyện kim đan ở đâu”

Mới đầu hai người muốn tự đi tìm lấy. Một nhà luyện kim đan nhất định phải sống khác với những người dân ốc đảo, và trong lều của ông lò luyện hẵng không lúc nào tắt. Họ chạy quanh tìm để rồi thấy rằng ốc đảo lớn hơn họ tưởng nhiều. Có đến cả hàng trăm lều.

“Thế là mình mất gần nguyên ngày rồi”, chàng người Anh than thở rồi cùng với cậu ngồi nghỉ cạnh một cái giếng.

“Có lẽ mình nên hỏi thì hơn”, cậu nói.

Anh kia còn ngần ngừ vì không muốn tiết lột chuyện có nhà luyện kim đan ở ngay ốc đảo này với người khác. Cuối cùng anh ta cũng đồng ý và nhờ câu hỏi hộ vì cậu sõi tiếng Arập hơn. Cậu bèn lại gần một người đàn bà đang đi lại giếng để lấy nước vào cái túi da dê.

“Chào bà. Tôi muốn được biết nhà kuyện kim đan trong ốc đảo này ở đâu”, cậu lựa lời hỏi.

Bà nọ đáp rằng chưa hề nghe ai nói có nhà luyện ikim đan bao giờ. Rồi bà hấp tấp bỏ đi. Song trước đó bà còn lưu ý cậu không bao giờ được trò chuyện với những nguời đàn bà mặc trang phục màu đen vì họ là những người đã có chồng. Cậu phải tôn trọng phon tục tập quán ốc đảo. Chàng người Anh rất thất vọng. Chả lẽ chuyến đi xa này của anh công cốc hay sao? Cậu cũng buồn: nói cho cùng thì người bạn đồng hành của cậu cũng đang đi tìm con đường mà số phận định cho mình. Và như thế thì, như nhà vua già từng nói, đương nhiên cả vũ trụ sẽ góp sức để người đi tìm con đường ấy đạt được điều mình muốn. Nhà vua thì không thể nào nhầm được.

“Tôi chưa từng nghe nói về một nhà luyện kim đan bao giờ”, cậu nói, “nếu có thì tôi sẵn lòng giúp anh ngay”.

Mắt anh chàng kia chợt sáng lên “Phải rồi! Chắc là ở đây không ai biết nhà luyện kim đan nghĩa là gì! Cậu hãy hỏi thăm về một ông chữa được mọi thứ bệnh”

Có thêm nhiều người đàn bà chùm áo màu đen ra giếng lấy nước, nhưng cậu không hỏi họ dù chàng người Anh ra sức hối thúc. Mãi sau mới có một người đàn ông đi tới.

“Ông có biết người nào chữa lành bệnh cho dân làng này không?”

“Allah chữa lành cho mọi thứ bệnh tật”, ông nọ đáp, rõ ràng giật mình hoảng sợ trước hai người lạ.

“Hoá ra mấy người đi tìm thầy phù thủy”. Rồi sau khi đã niệm đôi ba câu kinh Koran ông ta vội vàng bỏ đi Một người đàn ông khác tới giếng. Ông này lớn tuổi hơn, chỉ

xách một cái chậu nhỏ. Cậu cũng hỏi y như trước

“Mấy người muốn gặp ông ta để làm gì?” Người Arập này hỏi lại.

“Vì anh bạn tôi đã đi nhiều tháng ròng để được gặp ông ấy”

“Nếu ông ta sống trong ốc đảo này thì nhất định phải là người rất quyền thế”, người nọ

nói sau vài phút ngẫm nghĩ.

“Ngay cả các tộc trưởng khi cần cũng không triệu được ông ta đến. Ông ta chỉ đến nếu tự ý muốn thôi. Mấy người hãy chờ cho cuộc xung đột chấm dứt rồi cùng với đoàn lữ hành rời khỏi nơi này. Đừng can thiệp vào cuộc sống ở ốc đảo”, nói rồi ông ta bỏ đi.

Nhưng chàng người Anh lại mừng rỡ. Thế là họ đã có chút manh mối rồi. Cuối cùng một cô gái không mặc mày đen ra giếng, vác trên vai một bình bằng đất nung. Cô cũng đeo khăn choàng nhưng để hở mặt. cậu lại gần cô để hỏi thăm về nhà luyện kim đan. Thời gian như chợt ngừng trôi và tâm linh vũ trụ quyền uy vô hạn như hiện ra trước mặt cậu. Khi nhìn vào đôi mắt đen của cô, nhìn đôi môi chưa biết nên cười hay nên nín lặng kia, cậu hiểu – như mọi người trên trái đất đều có thể hiểu bằng trái tim mình – cái phần quan trọng và thông tuệ nhất của thứ ngôn ngữ vũ trụ này. Cái phần đó gọi là tình yêu, là thứ lực hiện hữu trước cả loài người, thậm chí trước cả sa mạc này và nó sẽ mãi mãi tái hiện với cùng một mãnh lực ở bất cứ nơi nào có hai đôi mắt gặp nhau như hai cặp măt nọ đang nhìn nhau trước giếng. Đôi môi kia đã chọn nụ cười và đó chính là cái dấu hiệu, cái điềm cậu đã chờ đợi từ lâu, đã tìm ở nơi lũ cừu, trong sách vở, tìm trong pha lê và trong sự yên ắng của sa mạc mà không tự biết. Trong nụ cười kia vũ trụ đã hiển hiện ra một cách trong sáng nhất, không cần một diễn dịch nào, như nó không ngừng tiếp tục xoay vần.

Cậu chợt hiểu ngay rằng cô gái đứng kia sẽ là người bạn đời của mình và chính cô cũng biết như thế mà không cần phải nói ra. Đó là điều cậu chắc chắn hơn mọi thứ trên thế gian này, dù rằng bố mẹ và ông bà cậu vẫn bảo trước hết phải tỏ tình, mới đến hứa hôn, rồi tìm hiểu cặn kẽ và dành dụm đủ tiền để cưới. Nghĩ như thế thì chẳng bao giờ hiểu được ngôn ngữ vũ trụ vì một khi đã ngụp lặn trong đó thì ai cũng hiểu ra rằng trên thế giới luôn luôn có một người chờ đợi mình, dù là giữa sa mạc hay trong thành phố lớn. và khi hai người gặp nhau và mắt họ nhìn nhau thì cả quá khứ lẫn tương lai đều không quan trọng nữa, chỉ còn có khoảng khắc này và niềm tin tuyệt đối rằng mọi sự dưới bầu trời này đều do một bàn tay ghi sẵn; chính bàn tay này làm nẩy mầm tình yêu và chọn sẵn một kẻ tâm đầu ý hợp cho mỗi người chăm lo làm lụng, nghỉ ngơi và tìm kiếm kho tàng dưới gầm trời này. nếu không như thế thì mơ ước của con người thật là vô nghĩa.

“MAKTUB”, cậu thầm nghĩ.

Chàng người anh đứng lên, lắc tay cậu. “Này, cậu hỏi đi chứ!”.

Cậu lại gần cô gái. Cô lại cười. Cậu cũng cười.

“Cô tên gì?” Cậu hỏi

“Em tên là Fatima”, cô đáp và ngượng ngùng nhìn xuống đất.

“Ở đất nước tôi cũng có một số các bà, các cô mang tên cô như vậy”.

“Đó là tên con gái Đức Tiên Tri”, Fatima đáp.

“Các chiến binh của đất nước em đã đem cái tên này đến nước anh đấy” Người con gái nhỏ nhắn nói về các chiến binh với vẻ tự hào.

Anh chàng người Anh đứng cạnh cậu đâm ra sốt ruột. Cậu bèn hỏi cô về con người chữa lành mọi thứ bệnh tật.

“Đó là một người thấu hiểu mọi bí mật của thế giới. Ông ta trò chuyện với các Dschinn - tức là quỉ thần - của sa mạc”, cô cho biết.

Cô gái chỉ về hướng Nam, nơi trú ngụ của nhân vật lạ lùng kia. Cô lấy nước đầy bình rồi quay đi. Chàng người Anh bỏ đi tìm nhà luyện kim đan ngay tức thì, còn cậu vẫn ngồi lại hồi lâu bên giếng và nhận ra rằng trước đây ít lâu chính luồng gió Levante đã đem mùi thơm của cô gái này đến với mình, và cậu đã yêu dù không hề biết về cô, và nhờ tình yêu ấy cậu sẽ có đủ năng lực tìm ra mọi kho tàng của thế giới này.

Chương 35 -37

Hôm sau cậu lại ra giếng chờ cô gái. Cậu ngạc nhiên khi gặp chàng người Anh ở đấy; lần đầu tiên anh ta ngắm nhìn sa mạc.

“Tôi đã chờ ông suốt từ xế trưa cho đến chiều tối”, anh kể. “Mãi khi sao mọc ông ta mới xuất hiện. Tôi trình bày về điều mình đang tìm kiếm. Nghe xong, ông ta hỏi tôi đã từng biến chì thành vàng chưa. Tôi thưa rằng đó chính là điều tôi muốn học ở ông.

Ông bảo tôi cứ thử đi. Tất cả những gì ông khuyên tôi là: anh hãy cứ thử đi!”

Cậu im lặng. Thế là chàng người Anh đã đi xa vạn dặm để rốt cuộc được khuyên điều chính anh ta đã biết. Nhưng rồi cậu chợt nhớ chính mình cũng từng như thế, khi trả cho ông vua già sáu con cừu.

“Thế thì anh nên thử đi”, cậu nói “Tôi cũng đang định thử ngay đây”

Anh ta đi được một lúc thì Fatima đến lấy nước.

“Tôi có điều quan trọng cần nói với cô. Tôi muốn được lấy cô làm vợ. Tôi yêu cô”

Nước trong bình của cô gái sóng sánh

“Ngày ngày anh sẽ ra đây chờ em. Cuộc xung đột thật là tai hại vì anh đã vượt sa mạc để đi tìm một kho tàng ở Kim Tự Tháp. Nhưng bây giờ lại hóa may vì nhờ nó mà anh được ở gần em.”

“Một ngày kia cuộc xung đột sẽ chấm dứt”, cô gái nói

Cậu nhìn về phía rừng chà là. Cậu từng đi chăn cừu; ở đây không thiếu chi cừu, và với cậu thì Fatima quan trọng hơn kho tàng.

“Các chiến binh đi tìm kiếm kho tàng đem về đây”, cô gái nói, như thể đoán được ý cậu. “Và phụ nữ sa mạc chúng em tự hào về các chiến binh của mình”

Cô gái lấy nước đầy bình rồi ra về. Giờ đây ngày ngày cậu ra giếng đợi Fatima. Cậu kể cô nghe về quãng đời chăn cừu của mình, về ông vua già và về những ngày làm việc trong cửa hàng pha lê. Hai người ngày một thân thiết nhau hơn. Mỗi ngày, ngoài mười lăm phút được ở bên cô, cậu cảm thấy thời gian trôi quá chậm. Sau gần một tháng ở ốc đảo, trưởng đoàn họp cả đoàn lại

“Chúng ta không biết khi nào mới hết đánh nhau và lại đi tiếp được. Có thể còn đánh nhau lâu, cả năm chưa biết chừng, vì cả hai bên đều không thiếu chiến binh khỏe mạnh và dũng cảm, tinh thần chiến đấu cao. Đây không phải là cuộc đấu tranh giữa tốt và xấu, mà chỉ nhằm tranh giành quyền lực. Như thế, khi đã nổ ra đánh nhau thì thường kéo dài rất lâu, vì Allah không thiên về một bên nào nhất định”

Sau đó họ giải tán. Xế trưa hôm đó gặp lại Fatima cậu kể cô nghe về buổi họp của đoàn.

“Hôm chúng mình gặp nhau lần thứ hai”, Fatima nói, “anh đã thổ lộ tình yêu của anh.

Rồi anh đã cho em biết nhiều điều rất hay ho, chẳng hạn như ngôn ngữ và tâm linh vũ trụ. Qua đó em dần dà trở thành một phần của anh.

Cậu lắng nghe và thấy giọng nói của cô dễ thương hơn tiếng gió rì rào qua rừng chà là.

“Em đã chờ anh ở cái giếng này nhiều năm dài. Em không còn nhớ quá khứ của mình, quên luôn cả truyền thống và những gì đàn ông chờ đợi trong cách cư xử của phụ nữ vùng sa mạc chúng em. Từ thuở nhỏ em đã mơ sa mạc sẽ đem đến cho em món quà quí nhất đời mình. Món quà đó là anh”

Cậu nắm tay cô nhưng cô bận giữ quai bình

“Anh đã kể về giấc mộng của anh, về nhà vua già và về kho báu. Anh cũng đã kể về điềm, về dấu hiệu. Thành ra em không còn thấy lo âu gì nữa, vì chính những điềm ấy, những dấu hiệu ấy đã đưa anh đến đây. Còn em là một phần giấc mộng của anh, một phần của vận mệnh anh – theo cách anh gọi. Vì thế mà em muốn anh tiếp tục đi tìm kho báu của mình. Nếu anh phải đợi đến khi hết đánh nhau thì cũng tốt, nhưng nếu không thể đợi được thì anh cứ đi, để làm tròn sứ mệnh tiền định của mình. Các đồi cát thay đổi theo gió nhưng sa mạc không thay đổi bao giờ. Tình yêu của hai chúng ta cũng sẽ như thế” “Maktub”, cô nói thêm. “Nếu em là một phần của vận mệnh anh thì sẽ có một ngày anh trở về thôi”.

Sau lần gặp gỡ này cậu buồn bã ra về, lòng nhớ đến nhiều người đã từng quen biết.

Những người chăn cừu đã có gia đình thường khó thuyết phục được các bà vợ lí do tại sao họ phải nay đây mai đó. Tình yêu đòi hỏi người ta phải ở gần người mình yêu.

Hôm sau cậu nói với Fatima về điều này.

“Sa mạc đem đàn ông của chúng em đi nhưng không phải lúc nào cũng đưa họ trở về”, cô nói. “Chúng em đành chấp nhận. Nhưng họ vẫn tiếp tục sống trong những áng mây không đem lại mưa, trong những con vật náu mình giữa các tảng đá và trong làn nước tuôn đầy từ các giếng. Họ trở thành bộ phận của toàn thể, họ nhập vào tâm linh vũ trụ.

Cũng có một số trở về được; điều này đem lại niềm vui và thêm hi vọng cho những người đàn bà đang mong mỏi rằng một ngày kia chồng con họ cũng sẽ trở về. Trước đây em ganh tị với những người đàn bà này, nhưng giờ đây em cũng có một người để mà chờ đợi. Em là một cô gái sa mạc và rất tự hào về điều này. Chồng em cần phải đi lại tự do như làn gió làm biến dạng các đồi cát. Và em cũng mong được thấy chồng em nhập vào trong những áng mây, trong những con thú và trong làn nước giếng”.

Cậu đi tìm chàng người Anh vì cậu muốn kể cho anh ta về Fatima. Cậu ngạc nhiên thấy anh ta đã dựng một cái lò nhỏ cạnh lều. Cái lò luyện trông thật quái dị, phía trên đặt một cái bình trong suốt. Trong lúc đốt lò bằng cành khô mắt anh ta nhìn ta sa mạc; đôi mắt như long lanh hơn những ngày chỉ chúi mũi vào sách.

“Đây là bước đầu”, anh ta cắt nghĩa. “Tôi phải tách lưu huỳnh ra. Để thành công tôi không được phép sợ sẽ thất bại nữa. Chính nỗi sợ này đã cản trở tôi thử đạt đến “Đại công trình”. Bây giờ tôi mới bắt đầu với một công đoạn mà lẽ ra tôi đã có thể làm từ mười năm trước rồi. Song ít ra tôi cũng mừng vì đã không đợi thêm hai mươi năm nữa”.

Anh ta cởi lửa rồi lại nhìn ra sa mạc. Cậu ngồi một lúc với anh ta cho đến khi sa mạc rực đỏ vì ráng chiều. Rồi cậu tha thiết muốn đi vào sa mạc xem thử sự tĩnh lặng có trả lời những câu hỏi của anh ta được không. Cậu đi không mục đích nhất định song mắt luôn trông chừng rừng chà là để khỏi lạc. Cậu lắng nghe tiếng gió và cảm nhận sỏi đá dưới chân mình. Thỉnh thoảng cậu lại thấy một vỏ sò và hiểu ra rằng sa mạc này xa xưa từng là biển. Rồi cậu ngồi xuống một tảng đá, nhìn như bị thôi miên vào chân trời trải dài trước mắt. Cậu không hiểu được tại sao yêu mà lại không có quyền đòi hỏi được sỡ hữu; nhưng vì Fatima là một cô gái sa mạc nên chỉ có sa mạc mới giúp cậu hiểu được thôi. Cậu ngồi im lặng hồi lâu không nghĩ ngợi gì cho đến khi cảm thấy có gì động đậy phía trên đầu. Cậu nhìn lên, thấy hai con chim bồ cắt đang bay lượn. Cậu nhìn đôi chim và những hình mà đường bay của chúng vẽ nên. Những đường ấy có vẻ không theo một trật tự nào, nhưng nhất định chúng phải có ý nghĩa; chỉ có điều cậu không giải thích được nghĩa đó thôi. Thành ra cậu muốn dõi theo đường bay của chim; biết đâu cậu có thể rút ra từ đó một thông điệp. Biết đâu sa mạc có thể giải thích cho cậu về loại tình yêu không cần được sở hữu. Chợt cậu thấy mệt mỏi. Trái tim cậu van cậu đừng ngủ gật mà phải hết sức chú tâm.

“Bây giờ mình thả hồn vào ngôn ngữ vũ trụ và thấy mọi chuyện trên thế giới đều có ý nghĩa, kể cả đường bay của chim”, cậu nghĩ. Cậu thầm cám ơn nỗi may mắn mà tình yêu của một người con gái đã đem đến cho mình. “Khi yêu thì tất cả lại càng có thêm ý nghĩa”.

Chợt một con chim đâm bổ xuống tấn công con kia. Trong cái động tác vụt qua ấy cậu chợt thấy một ảo ảnh: có một đạo quân vung gươm xông vào ốc đảo. Cái ảo ảnh kia chỉ xuất hiện

trong chớp mắt rồi vụt biến, nhưng cậu hết sức lo sợ. Cậu đã được nghe về ảo giác và cũng đã từng thấy đôi lần; đó là những ước mơ mờ ảo biến thành cảnh như thật trên mặt cát nóng bỏng của sa mạc. Nhưng cậu đâu hề ước mơ có một đạo quân tấn công vào ốc đảo. Cậu muốn quên đi chuyện này bằng cách tập trung nhìn vào sa mạc lấp loáng ánh hồng và vào những tảng đá. Nhưng thâm cậu vẫn thấy gì đó bất an.

“Phải luôn chú ý tới điềm báo”, ông vua già bảo thế. Cậu nhớ tới Fatima, nhớ tới ảo giác mới đây và linh cảm rằng nó sắp xảy ra thật. Phải cố gắng lắm cậu mới thoát ra khỏi tình trạng như bị mê hoặc kia, đứng lên đi về phía hàng chà là. Một lần nữa cậu lại nhận thấy sự vật có nhiều cách tự diễn đạt. Lần này sa mạc trông có vẻ an toàn, còn ốc đảo như trở nên một nơi bất ổn. Người phu lạc đà ngồi dưới một gốc chà là, cũng đang ngắm nhìn mặt trời lặn. Ông ta thấy cậu bước ra từ sau một đụn cát.

“Một đạo quân đang trên đường tới đây. Tôi vừa có một ảo giác”, cậu nói.

“Sa mạc đáp ứng ước mơ của con người bằng cách tạo ra ảo giác”, người phu trầm tĩnh đáp.

Nhưng cậu kể ông ta nghe về đôi chim, rằng cậu đã dõi theo đường bay của chúng khi cậu thả hồn vào tâm linh vũ trụ. Nghe thế người phu không nói gì nữa. Ông thấu hiểu rất rõ điều cậu vừa kể. Ông biết mỗi sự vật trên thế gian này đều có thể kể được nhiều điều về mọi sự vật khác. Khi ông mở một quyển sách hoặc xem chỉ tay cho người, bói bài hay quan sát đường chim bay hoặc bất cứ làm gì khác thì mỗi việc như thế đều có thể liên hệ đến điều ông vừa ứng nghiệm. Thật ra sự vật không nói lên điều gì cả, mà chính do con người chú tâm vào sự vật nên đã phát hiện ra những khả năng thâm nhập vào tâm linh vũ trụ. Trong sa mạc có nhiều người đàn ông sống bằn cách thâm nhập vào tâm linh vũ trụ. Họ xưng là thầy bói, rất được giới phụ nữ và cụ già nể vì. Các chiến binh rất ít khi tìm đến họ vì khi biết trước sẽ bỏ mình trong trận đánh thì khó lòng ra trận được. Người chiến binh đam mê chiến trận, giống như kẻ phiêu lưu say mê những chân trời mới lạ; tương lai đã do Allah định sẵn rồi và mọi chuyện xảy ra cũng đều vì ích lợi của con người thôi. Do đó người chiến binh chỉ sống với hiện tại vì hiện tại đầy rẫy bất ngờ buộc họ phải quan tâm đến bao điều: lưỡi gươm của đối phương chém chỗ nào, vị trí của ngựa ở đâu và phải đỡ nhát chém thế nào để thoát chết. Người phu không phải là chiến binh và ông đã từng đi xem vài thầy bói. Có người đoán đúng, có người không. Cho tới cái lần người thầy bói cao tuổi nhất và được vì nể nhất hỏi ông tại sao lại quan tâm đến tương lai như thế.

“Để bắt tay ngay thực hiện một số việc và phòng ngừa những việc mà tôi không muốn xảy ra”, người phu đáp.

“Thế thì đó không còn là tương lai của ông nữa”, thầy bói nói.

“Có thể vì tôi muốn biết về tương lai để chuẩn bị trước, hầu sẵn sàng chờ đón nó”.

“Nếu là những điều lành thì ông sẽ được ngạc nhiên một cách thú vị”, thầy bói đáp.

“Còn nếu là điều dữ thì ông sẽ đau khổ khá lâu trước khi nó xảy ra”.

“Tôi muốn biết về tương lai vì tôi là con người và mọi người đều sống vì tương lai”, người phu nói với thầy bói.

Nghe thế thầy bói im lặng. Thầy có thể bói que, rải que trên nền đất rồi giải đoán.

Nhưng hôm ấy thầy không bói que.

“Tôi kiếm sống bằng cách đoán hậu vận”, thầy nói. “Tôi biết thuật bói que và biết phải sử dụng que thế nào để nhập được vào nơi ghi chép mọi sự trên đời này. Ở đó tôi có thể thấy được quá khứ, phát hiện những gì đã bị lãng quên và giải đoán những dấu hiệu của hiện tại. Khi khách tìm đến tôi hì tôi không biết được tương lai họ mà chỉ ước đoán thôi. Vì tương lai thuộc về Thượng Đế và Người chỉ khải thị trong những hoàn cảnh hết sức khác thường. Bằng cách nào mà tôi đoán tương lai? Chính là qua dấu hiệu của hiện tại. Bí ẩn nằm ngay trong hiện tại; nếu anh chú ý quan sát hiện tại thì anh có thể cải thiện được nó. Và khi anh đã làm cho hiện tại được tốt hơn. Vậy đừng nên nghĩ đến tương lai mà hãy sống từng ngày của đời mình theo giới luật của Thượng đế và luôn tin tưởng rằng Người cưu mang chúng ta là con cái của Người. Mỗi một ngày tự nó đã hàm chứa vĩnh cửu rồi”.

Người phu muốn biết trong hoàn cảnh hết sức khác thường nào mới được Thượng đế khải thị tương lai.

“Khi nào được Người ban cho ơn phước đó. Song rất hạn hữu, vì một lí do thôi: tương lai tuy đã được định sẵn nhưng vẫn còn có thể thay đổi được”.

Thượng đế đã khải thị cho cậu chăn cừu một khoảnh khắc của tương lai vì Người muốn dùng cậu làm sứ giả đưa tin.

“Cậu hãy đến gặp các tộc trưởng”, người phu nói, “để báo về các chiến binh đang tiến lại ốc đảo này”.

“Họ sẽ cười nhạo tôi mất”.

“Họ là người của sa mạc nên biết phải xử sự với điềm báo như thế nào”

“Vậy thì họ đã biết hết cả rồi chứ”.

“Họ không bận tâm đến chuyện ấy đâu, vì họ cho rằng Allah sẽ gửi đến một sứ giả đưa tin nếu Người có điều gì cần cho họ biết. Điều này thường vẫn xảy ra. Lần này người đưa tin là cậu đấy”.

Cậu nghĩ đến Fatima và quyết định đi tìm các tộc trưởng ngay tức thì.

“Tôi đem điềm của sa mạc đến đây”, cậu nói với người đứng canh cửa một cái lều trắng to tướng nằm chính giữa ốc đảo, “nên muốn thưa chuyện với các tộc trưởng”

Người gác không trả lời mà đi vào trong lều. Mãi sau hắn mới trở ra với một người Arập trẻ khoác áo hai màu trắng vàng. Cậu kể cho người Arập trẻ điều mình đã thấy.

Anh ta yêu cầu cậu chờ rồi lại quay vào trong lều. Trời bắt đầu tối. Nhiều khách thương và dân ốc đảo vào ra cái lều ấy. Các đống lửa nối nhau tắt và ốc đảo lại yên ắng như sa mạc. Chỉ chiếc lều trắng to này là còn ánh đèn. Suốt thời gian đứng chờ cậu nghĩ đến Fatima và vẫn chưa hiểu rõ lắm những điều cô nói lúc xế trưa. Sau hàng giờ chờ đợi, người canh bảo cậu vào lều. Cậu choáng ngợp trước những gì mắt mình thấy. Làm sao có thể tưởng tượng nổi ngay giữa sa mạc lại có một cái lều tráng lệ đến thế. Nền phủ thảm quí mà đôi chân cậu chưa từng được đặt chân lên, trần treo loại đèn cắm nến bằng đồng thau trạm chổ. Phía trong lều, các tộc trưởng ngồi thành vòng cung trên nệm lụa thêu rất công phu, tay cũng tì trên nệm thêu như thế. Người hầu ra vào, kẻ bưng khay bạc đầy trà và những món thơm ngon, người lo tiếp than cho các ống điếu đừng tắt. Một mùi thơm dễ chịu lan khắp lều. Có tất cả tám tộc trưởng, song cậu nhận ra ngay người quan trọng nhất: đó là ông già Arập khoác áo trắng vàng ngồi giữa. Đứng cạnh ông là người Arập trẻ hồi nãy

“Ai là người lạ đã kể về điềm báo?” Một tộc trưởng nhìn cậu hỏi

“Chính tôi đây”, cậu đáp rồi thuật lại những gì đã thấy

“Cớ sao sa mạc lại báo cho một người lạ như cậu biết điều này, chứ không báo cho chúng ta là những kẻ đã sống ở đây từ bao đời rồi?” Một tộc trưởng khác hỏi

“Vì mắt tôi còn lạ lẫm với sa mạc nên tôi còn nhận ra những điềm mà các đôi mắt quá quen không thấy được nữa”, cậu đáp.

“Và cũng vì tôi biết tâm linh vũ trụ”, cậu thầm nghĩ nhưng chỉ để bụng vì người Arập hẳn không tin chuyện này.

“Ốc đảo là vùng trung lập”, tộc trưởng thứ ba nói. “Sẽ không ai dám tấn công nó cả”.

“Tôi chỉ thuật lại những gì mình thấy. Nếu các ông không muốn tin thì thôi”

Căn lều lặng như tờ một lúc, rồi các tộc trưởng tranh luận sôi nổi. Họ nói một thứ thổ ngữ Arập mà cậu không hiểu; nhưng khi cậu định ra khỏi lều thì bị người canh giữ lại.

Lúc này cậu bắt đầu sợ. Có gì đó không ổn rồi. Cậu ân hận đã nghe lời người phu lạc đà. Chợt ông già ngồi giữa hơi hé miệng cười khiến cậu thấy yên tâm. Ông không tham gia cuộc tranh luận của những người kia và đến lúc này cũng chưa nói tiếng nào.

Còn cậu, vì lúc này đã quen với thứ ngôn ngữ vũ trụ, nhận ra rằng từ ông toát ra một vẻ an bình. Trực giác cho cậu thấy mình đến đây là đúng. Cuộc tranh luận chấm dứt, ai nấy chăm chú lắng nghe phản ứng của ông già. Ông nhìn cậu; lúc này vẻ mặt ông lạnh lùng và khó gần

“Hai nghìn năm trước ở một đất nước xa xôi có một chàng trai bị ném xuống giếng rồi bị bán làm nô lệ, vì hắn tin vào giấc mộng”, ông già nói. “Các khách thương nước ta đã mua rồi đem hắn đến Ai Cập. Mỗi người trong chúng ta đều biết ai tin vào giấc mộng thì cũng có thể giải mộng được”.

“Không phải lúc nào cũng giải được đâu”, cậu liên tưởng đến bà già Zigeuner

“Vì Pharao mơ thấy bò gầy và bò mập mà hắn lại giải được giấc mơ ấy nên đã cứu dân Ai Cập thoát khỏi nạn đói. Tên hắn là Josef. Hắn cũng ở trên một đất nước lạ, giống như cậu vậy và lúc ấy có lẽ cũng trạc tuổi cậu”. Ông ngừng nói, đôi mắt vẫn lạnh lùng.

“Chúng ta luôn sống theo truyền thống. Thuở đó truyền thống đã cứu dân Ai Cập khỏi nạn đói và khiến họ trở thành dân tộc giàu có nhất thế gian. Truyền thống dạy đàn ông chúng ta cách vượt sa mạc và tổ chức hôn lễ cho con cái như thế nào. Truyền thống cũng dạy rằng ốc đảo là nơi trung lập, vì phe nào cũng có ốc đảo và chúng không được ai che chở cả”.

Trong khi ông nói thì không ai xen một lời nào.

“Nhưng truyền thống cũng dạy chúng ta phải tin vào thông điệp của sa mạc. Mọi điều chúng ta biết đều là do học được từ sa mạc cả”.

Ông ra hiệu và mọi người đứng cả dậy. Buổi họp chấm dứt. Các ống điếu Nargileh được dụi tắt và đám người canh đứng vào vị trí.

Cậu dợm đi ra thì ông già nói: “Sáng mai chúng ta sẽ phạm vào lời thề rằng trong ốc đảo không ai được mang vũ khí. Suốt ngày mai chúng ta sẽ chờ đón quân địch. Khi mặt trời lặn thì mọi người nộp khí giới lại cho ta. Cứ mười kẻ địch bị giết thì cậu được thưởng một đồng tiền vàng. Tuy nhiên, vũ khí không được phép đem ra từ nơi cất giấu mà không được sử dụng. Chúng đồng bóng chẳng khác sa mạc, nếu đem ra mà không dùng đến thì lần sau có thể chúng sẽ không chịu để ta sử dụng nữa đâu. Do đó, nếu ngày mai không cần tới chúng thì ít nhất cũng phải có một cái dành cho cậu đó”.

Khi cậu ra khỏi lều họp thì ốc đảo chỉ còn ánh trăng soi sáng. cậu đi thêm hai mươi phút nữa mới về tới lều của mình. Những chuyện xảy ra mới đây khiến cậu hoảng sợ.

Cậu đã nhập vào tâm linh vũ trụ và có thể sẽ phải trả giá bằng mạng sống của mình.

Ván bài đắt quá. Nhưng từ ngày bán đi bầy cừu để theo đuổi chính vận mệnh mình lúc nào cậu cũng đánh cuộc với giá cao. Người phu lạc đà đã nói sao nhỉ: chết vào ngày mai thì cũng chẳng khác chết vào bất cứ một ngày nào khác. Mỗi ngày là để ta sống hoặc để từ giã cõi đời. Mọi sự tùy vào một chữ thôi: “Maktub”

Cậu bình thản đi, lòng không ân hận gì. Nếu ngày mai cậu chết thì cũng chính bởi vì Thượng đế không thích thay đổi tương lai. Dù cậu có chết thì cũng là chết sau khi đã vượt eo biển, để làm việc trong cửa hàng pha lê, đã được biết sự yên ắng của sa mạc và đôi mắt Fatima. Đã từ lâu, từ khi rời nhà đi, mỗi một ngày cậu đều đã sống hết mình. Nếu ngày mai có chết thì mắt cậu đã được thấy rất nhiều, hơn hẳn những người chăn cừu khác và cậu rất hãnh diện về điều này. Chợt có tiếng vó ngựa và cậu bị một làn gió cực mạnh hất ngã xuống đất. Quanh cậu bụi tung mù mịt, che khuất cả mặt trăng. Trước mặt cậu một con ngựa khổng lồ cất cao hai vó trước, hí vang khiếp đảm.

Khi đã bớt bụi thì hình ảnh cậu nhìn thấy khiến cậu sợ choáng người, chưa bao giờ sợ

đến thế: một kị sĩ mặt toàn đen ngồi trên mình ngựa, một con chim ưng đậu trên vai trái. Người ấy đội khăn xếp, che kín mặt chỉ hở hai mắt, giống như những "sứ giả của sa mạc" nhưng oai phong hơn nhiều. Người kị sĩ đầy bí mật kia rút từ yên ngựa một thanh kiếm cong; thép lấp lánh dưới ánh trăng.

"Kẻ nào đã cả gan giải đoán đường bay của chim bồ cắt?" Tiếng người ấy như sấm dậy, vang vọng giữa năm vạn gốc chà là của ốc đảo El Fayum

"Tôi đấy", cậu đáp và liên tưởng tới tượng thánh Santiago de Compostela trên mình ngựa phóng qua đầu lũ ngoại đạo. Khác chăng là giờ đây kẻ ngoại đạo kia như tượng thánh trên mình ngựa, còn cậu nằm lăn dưới đất.

"Tôi đấy", cậu đáp rồi cúi đầu để tránh nhát kiếm. "Nhiều mạng người sẽ được tâm linh vũ trụ cứu thoát; đó là điều mà ông đã không ngờ tới".

Nhưng lưỡi kiếm không chém xả xuống cậu mà cánh tay người lạ chỉ hạ xuống từ từ cho đến khi mũi kiếm chạm vào trán cậu. Kiếm sắc làm trán cậu rỉ máu. Người kị sĩ bất động. Cậu cũng bất động. Cậu không nghĩ đến chạy trốn mà thấy trong lòng rạo rực một niềm vui kì lạ: mình sẽ chết vì đã quyết tâm theo vận mệnh của mình. Và vì Fatima. Thế có nghĩa là các điềm báo không sai. Hiện cậu đối mặt với kẻ thù và chẳng việc gì phải bận tâm về cái chết vì tâm linh vũ trụ đang chờ đón mình. Cậu sẽ nhanh chóng trở thành một phần của linh hồn ấy. Và ngày mai kẻ thù kia cũng sẽ thành một phần của nó nốt. Người lạ vẫn dí kiếm trên trán cậu.

"Tại sao mi lại giải đoán đường bay của chim?"

"Tôi chỉ đọc những gì chim muốn báo thôi. Chim muốn cứu ốc đảo còn các người sẽ

phải chết. Ốc đảo đông hơn lũ các người".

Mũi kiếm vẫn không rời trán cậu.

"Mi là ai mà táo gan muốn thay đổi số phận đã được Allah quyết định?"

"Allah tạo dựng các đạo quân cũng như người sinh ra lũ chim kia. Người đã dạy tôi ngôn ngữ của loài chim. Mọi điều đều do một bàn tay viết nên cả", cậu nói, dùng từ

ngữ của người phu lạc đà.

Người lạ thu kiếm về. Cậu thấy nhẹ cả người nhưng vẫn không có ý bỏ chạy.

"Đừng có đoán mò", người lạ nói. "Điều gì đã được bàn tay nọ ghi sẵn rồi thì không cản được đâu".

"Tôi chỉ trông thấy một đạo quân chứ không biết được trận đánh kết thúc thế nào", cậu đáp

Người lạ có vẻ hài lòng với câu trả lời, song vẫn lăm lăm thanh kiếm trong tay.

“Một người lạ như mi đến xứ lạ này để làm gì?”

“Tôi đi theo vận mệnh của mình. Nhưng ông không thể hiểu được đâu”.

Người kị sĩ tra kiếm vào vỏ; con chim ưng trên vai ông ta bỗng kêu lên nghe rất lạ.

Cậu thấy bớt căng thẳng

“Ta muốn thử lòng can đảm của cậu đó thôi”, người lạ nói. “Vì can đảm là điều thiết yếu để hiểu được ngôn ngữ vũ trụ”.

Cậu ngạc nhiên. Người lạ này nói về những điều mà rất ít người biết.

“Không được phép sao nhãng, dù đã tiến rất xa”, ông ta nói tiếp. “Phải yêu quí sa mạc, nhưng không bao giờ được tin nó tuyệt đối, vì sa mạc luôn thử thách con người: nó sẽ giết những kẻ nào lơ là, không cân nhắc từng bước đi một”. Những điều ông ta nói khiến cậu liên tưởng đến vị vua già.

“Nếu đạo quân ấy đến đây thật và khi mặt trời lặn mà đầu cậu vẫn chưa rụng thì hãy tìm ta”, người lạ nói.

Bàn tay mới đây vung kiếm giờ vung một cái roi. Con ngựa bạch lại tung hai vó trước làm cát bụi bay mù.

“Ông ở chỗ nào?” Cậu gọi với theo khi kị sĩ phóng ngựa đi.

Bàn tay cầm roi chỉ về hướng Nam. Thế là cậu đã gặp nhà luyện kim đan.

Chương 39- 40

Khi mặt trời lặn và sao trời vừa ló dạng – không tỏ vì hôm ấy trăng tròn - cậu đi về hướng Nam. Ở đó chỉ một cái lều duy nhất và những người Arập đi ngang đều bảo cậu rằng chỗ này chỉ toàn là Dschinn - quỉ thần – thôi. Những cậy vẫn ngồi đợi trên một tảng đá. Mãi khi mặt trăng đã lên cao nhà luyện kim đan mới xuất hiện. Ông đeo lủng lẳng trên vai hai con chim bồ cắt đã chết.

“Cháu ở đây này”, cậu lên tiếng.

“Cậu không nên ở lại ốc đảo này”, nhà luyện kim đan nói. “Hay là vận mệnh cậu đã xui khiến cậu tối đây?”

“Vì có đánh nhau giữa các bộ tộc, thành ra cháy không thể đi tiếp qua sa mạc đuợc”.

Nhà luyện kim đan xuống ngựa, ra hiệu cho cậu theo ông vào trong lều. Nó giống mọi lều khác ở ốc đảo, không kể lều của các tộc trưởng sang trọng như trong truyền thần thoại. cậu đưa mắt tìm lò luyện, bình và nồi nấu nhưng không thấy gì cả. Chỉ có sách xếp chồng lên nhau, một cái bếp và những tấm thảm đầy hình vẽ kì quái.

"Ngồi đây, ta đi nấu trà", nhà luyện kim đan nói. "Rồi mình thưởng thức thịt chim bồ cắt".

Cậu ngờ ngợ rằng đó là hai con chim mình thấy hôm qua nhưng không nói gì. Nhà luyện kim đan nhóm lửa, rồi chỉ một lúc sau căn lều nức mùi thịt chiên. Dễ chịu hơn mùi thơm của ống điếu nhiều.

"Vì lí do gì ông muốn gặp cháu?" Cậu hỏi

"Vì điềm báo. Gió đã báo cho ta là cậu tới đây, và cậu cần được giúp đỡ".

"Không phải cháu đâu mà là anh chàng người Anh cơ. Anh ta đã tìm ông mãi"

"Hắn còn phải làm cho xong một số điều khác, trước khi gặp được ta. Nhưng hắn đã đi đúng hướng rồi đấy. Hắn đã bắt đầu tìm hiểu sa mạc".

"Thế còn cháu?"

"Khi người nào muốn điều gì thì cả vũ trụ sẽ chung sức lại để người ấy đạt được điều mơ ước", nhà luyện kim đan nói.

Ông lập lại những lời của nhà vua già. Cậu hiểu ngay. Lại thêm một nguời đón gặp và dẫn mình đến gần với vận mệnh của mình.

"Ông sẽ chỉ dạy cháu chứ?"

"Không. Vì cậu đã biết hết những gì cần biết. Ta sẽ chỉ cho cậu phương hướng của kho tàng thôi".

"Nhưng mà đang có đánh nhau", cậu nhắc lại

"Ta biết chuyện gì đang xảy ra trên sa mạc"

"Cháu đã tìm thấy kho báy rồi vì hiện cháu có một con lạc đà, cộng thêm số tiền từ hồi làm ở hiệu pha lê và năm mươi đồng tiền vàng. Cháu sẽ là một người có của ở đất nước mình".

"Nhưng chẳng thứ nào ở Kim Tự Tháp cả"

"Cháu có Fatima. Nàng là kho báu quí nhất của cháu"

"Nhưng cô bé ấy cũng có ở Kim Tự Tháp đâu".

Hai người ăn thịt chim trong lặng lẽ. Nhà luyện kim đan mở một cái chai rồi rót một chất lỏng màu đỏ vào li của cậu. Rượu vang! Và là thứ rượu tuyệt nhất của cậu từng uống.

"Đạo cấm uống rượu mà!"

“Những thứ vào miệng con người không độc hại, xấu xa”, nhà luyện kim đan đáp.

“Xấu xa độc hại là những gì từ miệng họ tuôn ra. "

Rượu làm cậu hưng phấn nhưng nhà luyện kim đan khiến cậu băn khoăn. Họ ngồi trước lều ngắm trăng. Trăng sáng làm ánh sao nhạt dần

“Uống nữa đi”, nhà luyện kim đan nói khi thấy cậu vui vẻ hẳn lên. “Rồi hãy ngủ yên tối nay, như một chiến binh trước ngày ra trận. Đừng quên rằng trái tim cậu ở đâu thì kho báu cũng ở đó; cũng như phải tìm cho ra kho tàng thì những gì cậu học được trên đường mới thật có ý nghĩa. Ngày mai cậu hãy bán lạc đà đi, mua một con ngựa. Lạc đà khó lường lắm: chúng đi cả nghìn bước chẳng có dấu hiệu mệt mỏi nào cả, nhưng thình lình khuỵu xuống rồi chết đứ đừ. Ngựa thì mệt từ từ, thành ra người ta luôn luôn lường trước được có thể thúc ép chúng tới mức nào và chừng nào chúng sẽ chết”.

Chiều tối hôm sao cậu đi ngựa đến lều của nhà luyện kim đan. Cậu đợi một lúc thì ông cũng vừa xong để đi; con chim ưng đậu trên vai trái.

“Hãy chỉ cho ta sự sống trên sa mạc”, nhà luyện kim đan nói, “chỉ những ai tìm được sự sống thì mới có thể tìm thấy kho tàng”.

Họ cưỡi ngựa qua những đồi cát loáng ánh trăng.

“Không biết mình có tìm ra sự sống không, vì nói cho đúng thì mình đâu đã rành sa mạc”, cậu nghĩ.

Cậu muốn quay sang nói với ông như thế nhưng lại ngại. Lát sau họ tới chỗ tảng đá mà hôm trước cậu đã trông thấy hai con chim bồ cắt, nhưng giờ đây chỉ có gió và tĩnh lặng

“Cháu không biết cách tìm sự sống trên sa mạc”, cậu nói, “tất nhiên cháu biết là có sự sống nhưng không biết tìm ở đâu”.

“Sự sống lôi cuốn sự sống”, nhà luyện kim đan gợi ý.

Và thế là cậu hiểu. Cậu thả lỏng ngay cương ngựa, để nó tự đi qua các tảng đá. Nhà luyện kim đan im lặng đi theo. Con ngựa của nhà cậu chạy lòng vòng gần nửa tiếng.

Họ không còn nhìn thấy rừng chà là nữa, chỉ còn mặt trăng to tướng trên bầu trời và những tảng đá lấp lánh ánh trăng bạc. Chợt cậu thấy con ngựa đứng lại ở một nơi mình chưa hề tới bao giờ.

“Chỗ này có sự sống”, cậu nói với nhà luyện kim đan.

“Tuy cháu không biết ngôn ngữ của sa mạc nhưng con ngựa của cháu biết ngôn ngữ của sự sống”

Họ xuống ngựa. Nhà luyện kim đan vẫn không nói gì. Ông vừa từ từ đi tới vừa quan sát các tảng đá. Chợt ông dừng lại, thận trọng cúi xuống. Một cái hốc nằm giữa các tảng đá. Ông thò tay vào, mới đầu chỉ là bàn tay sau cả cánh tay, tới tận vai. Có gì đó động đậy trong hốc và đôi mắt ông - cậu chỉ thấy được đôi mắt do chúng không bị khăn che – nheo lại vì cố gắng và căng thẳng, như thể ông đang giằng co với một vật gì đó trong hốc. Rồi ông rút tay ra thật nhanh khiến cậu giật mình. Ông đứng dậy, tay nắm chặt đuôi một con rắn. Cậu vội nhảy lùi lại. Con rắn không ngừng ngọ nguậy, thở phì phì làm tan sự yên ắng của sa mạc. Đó là một con rắn hổ, nọc của nó giết chết người chỉ trong vài phút.

"Coi chừng nọc độc", cậu nói.

Có vẻ như ông đã bị rắn cắn nhưng vẫn tỏ ra bình thản.

"Nhà luyện kim đan đã hai trăm tuổi rồi", chàng người Anh đã nói thế. Vậy thì ông hẳn phải biết làm gì với rắn trong sa mạc". Cậu nhìn ông đi lại chỗ con ngựa, rút thanh kiếm cong hình bán nguyệt vạch một vòng tròn trên sa mạc rồi thả con rắn vào giữa.

Con vật tức thì nằm yên.

"Đừng sợ, nó không ra được đâu. Cậu đã tìm ra sự sống trong sa mạc, đó là cái điềm ta cần"

"Điều ấy có gì là quan trọng?"

"Vì Kim Tự Tháp nằm giữa sa mạc"

Cậu không muốn nghe gì về Kim Tự Tháp cả. Ngay từ tối hôm trước tâm hồn cậu đã nặng trĩu vì buồn. Đi tìm kho báu nghĩa là rời xa Fatima. "Ta sẽ đi cùng với cậu qua sa mạc", nhà luyện kim đannói

"Nhưng cháu lại muốn ở lại ốc đảo", cậu đáp. "Cháu đã gặp Fatima và với cháu thì cô còn quí hơn cả kho báu".

"Fatima là một cô gái sa mạc", nhà luyện kim đan nói. "Cô biết rằng đàn ông phải đi thì mới có thể trở về. Cô đã tìm thấy kho báu của mình: đó chính là cậu. Bây giờ cô chờ đợi rằng cậu cũng sẽ tìm được kho tàng của cậu".

"Nếu cháu quyết định ở lại thì sao?"

"Thì cậu sẽ trở thành cố vấn của ốc đảo. Cậu có đủ vàng để tậu nhiều cừu và lạc đà.

Cậu sẽ cưới Fatima và năm đầu hai người sẽ rất hạnh phúc. Cậu sẽ tập yêu thích sa mạc và từng cây một của cả năm vạn cây chà là. Cậu sẽ nhìn thấy chúng lớn lên, qua đó thấy một thế giới không ngừng biến dịch, và cậu sẽ càng ngày càng hiểu rõ ngôn ngữ của điềm, của dấu hiệu hơn vì sa mạc là người thầy giỏi nhất. Năm thứ hai cậu sẽ nhớ lại rằng ở đâu đó có một kho báu. Các điềm sẽ không ngừng nhắc tới và cậu sẽ cố lờ đi. Cậu chỉ đem hiểu biết của mình phục vụ ốc đảo và cư dân ở đấy. Các tộc trưởng sẽ biết ơn cậu. Bầy lạc đà của cậu sẽ đem lại cho cậu sự giàu có và quyền lực. Năm thứ ba các điềm sẽ lại tiếp tục nhắc nhở cậu

đem về kho tàng và vận mệnh của cậu. Và đêm đêm cậu sẽ lang thang trong sa mạc, khiến Fatima buồn khổ vì cho rằng chính cô đã cản bước chân cậu. Nhưng cậu yêu cô và cô đáp lại tình yêu đó. Cậu sẽ nhớ lại rằng cô không hề yêu cầu cậu ở lại ốc đảo, vì một người con gái sa mạc như cô biết mình phải chờ đợi chồng trở về. Vì thế mà cậu sẽ không trách cứ cô. Nhưng nhiều đêm cậu sẽ lang thang giữa các hàng cây chà là, nghĩ giá như hồi đó mình đi tiếp và vững tin hơn vào tình yêu của Fatima. Chính sự lo lắng của cậu rằng sẽ không bao giờ trở về được đã giữ chân cậu lại ốc đảo này. Và điềm sẽ báo cho cậu biết rằng kho tàng của cậu từ nay sẽ bị chôn vùi vĩnh viễn. Năm thứ tư, vì cậu cứ lờ đi, các điềm sẽ không xuất hiện lại với cậu nữa. Các tộc trưởng sẽ nhận thấy thế và sẽ không dùng cậu làm cố vấn nữa. Khi đó thì cậu sẽ là một thương nhân giàu có với nhiều lạc đà và hàng hóa. Nhưng cho đến cuối đời cậu sẽ mãi lang thang trên sa mạc, luôn quẩn quanh các gốc chà là, vì biết rõ rằng mình đã không đi theo vận mệnh và giờ thì mọi sự đã quá trễ. Cậu phải hiểu rằng tình yêu không bao giờ ngăn cản ai theo đuổi vận mệnh của mình cả. Nếu để cho chuyện ấy xảy ra thì đó không phải là tình yêu đúng nghĩa, tình yêu của ngôn ngữ vũ trụ."

Nhà luyện kim đan xóa vòng tròn vạch trên cách hồi nãy; thế là con rắn vội vàng chui tọt và giữa các tảng đá. Cậu nghĩ tới người bán hàng pha lê mơ được hành hương đến Mekka, đến chàng người Anh khổ công tìm một nhà luyện kim đan. Cậu cũng nghĩ tới người con gái với lòng tin mãnh liệt vào sa mạc và quả nhiên một ngày nọ sa mạc đã đem đến cho cô một người trai biết yêu cô. Họ lên ngựa; lần này cậu chạy theo sau nhà luyện kim đan. Gió đưa đến những âm thanh của ốc đảo và cậu lắng tìm giọng nói của Fatima. Vì có đánh nhau nên ngày hôm ấy cậu đã không ra giếng. Để rồi tối nay, lúc quan sát con rắn nằm yên trong cái vòng tròn nọ, người kị sĩ lạ lùng mang con chim ưng trên vai đã nói về tình yêu và kho báu, về người đàn bà sa mạc và về vận mệnh của cậu.

"Cháu sẽ đi cùng với ông", cậu nói và liền thấy lòng thanh thản.

"Sáng mai mình sẽ lên đường trước khi mặt trời mọc", ông chỉ nói có thế.

Chương 41- 44

Suốt đêm cậu không ngủ được. Hai giờ trước khi mặt trời mọc cậu đánh thức một anh chàng ngủ trong lều, yêu cầu anh ta chỉ cho cậu chỗ ở của Fatima. Hai người cùng đi đến lều của cô. Để trả ơn, cậu cho anh chàng tiền đủ mua một con cừu. Rồi cậu nhờ anh chàng vào đánh thức cô, nói rằng cậu chờ ở ngoài. Anh chàng Arập đáp ứng lời yêu cầu và được trả thêm tiền cho một con cừu nữa.

"Bây giờ bạn đi được rồi, để chúng tôi nói chuyện riêng", cậu nói.

Anh chàng Arập quay về lều ngủ tiếp, lấy làm hãnh diện đã giúp được cho cố vấn của ốc đảo và sung sướng vì được tiền mua cừu. Fatima ra khỏi lều. Hai người đi giữa những hàng cây chà là. Cậu biết như thế này là phạm vào phong tục ốc đảo nhưng lúc này cậu chẳng quan tâm nữa.

"Anh sắp lên đường", cậu nói. "Anh muốn em biết rằng anh sẽ trở lại. Anh yêu em, vì

…"

"Anh đừng nói thêm nữa", Fatima ngắt lời. "Người ta yêu vì yêu. Cần gì phải có lí do".

Nhưng cậu vẫn nói tiếp: "Anh đã có một giấc mơ, sau đó anh gặp được một vị vua già, rồi anh bán hàng pha lê và vượt sa mạc. Các bộ lạc đánh nhau nên anh mới đến giếng nước để hỏi về một nhà luyện kim đan. Anh yêu em vì cả vũ trụ đã góp sức để anh đến tận đây và gặp được em".

Họ ôm nhau. Đó là lần đầu tiên.

"Nhất định anh sẽ trở về", cậu lặp lại.

"Trước đây em luôn nhìn sa mạc mà lòng mong ngóng. Giờ đây em sẽ vẫn ngắm nhìn sa mạc mà lòng đầy hi vọng. Một ngày nọ bố em đã ra đi nhưng rồi ông đã trở về với mẹ em, và từ đó bao giờ ông cũng trở về".

Rồi hai người không nói gì nữa. Họ đi dưới những gốc chà là thêm một lúc nữa rồi cậu đưa cô về lại lều.

"Anh sẽ trở về, y như bố em luôn trở về với mẹ em vậy".

Cậu thấy mắt Fatima ứa lệ.

"Em khóc kìa"

"Em sinh ra ở sa mạc", cô che mặt đáp, "nhưng em cũng là đàn bà chứ".

Fatima biến vào trong lều. Mặt trời rồi sẽ mọc và khi một ngày mới bắt đầu cô sẽ làm những việc cô vẫn làm từ nhiều năm nay. Tuy vật tất cả đã thay đổi rồi. Cậu sẽ không có mặt ở ốc đảo và ốc đảo cũng không còn giống như vài ngày trước. Nó hết là nơi có năm vạn cây chà là và ba trăm giếng chào đón những kẻ hành hương sau một chuyến viễn du. Với cô, từ nay ốc đảo sẽ trở thành hiu quạnh. Từ này sa mạc sẽ trở thành quan trọng hơn ốc đảo. Cô sẽ ngắm nhìn nó và đoán xem cậu đi theo ngôi sao nào trên đường tìm kho báu. Cô sẽ gửi những nụ hôn của mình cho gió, hi vọng rằng nó sẽ mơn man gương mặt cậu và kể cậu nghe rằng cô vẫn sống, vẫn chờ cậu như một người đàn bà chờ người chồng can đảm ra đi tìm kiếm kho tàng. Từ hôm nay sa mạc sẽ chỉ mang một ý nghĩa: hi vọng cậu sẽ trở về.

"Đừng nghĩ tới những gì đã bỏ lại phía sau", nhà luyện kim đan nói khi họ cưỡi ngựa đi trên sa mạc. "Mọi sự đã được ghi khắc vào tâm linh vũ trụ và sẽ tồn tại vĩnh viễn".

“Con người mơ được trở về hơn là ra đi”, cậu nói và đã thấy quen lại với sự yên ắng của sa mạc.

“Nếu những gì ta tìm thấy là thật, là vàng ròng thì chúng sẽ không bao giờ hư hao và bất cứ lúc nào ta quay về thì chúng vẫn còn nguyên vẹn đó; còn nếu chúng chỉ là thoáng qua như ánh sao băng thì khi trở về ta sẽ chẳng tìm thấy gì nữa cả. Nhưng dẫu sao cậu cũng đã sống được cái phút thoáng qua ấy và bấy nhiêu đã là quí rồi”.

Ông dùng thuật ngữ của giới giả kim nhưng cậu hiểu ông muốn ám chỉ Fatima. Song không nghĩ đến những gì cậu đã bỏ lại phía sau thì thật là khó. Cảnh vật đơn điệu của sa mạc khiến cậu nghĩ vẩn vơ. Cậu như thể vẫn còn thấy trước mắt rừng chà là, giếng nươc và khuôn mặt người con gái mình yêu, anh chàng người Anh bên lò thí nghiệm và người phu lạc đà với những tư tưởng cao siêu bậc thầy mà không tự biết.

“Có thể nhà luyện kim đan chưa từng yêu bao giờ”, cậu nghĩ.

Ông cưỡi ngựa chạy phía trước, con chim ưng đậu trên vai. Con chim hiểu rõ ngôn ngữ của sa mạc nên mỗi khi họ dừng chân thì nó đều bay đi tìm mồi để săn. Ngày đầu nó tha về một con thỏ, hôm sau hai con chim. Đêm đến họ chỉ trùm chăn chứ không đốt lửa. Đêm sa mạc lạnh và trăng càng khuyết thì càng tối. Suốt một tuần lễ liền họ ít trò chuyện, chỉ trao đổi về những cách phòng xa cần thiết để tránh lạc vào trận địa giữa các bộ tộc. Cuộc xung đột vẫn còn tiếp diễn; hẳn là cách chỗ họ không xa vì thỉnh thoảng gió tanh mùi máu. Và gió nhắc nhở cậu nhớ đến ngôn ngữ của dấu hiệu, luôn luôn chỉ ra cho cậu những gì mắt cậu không thấy được. Vào ngày thứ bảy, nhà luyện kim đan quyết định dừng lại nghỉ sớm hơn thường lệ. Con chim ưng lại bay đi săn; ông đưa bình nước mời cậu.

“Cậu sắp đến đích rồi đó”, nhà luyện kim đan nói. “Tôi chúc mừng cậu đã đi theo con đường tiền định của mình”.

“Trên đường đi ông chẳng chỉ bảo cháu điều gì cả. Cháu cứ nghĩ rằng ông sẽ dạy cho cháu những điều ông biết. Cách đây không lâu cháu cùng đi trên sa mạc với một người có nhiều sách về thuật luyện kim đan, nhưng cháu chẳng học được gì từ những quyển sách ấy”.

“Chỉ có một cách học thôi”, nhà luyện kim đan đáp. “Đó là thông qua hành động. Tất cả những gì cần biết cậu đã học được trên đường đi rồi. Nhưng còn thiếu một điều”.

Cậu muốn biết đó là điều gì nhưng ông mãi nhìn đăm đăm về phía chân trời, tìm bóng dáng con chim ưng.

“Tại sao người ta gọi ông là nhà luyện kim đan?”

“Vì đó là nghề của ta”

“Khi những nhà luyện kim đan khác thử luyện vàng mà không thành công thì họ sai ở

chỗ nào?”

“Tại vì họ chỉ chủ tâm tìm vàng thôi”, người bạn đồng hành của cậu đáp. “Họ tìm kho báu vốn nằm ở cuối con đường tiền định nhưng lại không chịu đi trọn con đường đó”.

“Cháu còn phải học thêm điều gì nữa?”, cậu hỏi

Nhưng ông vẫn tiếp tục nhìn về phía chân trời. Rồi con chim ưng quay về với mồi nó vừa săn được. Họ đào một cái hố, đốt lửa trong ấy để khỏi bị trông thấy.

“Ta là nhà luyện kim đan chỉ bởi vì ta là nhà luyện kim đan, thế thôi”, ông nói trong khi chuẩn bị bữa ăn. “Ta học môn này từ ông của ta, ông lại học từ ông thân và cứ thế cho đến thời tạo thiên lập địa. Vào thời đó “Đại công trình” có thể viết được vừa một phiến ngọc lục bảo. Nhưng rồi con người không thèm chú ý vào những điều đơn giản mà lại lo viết luận văn, chú giải và triết lý. Rồi họ cho rằng đã đi đúng đường hơn người khác. Nhưng đến nay phiến ngọc lục bảo vẫn còn nguyên giá trị”.

“Trên phiến ngọc ấy viết gì?” Cậu muốn biết.

Nhà luyện kim đan bèn vẽ lên cát lối chừng năm phút. Nhìn ông vẽ cậu nghĩ đến nhà vua già và bãi chợ nơi hai người gặp nhau; cậu có cảm tưởng như từ đó đến nay đã nhiều năm qua rồi.

“Trên phiến ngọc viết những điều đó đấy”, nhà luyện kim đan nói khi đã vẽ xong.

Cậu thử đọc nhưng thất vọng.

“Đây là loại mật ngữ mà cháu đã thấy trong các sách của anh chàng người Anh”.

“Không phải đâu”, nhà luyện kim đan đáp. “Nó cũng giống như đường bay của hai con chim bồ cắt, không thể dùng lí trí để hiểu được. Phiến ngọc lục bảo dẫn đường thẳng tới tâm linh vũ trụ. “Những bậc trí giả đã nhận biết rằng thế giới này chỉ là phiên bản của thiên đường. Sự hiện hữu của thế giới này chỉ là bằng cớ bảo đảm rằng có một thế giới toàn mỹ. Thượng Đế tạo dựng ra muôn loài để con người thông qua thế giới vật chất mà nghiệm được những định luật của thế giới tâm linh. Khi ta nói thông qua hành động là hàm ý như thế đấy”.

“Cháu có cần phải hiểu phiến ngọc đó không?” Cậu hỏi

“Có thể cần. Nếu như cậu làm việc trong phòng thí nghiệm của nhà luyện kim đan thì đó sẽ là cơ hội tốt để tìm ra cách hay nhất hiểu được phiến ngọc. Nhưng hiện cậu đang ở trên sa mạc. Hãy trầm tư suy nghĩ, rồi sa mạc sẽ chỉ cho cậu hiểu thế giới. Nói cho đúng thì mọi thứ trên mặt đất đều chỉ cho cậu được. Cậu không cần phải hiểu hết mọi điều về sa mạc mà chỉ cần nghiền ngẫm về một hạt cát thôi và cậu sẽ thấy trong đó mọi sự mầu nhiệm của công trình tạo hóa”

“Làm cách nào để cháu có thể thâm nhập vào thế giới của sa mạc?”

“Hãy lắng nghe trái tim mình. Nó biết hết mọi điều vì nó từ tâm linh vũ trụ mà ra và một ngày kia sẽ trở về đó”

Họ lại lặng lẽ tiếp tục đi trong sa mạc hai ngày nữa. Nhà luyện kim đan càng lúc càng thận trọng hơn vì họ đang đến gần vùng giao tranh ác liệt nhất. Trong khi đi đường cậu thử lắng nghe tiếng nói của trái tim mình. Quả tim cậu không phải lúc nào cũng ngoan ngoãn: trước kia nó quen được đi hoài đi mãi, bây giờ nó chỉ muốn mau đến đích. Có lúc trái tim cậu kể lể hàng giờ liền về nỗi nhớ nhung của nó; lúc khác nó lại xúc động trước cảnh mặt trời mọc trên sa mạc đến nỗi làm cậu phải khóc thầm. Tim cậu đập nhanh khi nó kể về kho báu, đập chậm hẳn khi cậu mơ màng lặng nhìn chân trời vô tận trên sa mạc. Nhưng nó không bao giờ câm nín, kể cả khi cậu và nhà luyện kim đan không nói với nhau một lời nào.

“Tại sao ta phải lắng nghe trái tim mình nhỉ?” Cậu hỏi khi hai người dừng lại nghỉ đêm

“Bởi vì trái tim cậu ở đâu thì kho báu cậu tìm cũng ở đó”

“Nhưng mà tim cháu rạo rực”, cậu đáp. “Nó mơ, nó xúc động và nó say mê một cô gái sa mạc. Nó đòi hỏi cháu đủ chuyện, khiến nhiều đêm cháu không ngủ được khi nghĩ đến nàng”.

“Tốt lắm. Như thế là tim cậu đang sống hết mình. Hãy lắng nghe những gì nó nói”

Ba ngày tiếp theo hai người gặp một số chiến binh có vũ trang và thấy một số khác đàng xa phía chân trời. Tim cậu bắt đầu nói về nỗi lo sợ. Nó kể chuyện nghe được từ tâm linh vũ trụ về những người đi tìm mà không hề thấy kho báu. Đôi khi nó khiến cậu hoảng sợ khi nghĩ rằng có thể mình không tìm thấy kho tàng hoặc sẽ chết trong sa mạc. Lúc khác cái trái tim kia lại bảo cậu rằng nó hài lòng lắm vì nó đã tìm thấy tình yêu và nhiều đồng tiền vàng rồi.

“Trái tim cháu giở chứng rồi”, cậu nói với nhà luyện kim đan khi họ dừng lại cho ngựa nghỉ. “Nó không muốn cháu đi tiếp nữa”.

“Điều đó đúng thôi”, ông đáp. “Đó là bằng cớ cho thấy rằng trái tim cậu rất sống động. Đương nhiên ai mà chẳng sợ khi đem tất cả gì mình có được ra đổi lấy một giấc mơ”.

“Thế thì tại sao cháu phải lắng nghe nó chứ?”

“Vì cậu chẳng bao giờ bắt nó im lặng được nữa. Ngay cả khi cậu làm như không thèm nghe nó nói thì nó vẫn luôn luôn ở trong con người cậu, nhắc đi nhắc lại những điều cậu nghĩ về cuộc đời và thế giới”.

“Ngay cả khi nó lừa cháu hay sao?”

“Bị lừa bịp cũng giống như bị một cú đánh bất ngờ thôi. Nhưng nếu cậu hiểu rõ trái tim mình thì sẽ không xảy ra điều gì bất trắc đâu, vì cậu biết rõ nó mơ ước gì và biết phải ứng xử thế nào. Không ai trốn tránh được trái tim mình; thành ra nên lắng nghe nó nói là hay hơn cả. Như thế cậu sẽ không bao giờ bị đánh bất ngờ”.

Cậu tiếp tục lắng nghe trái tim mình trên đường qua sa mạc, hiểu dần những mẹo vặt của nó và chấp nhận nó là như thế. Cậu thôi không lo sợ nữa, cũng không còn muốn quay về ốc đảo, vì một xế trưa nọ tim cậu bảo rằng nó mãn nguyện rồi.

“Dù đôi lúc tôi có phàn nàn”, nó nói, “thì cũng chỉ bởi vì tôi là trái tim người, mà tim người đều thế cả. Người ta sợ theo đuổi một giấc mơ vĩ đại vì cảm thấy không xứng đáng được hưởng hoặc sẽ không thể nào đạt nổi. Chỉ cần nghĩ rằng những người thân yêu nhất của mình sẽ ra đi vĩnh viễn, rằng những khoảnh khắc lẽ ra tươi đẹp mà rốt cuộc lại chẳng tươi đẹp tí nào, rằng có những kho tàng lẽ ra tìm được mà lại mãi mãi chôn vùi trong cát, là chúng tôi – trái tim con người - đủ kinh hoàng rồi. Khi những điều này xảy ra thật thì chúng tôi đau khổ lắm.”

“Trái tim cháu sợ sẽ phải đau khổ”, cậu đã nói với nhà luyện kim đan như thế vào một đêm hai người nhìn lên bầu trời không trăng.

“Hãy bảo nó rằng sợ phải đau khổ còn đau đớn hơn là chính sự đau khổ, và chưa từng có trái tim nào phải chịu đau khổ khi tìm cách thực hiện giấc mơ, vì mỗi phút giây tìm kiếm là một khoảnh khắc gặp gỡ Thượng Đế và sự vĩnh hằng”.

“Mỗi phút giây tìm kiếm là một khoảnh khắc gặp gỡ Thượng Đế”, cậu nói với trái tim mình. “Khi ta thành tâm đi tìm kho tàng thì mỗi một ngày đều chan hòa niềm vui, vì mỗi một giờ qua đi đều sẽ đem ta gần lại kho tàng hơn. Khi thành tâm đi tìm kho tàng, ta phát hiện trên đường nhiều điều mà ta sẽ không bao giờ thấy được nếu ta không đủ can đảm thử làm những việc xem ra một kẻ chăn cừu không thể làm nổi”.

Thế là trái tim cậu thanh thản được suốt buổi xế trưa. Đêm ấy cậu ngủ ngon giấc và khi thức dậy trái tim kể cho cậu về tâm linh vũ trụ, rằng kẻ nào hạnh phúc cũng đều có Thượng Đế trong lòng và có thể tìm thấy hạnh phúc trong từng hạt cát sa mạc như nhà luyện kim đan đã nói, vì hạt cát là một khoảnh khắc của sự sáng chế mà vũ trụ cần hàng triệu năm để tạo ra nó.

“Ai ai trên trái đất cũng đều có một kho báu chờ đợi mình”, trái tim nói. “Chúng tôi, trái tim loài người, ít khi nói về những kho báu này vì người ta không còn muốn đi tìm chúng nữa. Chúng tôi chỉ nói về chúng tôi với trẻ con thôi. Rồi chúng tôi để cuộc đời đi theo số mệnh. Song tiếc thay rất ít người đi theo con đường tiền định, con đường dẫn đến vận mệnh của họ, dẫn đến hạnh phúc. Phần lớn người ta nhìn thế giới như một nơi đầy đe dọa, chính vì thế mà thế giới trở thành nơi đe dọa thật. “Bởi thế mà chúng tôi, trái tim người, càng ngày càng nói khẽ hơn. Chúng tôi không im hẳn nhưng mong rằng người ta không nghe thấy, vì chúng tôi không muốn người ta phải đau khổ do không nghe lời trái tim mình”.

“Tại sao trái tim người không giục giã họ theo đuổi ước mơ?” Cậu hỏi nhà luyện kim đan.

“Vì như thế thì trái tim sẽ đau khổ vô cùng mà chúng lại không muốn đau khổ”

Từ đó cậu hiểu trái tim mình. Cậu yêu cầu nó đừng bao giờ ngừng trò chuyện với mình và khi nào cậu đi chệch khỏi ước mơ thì nó phải co thắt lại để cảnh báo cậu. Cậu thề sẽ nghe theo mỗi khi được cảnh báo. Đêm hôm ấy cậu kể hết những điều này cho người luyện kim đan nghe. Ông hiểu trái tim cậu đã hướng về tâm linh vũ trụ.

“Cháu phải làm gì bây giờ?” Cậu hỏi

“Đi tiếp về hướng Kim Tự Tháp”, ông đáp. “Và tiếp tục lưu ý đến các dấu hiệu. Tim cậu đã sẵn sàng chỉ cho cậu chỗ chôn kho báu rồi đấy”

“Có phải đó là điều cháu cần biết nữa không?”

“Không”, ông đáp. “Điều cậu cần biết nữa là như thế này: trước khi cậu đạt được ước mơ thì tâm linh vũ trụ sẽ thử thách mọi điều cậu học được trên đường đi. Tâm linh vũ trụ làm thế không phải vì ác ý mà vì muốn khi đạt được ước mơ chúng ta đồng thời cũng nắm vững những bài học đã lĩnh hội khi đi theo ước mơ. Đó chính là thời điểm mà đa số bỏ cuộc, nói theo ngôn ngữ sa mạc là “chết khát vào đúng cây chà là xuất hiện ở chân trời”. Mọi cuộc tìm tòi đều khởi đầu như câu “thánh nhân đãi kẻ khù khờ” và kết thúc với sự thử thách gay go kẻ chiến thắng”.

Cậu nhớ đến một câu châm ngôn của đất nước mình, nói rằng giờ tối nhất trong đêm lại chính là ngay trước lúc rạng đông.

Ngày hôm sau có dấu hiệu báo nguy đầu tiên. Ba chiến binh tiến lại gần hỏi hai người làm gì ở đấy.

“Tôi đem chim ưng đi săn”, nhà luyện kim đan đáp.

“Chúng tôi phải khám xem hai người có vũ trang không”, một chiến binh nói .

Nhà luyện kim đan chậm rãi xuống ngựa. Cậu cũng xuống theo

“Anh đem theo nhiều tiền thế này để làm gì?”, một người lính hỏi cậu trong lúc khám cái bị

“Tôi cần tiền để đi đến Kim Tự Tháp”, cậu đáp.

Người chiến binh khám nhà luyện kim đan tìm thấy một bình pha lê nhỏ đựng một chất lỏng và một quả trứng bằng thủy tinh màu vàng, nhỉnh hơn quả trứng gà.

“Cái gì thế này?” Hắn hỏi

“Đó là viên Đá tạo vàng và Thuốc trường sinh. Công trình của các nhà luyện kim đan đấy. Ai uống thuốc này thì sẽ không bao giờ ốm đau nữa và một mảnh vụn của viên đá có thể biến mọi thứ kim loại thành vàng”. Các chiến binh Arập cười ngất vì thấy câu trả lời quá khôi hài; nhà luyện kim đan cũng cười theo. Rồi họ cho phép hai người được giữ tất cả hành lí tiếp tục cuộc hành trình.

“Ông điên à?” Cậu hỏi nhà luyện kim đan sau khi đi được một quãng.

“Sao ông lại trả lời thế?”

“Để chỉ cho cậu một bài học đơn giản ở đời”, ông đáp. “Đó là: kho tàng sờ sờ ngay trước mắt mà ta không hề biết. Vì sao? Vì con người không tin rằng có kho tàng thật”.

Họ lại tiếp tục đi. Mỗi một ngày qua là một ngày trái tim cậu thanh thản hơn. Nó không đòi được biết về quá khứ hoặc tương lai nữa, mà thỏa mãn với việc để hết tâm trí ngắm nhìn sa mạc và cùng với cậu cà kê về tâm linh vũ trụ. Cậu với trái tim trở thành bạn thân và không bên nào nỡ lừa dối bên nào nữa. Mỗi khi trái tim trò chuyện với cậu là để kích thích, thêm sức cho cậu vì những ngày dài thầm lặng trong sa mạc khiến cậu mệt mỏi. Nó cho cậu biết về chỗ mạnh của cậu: đã dũng cảm xa rời bầy cừu để đi theo vận mệnh và làm việc hết mình ở cửa hàng pha lê. Nó còn cho cậu biết thêm những chuyện mà cậu chưa hề quan tâm: về những lần cậu thoát hiểm mà không biết.

Trái tim cậu bảo rằng có một lần nó đã giấu khẩu súng cậu lén lấy của ông bố vì e cậu có thể tự gây thương tật. Nó nhắc cậu nhớ lại cái ngày cậu bị bệnh, ói mửa ngay giữa đồng trống rồi ngủ thiếp đi. Cách đó không xa hai tên cướp đường chờ sẵn, định bụng hễ cậu tới là chúng sẽ cướp bầy cừu rồi giết cậu. Nhưng chờ mãi không thấy cậu tới chúng bèn bỏ đi vì nghĩ rằng cậu đã chọn đường khác rồi.

“Lúc nào trái tim cũng giúp mình sao?” Cậu hỏi nhà luyện kim đan

“Chỉ những trái tim của những người muốn đi theo vận mệnh của mình thôi. Nhưng chúng cũng giúp đỡ trẻ em, người già và cả người say nữa”.

“Thế nghĩa là cháu sẽ không bao giờ gặp nguy hiểm sao?”

“Thế chỉ có nghĩa là trái tim làm tất cả những gì nó có thể làm được thôi”, nhà luyện kim đan đáp

Một buổi xế trưa họ đi ngang khu lều trại của một bộ tộc tham chiến. Ở mỗi góc trại đều có những người lính vũ trang choàng áo màu trắng trông rất đẹp. Họ ngồi hút Nargileh và bàn tán về chiến trận. Chẳng ai buồn để ý đến cậu và nhà luyện kim đan cả.

“Chẳng có gì nguy hiểm”, cậu nói sau khi họ đã đi qua khu lều được một quãng.

Nhà luyện kim đan nổi giận: “Hãy tin tưởng ở trái tim mình nhưng đừng bao giờ quên rằng mình hiện đang ở sa mạc. Khi xảy ra đánh nhau thì ngay cả tâm linh vũ trụ cũng còn nghe tiếng thét trên trận địa và không ai tránh được hết những hậu quả của mọi chuyện xảy ra dưới bầu trời này”

“Tất cả đều là một”, cậu nghĩ.

Rồi, như thể sa mạc muốn chứng minh rằng nhà luyện kim đan nói đúng, hai kị sĩ xuất hiện phía sau họ.

“Mấy người không thể đi tiếp được nữa”, một kị sĩ nói. “Mấy người đang ở trong vùng có giao tranh”.

“Tôi không đi xa đâu”, nhà luyện kim đan đáp, nhìn thẳng vào mắt các kị sĩ.

Họ lặng thinh một lúc rồi đồng ý để hai người đi tiếp. Cậu hào hứng theo dõi cuộc đối thoại.

“Ông chế ngự được họ chỉ bằng cái nhìn!” Cậu thán phục

“Đôi mắt cho thấy sức mạnh của tâm hồn”, ông đáp

“Đúng vậy”, cậu thầm nghĩ.

Cậu vừa nhận thấy ở khu lều kia một trong số những người vũ trang nhìn chòng chọc theo họ. Vì khoảng cách quá xa nên cậu không nhìn được rõ mặt hắn song cậu chắc chắn hắn đang nhìn họ. Sau khi đã vượt qua rặng núi trải dài theo chân trời nhà luyện kim đan mới nói rằng chỉ còn hai ngày nữa thôi là đến Kim Tự Tháp.

“Nếu chúng ta sắp phải chia tay đến nơi thì ông hãy dạy cháu thuật luyện kim đan đi”, cậu nói

“Cậu đã nắm vững thuật ấy rồi mà. Đó là: nhập vào tâm linh vũ trụ và phát hiện kho báu dành riêng cho mình”

“Cháu không nói đến chuyện ấy; chuyện luyện chì thành vàng cơ”

Nhà luyện kim đan chợt lặng im như sa mạc và chỉ trả lời cậu sau khi họ dừng lại để

dùng bữa

“Mọi sự trong vũ trụ đều tiến hóa”, ông nói. “Với bậc hiền giả thì vàng là thứ kim loại tiến hóa đến mức cao nhất. Đừng hỏi tại sao vì ta không biết thuật. Ta chỉ biết truyền thống luôn luôn đúng. Chỉ vì người ta không hiểu lời bậc hiền giả. Cho nên vàng, thay vì là biểu tượng của tiến hóa, trở thành nguyên nhân gây ra xung đột”.

“Sự vật tự biểu lộ bằng nhiều thứ ngôn ngữ”, cậu ngắt lời ông. “Chẳng hạn có một lúc đối với cháu tiếng lạc đà kêu không là gì khác hơn tiếng lạc đà kêu cả, rồi thì nó trở thành dấu hiệu của sự nguy hiểm, sau đó lại chỉ là tiếng kêu như trước”.

Cậu không nói tiếp nữa; có lẽ nhà luyện kim đan đã biết cả rồi.

“Ta biết những nhà luyện kim đan chân chính”, ông nói tiếp. “Họ tự giam mình trong phòng thí nghiệm, cố gắng để tiến hóa, giống như vàng. Họ tìm ra được loại “Đá tạo vàng” vì họ hiểu rằng khi một vật tiến hóa thì mọi vật quanh nó cũng tiến hóa theo.

Người khác tìm ra “Đá tạo vàng” do tình cờ; họ vốn có tài sẵn và tâm hồn họ lĩnh hội nhanh hơn kẻ khác. Số người này hiếm chứ không nhiều đâu. Rồi có những kẻ chỉ quan tâm đến vàng thôi. Họ chẳng bao giờ tìm ra được điều bí mật cả vì họ quên rằng chì, đồng, sắt cũng phải đi trọn con đường tiền định của chúng. Thanh ra ai mà can thiệp vào vận mệnh của sự vật khác sẽ không bao giờ phát hiện được chính vận mệnh của mình”.

Những lời này vang lên như một lời nguyền.

Ông cúi nhặt một vỏ sò trên mặt cát: “Sa mạc này xưa kia là biển”

"Cháu cũng nhận thấy thế", cậu đáp.

Nhà luyện kim đan bảo cậu úp vỏ sò vào tai. Hồi nhỏ cậu đã từng nhiều lần làm như thế và được nghe tiếng của biển.

"Biển sống trong vỏ sò này vì số phận của nó là như vậy. Nó sẽ không bao giờ rời khỏi vỏ sò cho đến khi sa mạc được phủ đầy nước".

Họ lên ngựa, đi về hướng Kim Tự Tháp Ai Cập. Khi trái tim cậu lên tiếng báo nguy thì mặt trời đang lặn. Họ đang đứng giữa những đồi cát khổng lồ. Cậu nhìn nhà luyện kim đan xem ông có cảm thấy điều gì không, song xem ra ông không hề biết có hiểm nguy. Năm phút sau cậu thấy có hai kị sĩ đợi họ phía trước, bóng màu sẫm in trên nền trời. Cậu chưa kịp nói gì với nhà luyện kim đan thì từ hai kị sĩ giờ đã thành mười, rồi thành trăm, rồi thì trùng điệp khắp đồi cát. Các chiến binh này khoác áo màu xanh, chít vòng màu đen quanh khăn xếp. Khăn che mặt cũng màu xanh, chỉ để hở đôi mắt.

Tuy xa nhưng vẫn thấy được mắt họ toát ra sức mạnh và chết chóc.

Chương 45 -51

Họ dẫn hai người đến một doanh trại gần đó. Một người lính đẩy cậu và nhà luyện kim đan vào một cái lều trông khác những lều cậu từng biết ở ốc đảo. Trong lều người chỉ huy đang họp bàn với ban tham mưu.

"Bọn này là gián điệp", một người nói

"Chúng tôi chỉ là khách lữ hành thôi", nhà luyện kim đan đáp.

"Ba ngày trước có kẻ trông thấy bọn mi ở khu trại địch, trò chuyện với một tay lính ở đó".

"Tôi chỉ là một người vượt sa mạc và biết xem sao trời tìm phương hướng", ông đáp.

"Tôi chẳng biết gì về các đạo quân hay sự chuyển quân của các bộ tộc. Tôi chỉ làm người dẫn đường cho bạn tôi đây thôi".

"Ai là bạn mi?" Viên chỉ huy hỏi

"Một nhà luyện kim đan", ông đáp. "Anh ta hiểu được sức mạnh của thiên nhiên và muốn biểu dương cho mấy người thấy năng lực phi thường của mình".

Cậu im lặng lắng nghe mà lòng đầy sợ hãi.

"Gã ngoại quốc này đến đây với ý đồ gì?" Một người khác hỏi

“Anh ta mang tiền đến tặng bộ tộc của mấy người”, nhà luyện kim đan đáp trước khi cậu kịp mở miệng.

Rồi ông ta chụp cái bị của cậu, lấy số tiền vàng đưa cho viên chỉ huy. Viên chỉ huy Arập này cầm lấy tiền song không nói một lời. Đủ để hắn mua nhiều súng ống.

“Nhà luyện kim đan là nhà gì?” Hắn muốn biết

“Là một người hiểu được thiên nhiên và thế giới. Nếu muốn, anh ta có thể chỉ dùng sức gió mà tàn phá được doanh trại này”.

Đám người kia phá lên cười. Họ còn lạ gì sự tàn phá của chiến tranh và biết rằng gió không thể nào giết nổi ai. Tuy vậy tim họ vẫn thót lại. Vì là người sa mạc nên họ vẫn sợ các thầy phù thủy.

“Tôi muốn được tận mắt thấy gã làm chuyện đó”, viên chỉ huy nói.

“Anh ta cần ba ngày”, nhà luyện kim đan đáp. “Anh ta sẽ biến thành gió để chứng tỏ năng lực của mình. Nếu như anh ta không làm được thì chúng tôi xin cúi đầu dâng mạng sống cho bộ tộc các người”.

“Bọn mi không thể dâng cái đã nằm sẵn trong tay ta”, viên chỉ huy khinh miệt đáp, tuy nhiên hắn vẫn đồng ý cho họ thời hạn ba ngày.

Cậu hoảng vía như bị tê liệt, khiến nhà luyện kim đan phải nắm tay dìu cậu ra khỏi lều.

“Đừng để họ thấy cậu sợ”, ông nói. “Bọn họ là những kẻ dũng cảm nên rất khinh những ai hèn nhát”.

Nhưng cậu không thốt nên lời. Mãi sau khi đã đi lại một lúc trong khu trại cậu mới mở miệng nổi. Những người Arập thấy không cần giam giữ họ mà chỉ cần tịch thu ngựa là đủ. Thế là một lần nữa thế giới lại cho thấy ngôn ngữ đa dạng của nó: mới đó là sa mạc còn là mênh mông, thoắt giờ đây đã thành một bức tường không vượt qua nổi.

“Ông đã đưa cho họ hết mọi của cải mà cháu đã suốt đời dành dụm”, cậu tức giận nói.

“Ừ, nhưng cậu cần chúng làm gì nữa nếu sắp phải chết?” Nhà luyện kim đan đáp.

“Tiền của cậu cho chúng ta sống thêm ba ngày nữa. Không phải lúc nào tiền cũng cứu được mạng người đâu”.

Nhưng vì cậu quá sợ nên không thể nghe lọt tai những lời sáng suốt kia. Cậu không biết phải biến thành gió như thế nào vì cậu có phải nhà luyện kim đan đâu. Nhà luyện kim đan xin một người lính chút ít trà, rưới lên cổ tay cậu, miệng lẩm bẩm những lời cậu không hiểu, song cậu thấy trong lòng tràn dâng cảm giác yên bình

“Đừng để nỗi sợ áp chế mình”, giọng ông dịu dàng khác thường. “Bằng không cậu không thể trò chuyện với tim mình được đâu”.

“Nhưng cháu không biết phải biến thành gió như thế nào”

“Người nào sống trọn đường đời của mình, người đó biết tất cả những gì cần biết. Chỉ có một điều khiến không thể nào đạt được ước mơ: đó là sợ rằng sẽ thất bại”.

“Cháu không sợ thất bại, mà chỉ không biết phải biến thành gió như thế nào thôi”.

“Thế thì cậu phải học. Mạng sống của chúng ta tùy thuộc vào đó”

“Nếu cháu không làm được thì sao?”

“Thì cậu sẽ chết trong lúc cố sống theo vận mệnh mình. Như thế vẫn hay hơn là phải chết như hàng triệu người không hề biết vận mệnh họ là gì. Nhưng đừng lo”, nhà luyện kim đan nói tiếp. “Khi đứng ở ngưỡng cửa cõi chết người ta thường cảm nhận sâu sắc hơn về cuộc sống”.

Ngày đầu tiên trôi qua. Một trận đánh lớn diễn ra gần đó và nhiều người bị thương được đưa về khu trại. Những người tử trận được thay bằng lính mới và dòng đời vẫn tiếp tục.

“Cái chết chẳng làm thay đổi gì hết”, cậu nghĩ

“Làm gì mà chết vội thế”, một người lính nói với cái xác của bạn gã. “Đợi thanh bình rồi chết cũng được cơ mà. Nhưng mà trước sau gì thì bạn cũng chết thôi”.

Chiều tối cậu đi tìm nhà luyện kim đan. Ông đang định đưa chim ưng đi săn.

“Cháu vẫn chưa biết phải biến thành gió như thế nào” …

“Hãy nhớ lại những gì ta đã nói: thế giới chỉ là phần thấy được của Thượng Đế. Thuật luyện kim đan có nhiệm vụ chuyển sự toàn mĩ của tâm linh sang thế giới vật chất”

“Ông làm gì bây giờ?”

“Nếu cháu không biến nổi thành gió thì cả ba chúng ta đều sẽ phải chết”, cậu nói.

“Cho nó ăn làm gì nữa”.

“Chỉ có cậu sẽ chết thôi”, nhà luyện kim đan đáp. “Còn ta biết phải biến thành gió như

thế nào chứ”.

Ngày thứ hai cậu leo lên đỉnh một khối đá gần khu trại. Lính gác để cậu đi; họ đã nghe nói về một phù thủy có khả năng biến thành gió nên không muốn đến gần cậu. Hơn nữa sa mạc như một bức tường thành không thể vượt nổi. Cậu ngồi đó mãi cho đến chiều, nhìn ra sa

mạc và lắng nghe trái tim mình. Cả sa mạc cũng lắng nghe nỗi sợ của cậu. Trái tim cậu và sa mạc vốn nói cùng một thứ ngôn ngữ

Sang ngày thứ ba viên chỉ huy triệu tập các sĩ quan của mình.

Hắn gọi nhà luyện kim đan đến rồi nói: “Chúng ta ra xem gã kia biến thành gió như thế nào”.

“Rồi khắc biết”, nhà luyện kim đan đáp .

Cậu dẫn họ đến khối đá hôm qua, yêu cầu mọi người ngồi đó

“Phải đợi khá lâu đấy”, cậu nói

“Đâu có gì vội”, viên chỉ huy đáp. “Chúng ta là dân sa mạc mà”.

Cậu nhìn quanh mình. Xa xa phía chân trời kia là núi, đồi cát, đá tảng và các bụi cây leo. Ở một nơi như không thể nào có nổi sự sống mà cây cỏ vẫn cố bám vào đó để sống. Sa mạc này cậu đã đi qua nhiều tháng ròng, thế mà chỉ biết có một phần rất nhỏ của nó. Trong thời gian này cậu đã gặp một người Anh, thấy nhiều đoàn lữ hành, một ốc đảo với năm chục nghìn cây chà là và ba trăm giếng nước; cậu cũng đã chứng kiến cuộc xung đột giữa các bộ tộc.

“Sao bữa nay bạn còn đến đây?” Sa mạc hỏi cậu. “Hôm qua chẳng lẽ mình nhìn nhau chưa đủ à?”

“Bạn giữ người tôi yêu ở một nơi nào đó”, cậu đáp. “Cho nên nhìn ngắm biển cát trải dài vô tận của bạn cũng là ngắm nhìn nàng. Tôi muốn quay về với nàng nên cần bạn giúp tôi biến thành gió”.

“Yêu nghĩa là gì?” Sa mạc hỏi

“Yêu giống như khi chim ưng bay trên biển cát của bạn. Bởi vì đối với chim thì bạn là một cánh đồng xanh màu mỡ và nó chẳng bao giờ quay về mà không săn được gì. Nó rành rẽ các tảng đá, các đồi cát, núi non của bạn, còn bạn thì hào phóng đối với nó”.

“Nó cướp đoạt của tôi thì có”, sa mạc đáp. “Tôi nuôi những con mồi của nó nhiều năm ròng, cho chúng uống số nước ít ỏi tôi có được rồi tôi lại chỉ cho nó con mồi ở đâu.

Một ngày kia, khi tôi đang vui sướng thấy con mồi của nó chập chững đi trên bãi cát của tôi thì nó từ trên bầu trời cao bổ xuống, cướp đi công trình tôi đã nuôi”.

“Nhưng bạn nuôi những con mồi cũng chính vì mục đích ấy thôi”, cậu đáp. “Để nuôi chim ưng, rồi chim ưng nuôi người. Và cuối cùng, đến một ngày nào đó con người nuôi lại bãi cát của bạn để các con mồi lại lớn lên. Đó chính là sự vận động của vũ trụ.”

“Yêu là thế à?”

“Phải, yêu là thế đấy. Nó biến con mồi thành chim ưng, chim ưng thành người, rồi đến lượt người biến thành sa mạc. Nó biến chì thành vàng rồi đưa vàng trở về với lòng đất”.

“Tôi chẳng hiểu bạn nói gì cả”, sa mạc nói.

“Nhưng ít ra bạn cũng hiểu được rằng ở một nơi nào đó giữa các đồi cát của bạn có một cô gái đang mong đợi tôi. Chính vì thế mà tôi phải biến thành gió”.

Sa mạc làm thinh một lúc rồi mới nói với cậu: “Tôi sẽ cho bạn cát để gió thổi, nhưng một mình tôi thì chẳng làm gì được đâu. Bạn phải yêu cầu gió mới giúp được”.

Một làn gió nhè nhẹ nổi lên. Những người Arập quay nhìn cậu; họ không hiểu thứ tiếng cậu nói đó. Nhà luyện kim đan mỉm cười. Gió mơn man khuôn mặt cậu. Nó nghe được những gì cậu nói với sa mạc, vì gió biết hết mọi chuyện. Nó đi khắp thế giới nhưng không có chỗ nào là khởi điểm, cũng không có nơi nào để gió dừng lại vĩnh viễn.

“Giúp tôi với”, cậu nói. “Mới gần đây bạn đã đem đến cho tôi giọng nói của người tôi yêu”.

“Ai dạy bạn nói tiếng nói của sa mạc và gió?”

“Trái tim tôi đấy”, cậu đáp.

Gió có rất nhiều tên. Ở vùng này người Arập gọi nó là Sirocco và tin rằng nó mang hơi ẩm từ vùng đất ngập nước, nơi cư trú của người da đen; ở vùng đất xa xôi quê hương của cậu người ta gọi nó là Lavante, vì cho rằng nó mang theo cát sa mạc và tiếng thét xung trận của người Mauren; còn ở những vùng xa nữa, phía sau những đồng cỏ cậu vẫn thả cừu, thì người ta cho rằng gió đến từ Andalusia. Nhưng đúng ra gió chẳng đến từ một nơi nào cả, cũng chẳng đi đâu hết; vì thế mà nó mạnh hơn cả sa mạc. Một ngày nào đó có thể sẽ có người trồng được cây trên sa mạc, thậm chí nuôi được cừu ở đó nữa, nhưng sẽ không ai khống chế được gió.

“Bạn không thể thành gió được, vì thể chất chúng mình khác nhau hoàn toàn”, gió nói.

“Không đúng”, cậu đáp. “Trên đường đi, tôi đã học được những bí mật của thuật luyện kim đan. Trong người tôi tập hợp đủ cả gió, sa mạc, đại dương, sao trời và mọi thứ trong vũ trụ. Chúng ta đều cùng do một bàn tay tạo ra và có cùng một linh hồn. Tôi muốn được như bạn, có thể đến khắp mọi ngóc ngách, vượt biển cả, thổi bay lớp cát che phủ kho báu của tôi và đem đến đây tiếng nói của người con gái tôi yêu”.

“Mấy hôm trước tôi có nghe bạn trò chuyện với nhà luyện kim đan”, gió nói. “Ông bảo mỗi sự vật đều có vận mệnh riêng. Con người không thể biến thành gió được”.

“Bạn hãy dạy tôi cách biến thành gió một vài khoảnh khắc thôi; như thế bạn và tôi có thể chuyện trò và khả năng vô hạn của người và gió”, cậu nói. Gió thêm hiếu kì; đó là điều chưa từng có. Nó muốn chuyện trò tiếp về những chuyện ấy nhưng không biết phải biến người thành gió ra sao. Thế mà nó vốn làm được khối chuyện cơ đấy! Tạo nên sa mạc này, đánh chìm tàu này, đốn ngã biết bao khu rừng này, thổi qua các thành phố lớn đầy âm nhạc và

những âm thanh lạ này. Nó nghĩ rằng mình làm được hết rồi, thế mà một gã trai bảo rằng vẫn còn bao chuyện khác nữa gió có thể làm được.

“Cái đó gọi là tình yêu”, cậu nói khi thấy gió sắp xiêu lòng. “Khi yêu, người ta có thể tạo dựng nên tất cả. Khi yêu thì không cần phải hiểu chuyện gì đang xảy ra vì mọi sự diễn ra trong chính mình. Khi yêu thì ngay cả người cũng có thể biến thành gió được. Tất nhiên phải được gió giúp sức”.

Gió vốn tự cao nên không hài lòng khi nghe cậu nói. Nó bèn thổi mạnh hơn làm cát bay mù. Nhưng rồi nó phải thừa nhận rằng tuy vẫn đi khắp thế giới thật nhưng cũng không biết làm thế nào để biến được người thành gió, và cũng chẳng biết gì về tình yêu cả.

“Trên đường vòng quanh thế giới tôi thường được nghe người ta nhìn lên trời, nói về tình yêu”, gió điên tiết nhìn nhận khả năng hạn chế của mình.

“Có lẽ bạn nên hỏi trời xanh kia xem sao”

“Được, bạn hãy giúp tôi bằng cách tung đầy cát vào không khí, che khuất mặt trời để tôi nhìn thấy mặt trời mà không sợ mù mắt”, cậu đáp.

Gió bèn phùng má thổi. Một đám mây cát che kín bầu trời và mặt trời trông chỉ như cái đĩa vàng. Ở doanh trại người ta không nhìn thấy gì nữa cả. Những người dân sa mạc đã quá quen với thứ gió mà họ gọi là Samum này. Đối với họ thì nó còn ghê gớm hơn bão tố trên biển cả, dù họ không biết biển là gì. Ngựa hí vang, khí giới phủ đầy cát.

Trên mỏm khối đá, một viên sĩ quan quay sang nói với viên chỉ huy: “Có lẽ mình nên chấm dứt thôi!”

Họ không còn có thể nhìn thấy cậu nữa. Mặt họ che bằng khăn màu xanh chỉ để lộ những cặp mắt kinh hoàng.

“Chấm dứt thôi”, một người khác nói.

“Tôi muốn được chứng kiến sự vĩ đại của Allah”, giọng viên chỉ huy đầy thành kính.

“Tôi muốn được thấy người biến thành gió như thế nào”.

Nhưng hắn ghi nhớ tên hai người vừa tỏ ra sợ hãi kia. Khi lặng gió hắn sẽ cách chức họ vì đàn ông sa mạc không được phép biết sợ là gì.

“Gió bảo tôi rằng bạn biết về tình yêu”, cậu nói với mặt trời. “Nếu đúng thế thì bạn cũng phải biết về tâm linh vũ trụ vốn được hình thành từ tình yêu”.

“Từ trên cao này”, mặt trời đáp, “tôi có thể trông thấy tâm linh vũ trụ. Chúng tôi vẫn cùng hợp lực làm cho cây cỏ lớn lên, khiến cừu biết tìm bóng mát. Từ chỗ này của tôi

– xa mặt đất lắm nhé – tôi học được cách yêu. Tôi biết rằng chỉ cần mình xích lại gần mặt đất một chút xíu thôi cũng đủ khiến mọi vật bị hủy diệt và tâm linh vũ trụ cũng không tồn tại được nữa. Cho nên hai chúng tôi thân ái nhìn ngắm nhau; tôi cống hiến ánh sáng và hơi ấm còn nó cho tôi lẽ sống."

"Vậy là bạn biết về tình yêu rồi", cậu nói

"Tôi biết rõ cả tâm linh vũ trụ vì chúng tôi trò chuyện cùng nhau rất nhiều suốt cuộc hành trình bất tận trong vũ trụ. Tâm linh vũ trụ bảo rằng khó khăn lớn nhất của nó là cho tới nay chỉ có thú vật và cây cỏ hiểu được tất cả là một, rằng thật ra sắt chẳng cần gì phải giống như đồng hay đồng giống như vàng. Mỗi loại cứ làm tròn nhiệm vụ của mình thì tất cả sẽ cùng làm thành một bản giao hưởng của hòa bình - nếu như bàn tay đã viết tất cả những điều này ngừng lại vào ngày sáng thế thứ năm. Nhưng mà còn ngày thứ sáu nữa", mặt trời nói.

"Bạn sáng suốt lắm, bởi vì bạn quan sát sự vật từ xa", cậu nói. "Nhưng bạn không biết về tình yêu. Nếu không có ngày thứ sáu thì sẽ không có con người, đồng sẽ mãi là đồng, chì chỉ là chì. Đúng là mọi thứ có vận mệnh của nó và sẽ có một ngày vận mệnh hoàn thành. Rồi mỗi sự vật chuyển hóa thành tốt hơn, mang vận mệnh mới cho đến khi tâm linh vũ trụ chỉ còn là một tổng thể duy nhất".

Mặt trời trầm ngâm một lúc rồi chiếu sáng hơn nữa. Gió rất thú vị với cuộc trò chuyện nên ra sức thổi mạnh hơn để mặt trời khỏi làm mù mắt cậu.

"Chính vì thế mà có thuật luyện kim đan", cậu nói. "Để rồi ai cũng mơ ước tìm kiếm kho báu của mình, rồi muốn được khá hơn kiếp trước. Chì sẽ giữ vai trò của nó cho đến khi thế giới không cần chì nữa, thế là chì sẽ phải biến thành vàng. Đó chính là việc của các nhà luyện kim đan. Họ cho thấy khi chúng ta ra sức tự hoàn thiện thì mọi sự vật quanh ta cũng hoàn mĩ theo".

"Vậy tại sao bạn bảo tôi không biết về tình yêu?" Mặt trời hỏi cậu.

"Vì tình yêu không tĩnh tại như sa mạc, cũng không lang thang cùng khắp thế giới như

gió, cũng không phải đứng từ xa nhìn sự vật như bạn vậy. Tình yêu là sức mạnh làm chuyển biến và nâng tâm linh vũ trụ lên cao hơn nữa. Lần đầu tiên, khi nhập vào tâm linh vũ trụ, tôi tưởng nó là tuyệt mĩ rồi. Về sau tôi mới biết nó là phản ảnh của tạo vật, nghĩa là cũng mang trong nó chiến tranh và đam mê. Chúng ta nuôi dưỡng tâm linh vũ trụ, và thế giới của chúng ta trở nên tốt hay xấu hơn tùy theo bản thân chúng ta tốt hay xấu hơn. Ở điểm này mới thấy được vai trò sức mạnh của tình yêu, vì khi yêu chúng ta cố trở nên tốt hơn"

"Bạn muốn gì ở tôi?" Mặt trời hỏi

"Tôi muốn bạn giúp tôi biến thành gió", cậu đáp

"Thiên nhiên công nhận tôi là tạo vật, sáng suốt nhất trong muôn loài", mặt trời đáp.

"Nhưng tôi không biết cách biến bạn thành gió"

“Vậy tôi phải hỏi ai?” Mặt trời ngẫm nghĩ một lúc.

Ngọn gió kia đang lắng nghe và nhất định sẽ đi rêu rao cùng khắp rằng khả năng của mặt trời cũng hạn chế thôi. Mặt trời không dễ thoát khỏi cái anh chàng nói thứ ngôn ngữ vũ trụ này.

“Bạn hãy hỏi bàn tay đã ghi chép lên mọi sự”, mặt trời đáp.

Gió reo mừng thổi mạnh hơn bao giờ hết, cuốn tung các mái lều, giật đứt dây ngựa buộc. Trên đỉnh tảng đá những người Arập ôm chặt lấy nhau để khỏi bị thổi bay đi.

Cậu hướng lòng mình về cái bàn tay đã ghi chép mọi sự. Cậu cảm thấy vũ trụ nín lặng nên cũng nín lặng luôn. Tình yêu trào dâng từ trái tim cậu; lần đầu tiên trong đời cậu lẩm nhẩm một bài kinh không lời, không có cầu xin. Cậu không cám ơn vì lũ cừu đã tìm ra đồng cỏ mượt, không cầu xin bán được nhiều hàng pha lê hơn nữa, hay cầu xin để người con gái cậu yêu chờ đợi cậu trở về. Trong sự yên ắng cậu hiểu rằng sa mạc, gió và mặt trời cũng đang cố hiểu những dấu hiệu được vẽ lên từ bàn tay nọ để tìm ra con đường của mình và để hiểu những gì đã khắc trên phiến ngọc. Cậu biết rằng những dấu hiệu này rải rác trên mặt đất và khắp vũ trụ; nhìn bề ngoài thì chúng chẳng cho thấy một ý nghĩa nào cả nên sa mạc, gió, mặt trời và con người không biết những dấu hiệu ấy được tạo ra để làm gì. Chỉ có bàn tay nọ biết căn nguyên của mọi điều và chỉ riêng nó làm được những phép lạ như thành gió. Bởi bàn tay đó thấu hiểu rằng có một lực siêu phàm đã xoay vần vũ trụ tới mức sáu ngày sáng thế chuyển hóa thành Công trình vĩ đại. Cậu nhập vào tâm linh vũ trụ và nhận biết rằng nó là một phần linh hồn Hóa công và linh hồn Hóa công là linh hồn của chính cậu. Như thế tự cậu cũng có thể làm được phép lạ.

Ngày hôm ấy ngọn gió Samum thổi dữ dội chưa từng thấy. Nhiều đời sau người Arập sẽ còn kể về huyền thoại một chàng trai đã không khiếp nhược trước viên chiến tướng sa mạc và đã hoá thành gió, phá hầu như tan hoang cả một doanh trại. Khi lặng gió mọi người nhìn về phía cậu ngồi, nhưng cậu không còn ở chỗ cũ nữa mà đang đứng cạnh môt người lính canh bị cát vùi lấp, tuốt phía bên kia doanh trại. Mọi người khiếp đảm trước trò quỷ thuật này. Nhưng vẫn có hai người cười, đó là nhà luyện kim đan vì ông đã tìm ra được một học trò xuất sắc và viên chỉ huy, vì hắn đã được chứng kiến quyền năng tuyệt vời của Thượng Đế. Hôm sau, viên chỉ huy từ giã nhà luyện kim đan và cậu rồi cho một đoàn lính tháp tùng hai người tới bất kì nơi nào họ muốn.

Sau khi đã đi suốt ngày, chiếu tối họ tới được một tu viện Côptic. Nhà luyện kim đan bảo đoàn tháp tùng quay về rồi xuống ngựa.

“Từ đây cậu có thể tự mình đi tiếp được rồi đấy”, ông nói. “Chỉ cần ba tiếng nữa là tới Kim Tự Tháp”.

“Cám ơn ông đã dạy cháu ngôn ngữ vũ trụ”, cậu đáp.

“Ta chỉ gợi cho cậu nhớ lại những gì cậu đã biết từ trước thôi”. Nhà luyện kim đan gõ cổng tu viện.

Một tu sĩ mặc toàn đen ra mở cửa. Họ nói với nhau mấy câu bằng tiếng Côptic rồi nhà luyện kim đan bảo cậu vào.

“Ta vừa mới yêu cầu tu sĩ nọ cho phép sử dụng cái bếp một lúc”, ông nói.

Họ đi vào bếp. Nhà luyện kim đan nhóm lửa còn tu sĩ nọ lo mang chì đến để nhà luyện kim đan nấy chảy trong một thùng sắt. Khi chì đã hóa lỏng, nhà luyện kim đan móc túi ra quả trứng lạ lùng bằng thủy tinh màu vàng. Ông cạo một chút, mảnh như sợi tóc, lấy sáp bọc lại rồi bỏ vào thùng. Chất lỏng biến thành đỏ như máu. Rồi ông bưng thùng khỏi bếp, để nguội. Trong khi chờ đợi ông trò chuyện với người tu sĩ về cuộc xung đột giữa các bộ lạc.

“Sẽ còn kéo dài lâu”, ông nói.

Người tu sĩ tỏ vẻ bực dọc. Từ lâu nay các đoàn lữ hành đã phải nằm ở Gizeh chờ cuộc xung đột kết thúc.

“Nhưng rồi đâu cũng sẽ vào đấy, như ý Thượng Đế muốn cả thôi”, tu sĩ nói.

“Đúng thế”, nhà luyện kim đan đáp.

Khi thùng nguội, người tu sĩ và cậu nhìn vào mà kinh ngạc. Chì đã khô lại dưới đáy thùng hình tròn, song không phải là chì nữa mà là vàng.

“Một ngày nào đó cháu cũng sẽ làm được như vậy chứ?” Cậu hỏi

“Đó là vận mệnh của ta chứ không phải của cậu”, nhà luyện kim đan đáp. “Ta làm chỉ

để cho cậu thấy rằng có thể làm được”.

Rồi ông chia chỗ vàng đó làm bốn phần.

“Để cám ơn thầy”, ông nói và đưa tu sĩ một phần.

“Thế là quá nhiều so với những gì tôi đã làm”, tu sĩ nói.

“Thầy chớ nói thế nữa, kẻo Đời nghe thấy thì lần tới thầy sẽ được ít hơn đấy”.

Rồi ông quay sang cậu.

“Phần này để đền cậu số tiền đã trả cho viên tư lệnh”.

Cậu muốn nói rằng như thế là quá nhiều so với số tiền nọ song lại thôi, vì vừa được nghe những gì nhà luyện kim đan nói với người tu sĩ.

“Phần này tôi giữ”, ông nói và cất đi. “Vì tôi còn phải vượt sa mạc và vùng có chiến sự để về nhà”.

Phần thứ tư ông đưa cho tu sĩ “Phần này để phòng khi cậu nhỏ đây cần đến”.

“Nhưng mà cháu sắp tìm thấy kho báu rồi còn gì”, cậu đáp

“Ta tin rằng cậu sẽ tìm thấy”, nhà luyện kim đan nói

“Vậy phần cháu thêm làm gì nữa?”

“Vì cậu đã hai lần mất sạch: một lần bị gã lưu manh bịp, một lần trả thù cho viên chỉ

huy nọ. Ta là một lão già Arập mê tín, tin vào châm ngôn nước mình. Châm ngôn đó như thế này: “Những gì đã xảy đến với anh một lần có thể không bao giờ xảy ra nữa; nhưng những gì đã xảy ra hai lần thì nhất định sẽ thêm lần thứ ba”.

Rồi họ lại lên ngựa.

“Trước khi chia tay ta muốn kể cho cậu nghe một câu chuyện về giấc mơ”, nhà luyện kim đan nói.

Cậu bèn cho ngựa chạy sát lại gần.

“Ở La Mã cổ đại, vào thời hoàng đế Tiberius, có một ông già kia có hai người con trai.

Một người con đi lính và phải đi đến những vùng đất xa xôi nhất của đế quốc. Người con kia là thi sĩ và cả La Mã yêu thích những bài thơ tuyệt vời của anh ta. Một đêm kia ông bố nằm mộng thấy thiên thần hiện đến bảo rằng những câu nói của một trong hai người con ông được cả thế giới biết và được truyền tụng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Người cha thức giấc, thầm cảm tạ Thượng Đế và khóc vì sung sướng bởi cuộc đời quá hào phóng đã cho ông biết những điều mà mọi người cha đều tự hào. Không lâu sau đó ông chết vì muốn cứu một đứa trả khỏi bị xe ngựa cán. Vì ông sống ngay thẳng, đàng hoàng nên được lên ngay thiên đường. Ở đây ông gặp thiên thần báo mộng cho ông.

“Ông là một người tốt”, thiên thần nói. “Ông sống thương yêu người, ông chết vì làm việc phải. Do đó ta sẽ thỏa mãn bất cứ điều gì ông ước muốn”.

“Cuộc đời cũng đã rất ưu đãi tôi”, ông già đáp. “Ngày nọ, ngài đến với tôi trong giấc mơ thì tôi thấy mọi công lao của mình đã được đền bù vì thơ của con tôi sẽ còn được truyền tụng hàng trăm năm sau nữa. Cá nhân tôi không mong muốn gì cả, nhưng người cha nào chẳng tự hào về đứa con mình đã nuôi dạy. Thành ra tôi muốn rằng, trong một tương lai xa, được nghe những câu nói của con tôi”.

Thiên thần bèn vuốt vai ông và hai người bước vào tương lai xa. Cả nghìn người đứng quanh họ ở một quãng trường rộng lớn, nói với nhau bằng một thứ tiếng lạ.

Ông già khóc vì sung sướng “Tôi biết mà! Thơ của con tôi hay và trở thành bất tử

mà”, ông xúc động nói với thiên thần.

“Tôi rất muốn biết người ta đọc bài thơ nào của nó ở chốn này”.

Thiên thần âu yếm nắm tay ông già rồi hai người cùng ngồi xuống một trong những ghế dài trên quãng trường.

“Thơ của con trai ông rất được yêu chuộng ở La Mã xưa”, thiên thần đáp. “Nhưng sau triều đại của Tiberius thì thơ của con ông cũng bị rơi vào lãng quên. Những lời mà người ta đang nói đây là của anh con trai đi lính cơ”.

Ông già sửng sốt nhìn thiên thần.

“Anh con trai đó phục vụ ở một nơi xa và lên đến chức tư lệnh. Anh ta cũng là một người tốt và chính trực. Một ngày nọ người hầu của anh ốm nằm chờ chết. Người con ông nghe nói có một tu sĩ Do Thái chữa được bệnh tật nên đi hết ngày này sang ngày khác để tìm tu sĩ đó. Trên đường đi anh được biết người mình tìm đó là con của Thượng Đế. Anh gặp những người đã được tu sĩ nọ chữa lành bệnh và họ dạy anh những điều tu sĩ kia đã truyền dạy. Rồi, tuy là một chiến binh La Mã, anh đã cải đạo.

Không lâu sau đó anh gặp nhà tu sĩ. Anh kể ông nghe về bệnh tình của người hầu. Nhà tu sĩ tỏ ý sẵn sàng đi đến nhà anh. Nhưng con trai ông là một người một đạo nên khi nhìn vào mặt nhà tu sĩ anh biết chính đó là con Thượng Đế. Và đây là những lời con trai ông lúc ấy đã nói với tu sĩ và sẽ đời đời được truyền tụng:

“Lạy Chúa, con không xứng đáng để được đón Người vào nhà. Xin Chúa hãy phán truyền cho một tiếng thì kẻ đầy tớ của con sẽ khỏi bệnh ngay.”

“Bất kể giàu hay nghèo, sang hay hèn, ai cũng đều có một vai trò chính trong lịch sử thế giới. Có điều phần nhiều người ta không biết đó thôi”, nhà luyện kim đan nói rồi thúc ngựa đi.

Cậu mỉm cười. Làm sao cậu ngờ được rằng cuộc đời một kẻ chăn cừu lại có thể được xem là quan trọng nhường ấy.

“Vĩnh biệt!” Nhà luyện kim đan nói

“Vĩnh biệt!” Cậu đáp

Chương 52

Cậu đi suốt hai tiếng rưỡi trên sa mạc, cố lắng nghe trái tim mình, vì nó sẽ cho cậu biết chính xác kho tàng chôn giấu chỗ nào.

"Kho tàng của cậu ở đâu thì trái tim cậu cũng ở đó", nhà luyện kim đan đã bảo cậu thế.

Nhưng tim cậu lại nói về những chuyện khác. Nó hãnh diện kể về một gã chăn cừu đã rời bỏ đàn cừu của mình để theo một giấc mộng mà gã đã mơ thấy hai lần. Nó nói về vận mệnh và về những người cũng đã từng lên đường đi tìm những vùng đất xa xôi và đàn bà đẹp, đương đầu với những người đương thời cùng những thế giới quan và định kiến của họ. Suốt dọc đường nó kể về những chuyến viễn du, những khám phá lớn, những sách vở và những biến chuyển lớn lao. Chỉ vào lúc cậu định leo lên một đồi cát, đúng ngay giây phút đó, không hơn không kém một giây, tim cậu mới thì thào: "Hãy ghi nhớ nơi mà cậu sẽ khóc. Tôi cũng sẽ có mặt ở đó và đó cũng là nơi chôn giấu kho báu của cậu đấy".

Cậu từ từ leo lên đồi cát. Trăng lại tròn vành vạnh giữa bầu trời đầy sao. Cậu đã rời ốc đảo được đúng một tháng. Đồi cát chỗ sáng chỗ tối dưới ánh trăng trông như mặt biển gợn sóng làm cậu nhớ lại cái lần mình buông cương để ngựa đi tìm dấu hiệu mà nhà luyện kim đan đòi hỏi. Ánh trăng soi trên sa mạc im ắng và soi cả những chuyến viễn du của những người đi tìm kho báu.

Lát sau, khi cậu leo lên được đỉnh đồi cát thì tim cậu rộn lên mừng rỡ. Kim Tự Tháp Ai Cập nằm kia, đồ sộ và hùng vĩ trên mặt sa mạc loáng ánh trăng tròn. Cậu quì xuống và khóc vì ngợp trong hạnh phúc. Cậu tạ ơn Thượng Đế đã khiến cậu tin vào vận mệnh mình cũng như đã khiến cậu gặp được vị vua già, chủ cửa hàng pha lê, anh chàng người Anh và nhà luyện kim đan. Nhất là đã khiến cậu gặp được cô gái sa mạc và cô đã cho cậu biết rằng tình yêu không bao giờ cản trở người trai theo đuổi vận mệnh mình. Các Kim Tự Tháp hùng vĩ có từ hàng nghìn năm trước như nhìn xuống cậu. Nếu muốn cậu có thể quay về ốc đảo ngay bây giờ, lấy Fatima và sống cuộc đời của người chăn cừu bình thường. Ngay cả nhà luyện kim đan cũng sống trong sa mạc, dù ông biết thứ ngôn ngữ vũ trụ và biến được chì thành vàng. Cậu chẳng cần phải chứng tỏ với một ai kiến thức và tài sản của mình. Trên bước đường thực hiện vận mệnh mình cậu đã học được mọi điều cần thiết và đã được sống như cậu hằng mơ tưởng. Bây giờ thì cậu đã tới được nơi chôn giấu kho báu rồi. Nhưng một việc chỉ được coi là hoàn tất khi nào đạt mục tiêu.

Cậu đã khóc trên đồi cát này. Nhìn xuống mặt cát cậu thấy một con bọ hung đang bới chỗ nước mắt cậu vừa rơi xuống. Trong những ngày ở sa mạc cậu học được rằng ở Ai Cập bọ hung là dấu hiệu của Thượng Đế. Thế là thêm một điềm báo nữa! Cậu bắt đầu đào, vừa đào vừa nhớ tới điều người bán hàng pha lê từng nói: ai cũng có thể xây được Kim Tự Tháp trong vườn của mình. Bây giờ thì cậu thấy có bỏ cả đời để chồng đá lên nhau cũng chẳng bao giờ thành nổi một Kim Tự Tháp được.

Cậu đào suốt đêm chỉ một chỗ đó mà chẳng tìm thấy gì. Kim Tự Tháp hàng nghìn năm kia lặng lẽ nhìn xuống cậu. Nhưng cậu không bỏ cuộc; cậu tiếp tục vừa đào vừa phải cản ngọn

gió cứ lùa cát vào lại lỗ trũng. Hai tay cậu mỏi nhừ, tấy lên nhưng cậu tin vào trái tim mình. Nó đã bảo cậu phải đào chỗ những giọt nước mắt rơi xuống.

Rồi cậu chợt nghe có tiếng chân trong lúc đang moi đá. Có mấy bóng người đang lại gần. Họ quay lưng về phía ánh trăng nên cậu không thấy được mặt mũi lẫn mắt họ.

"Mày làm trò gì đấy?" Một cái bóng hỏi.

Cậu không đáp mà thấy sợ, sợ mất kho báu

"Bọn ta chạy lạc vì các bộ lạc đánh nhau, nên rất cần tiền", một bóng khác nói. "Mày giấu gì ở đấy?"

"Tôi chẳng giấu gì cả", cậu đáp. Nhưng một cái bóng khác túm lấy cậu, kéo ra khỏi hố. Một tên khác lục túi cậu, thấy thỏi vàng.

"Nó có vàng trong người", gã đó kêu.

Ánh trăng rọi vào mặt gã và cậu nhìn thấy thần chết trong đôi mắt họ.

"Chắc là nó còn giấu trong cát nhiều vàng nữa", một gã khác nói.

Chúng bắt cậu đào tiếp, nhưng rút cục vẫn chẳng thấy gì hết. Thế là chúng xúm lại tẩn cậu, mãi cho đến khi mặt trời ló dạng. Quần áo cậu rách bươm và cậu cảm thấy mình gần kề cái chết.

"Đằng nào mình cũng sẽ chết thì tiền còn quí báu gì nữa?"

Cậu nghĩ và nhớ lại nhà luyện kim đan đã từng nói: "Ít khi tiền cứu được người ta khỏi chết"

Thế là cậu thú thực: "Tôi tìm kho báu", rồi với đôi môi dập nát và sưng vù cậu kể cho bọn kia rằng đã hai lần mơ thấy một kho tàng giấu gần Kim Tự Tháp này. Gã có vẻ là đầu sỏ lũ này im lặng một lúc rồi bảo đồng bọn: "Thả nó ra. Nó hết sạch rồi. Chỗ vàng này chắc là nó lấy cắp được".

Cậu úp mặt xuống cát

"Thôi bọn mình đi", tay đầu sỏ nói.

Rồi gã quay sang cậu: "Mày không chết được đâu. Mày sẽ còn phải sống để nhớ rằng đừng nên ngu xuẩn thế. Hai năm trước, ngay chính chỗ này, tao cũng đã nhiều lần mơ rằng tao phải đi Tây Ban Nha, tìm một ngôi nhà thờ làng đã sụp lở mà lũ chăn cừu thường đưa cừu vào đó làm chỗ trú chân. Trong phòng thay áo lễ có mọc một cây cầu, dưới rễ nó chôn giấu một kho vàng. Tao đâu có ngu để chỉ vì một giấc mơ mà vượt sa mạc"

Rồi chúng bỏ đi. Cậu lảo đảo đứng dậy, nhìn về phía Kim Tự Tháp. Tháp mỉm cười với cậu, cậu cười lại. Tim cậu tràn ngập niềm vui. Giờ thì cậu tìm thấy kho báu rồi.

Chương Kết

BẠT

Cậu tên là Santiago. Cậu đến ngôi nhà nhỏ hoang phế kia khi trời vừa nhá nhem tối.

Cây dâu mọc trong cái phòng thay áo lễ trước kia vẫn còn đó. Qua cái mái đã sập một nửa người ta vẫn có thể thấy được sao trời. Cậu nhớ lại cách đây không lâu mình và lũ cừu đã ở đây một đêm rất yên bình – không kể giấc mộng. Bây giờ không có bầy cừu bên cậu nữa; trong tay cậu là một cái xẻng. Cậu nhìn lên trời một lúc, rồi lấy từ túi ra một chai vang, nhâm nhi. Cậu nhớ lại cái đêm nhìn trăng trong sa mạc, uống vang với nhà luyện kim đan; nhớ lại những chặng đường đã trải qua và cái phương cách lạ thường Chúa chọn để chỉ cho cậu kho tàng. Nếu không tin vào điều cậu hai lầnmơ thì cậu sẽ không bao giờ gặp bà lão Zigeuner, nhà vua già, gã bịp và những người khác trên con đường dài rong ruổi.

“Danh sách những người và việc mình đã gặp thì dài lắm. Nhưng đã có dấu hiệu chỉ mình hướng đi thì mình không thể nhầm lẫn được”, cậu tự nhủ.

Rồi cậu thiếp đi mà không hay. Khi mở mắt thì mặt trời đã lên cao. Cậu bắt đầu đào bới dưới gốc cây dâu

“Ông đúng là một lão phù thủy”, cậu thầm nghĩ. “Ông biết trước cả rồi. Thậm chí ông đã để lại cả vàng cho cháu để cháu có tiền đi đường, trở lại ngôi nhà thờ này. Người tu sĩ Côptic đã cười khi thấy cháu quay lại tu viện với quần áo rách bươm. Chẳng lẽ ông không thể miễn cho cháu những khốn khổ đó được à?”

“Không”, cậu nghe gió đáp. “Nếu ta cảnh báo cậu thì cậu sẽ chẳng bao giờ thấy được Kim Tự Tháp. Mà chúng đẹp biết bao, phải thế không?”

Đó là tiếng nhà luyện kim đan.

Cậu cười, đào tiếp. Sau nữa giờ lưỡi xẻng chạm phải vật gì cứng. Một giờ sau cậu đứng trước một cái hòm đầy tiền vàng cổ Tây Ban Nha. Có cả đá quí, mặt nạ vàng đính lông trắng, đỏ và cả những pho tượng cẩn ngọc. Đó là những thứ cướp bóc được trong thời kì xâm lược mà đất nước này đã quên từ lâu và những kẻ đi xâm lược cũng không kể lại cho con cháu họ.

Cậu moi bị lấy ra hai viên Urim và Thummim mà cậu chỉ dùng có mỗi một lần, vào một buổi sáng nọ ở bãi chợ. Đời cậu và con đường cậu trải qua đều rải đầy dấu hiệu.

Cậu bỏ hai viên đá vào hòm. Chúng cũng là một phần của kho tàng vì chúng gợi cậu nhớ đến nhà vua già mà cậu hẳn sẽ không bao giờ gặp lại nữa.

“Đúng là cuộc đời rất hào phóng với người nào chịu theo đuổi vận mệnh mình”, cậu nghĩ. Rồi cậu nhớ rằng phải đến Tarifa để trả bà lão Zigeuner một phần mười kho báu.

“Sao họ tinh ranh thế nhỉ? Có lẽ vì họ đi nhiều”, cậu nghĩ.

Gió lại thổi, gió Levante từ châu Phi. Lần này gió không mang lại mùi sa mạc hay mối đe dọa xâm lược của người Mauren, mà mang đến một mùi thơm cậu rất quen, và một nụ hôn nhẹ nhàng chạm trên môi cậu. Cậu mỉm cười. Lần đầu tiên cô ấy hôn mình.

"Anh đến đây, Fatima " , cậu nói.